

HIỆN ĐẠI

tháng 4 - 1960

TRUY NIỆM NHỮNG NHÀ VĂN, THƠ ĐÃ TỪ TRẦN

LÊ XUÂN KHOA

HOÀNG ĐẠO

TRỊNH VIỆT THÀNH

ALBERT CAMUS

NGUYỄN DUY DIỄN

VŨ TRỌNG PHỤNG

ĐINH HÙNG

THẠCH LAM ; THÂM TÂM

NGUYỄN SA

PHAN HUY VỊNH

và những sáng tác của :

Duy Thanh : NGUỒN CỬA * Hoàng Anh Tuấn : CÒN LẠI
Mai Thảo : NHỮNG NGƯỜI Ở KHÁCH SẠN * Mặc Đỗ : CON
MUỖI * Alberto Moravia : NGƯỜI LÊN MẶT TRẦN *
Nguyễn Sa : ÁO LỤA HÀ ĐÔNG * Nguyễn Duy Diễn :
DUYÊN KIM CỐ * Tạ Tỵ : NGỒ HẸP * Thanh Nam : CỎ
RỪNG * Thái Thủy : TIẾNG HÁT BUỔI CHIỀU MÙA XUÂN *
Trần Thy Nhã Ca : BÀI NHẢ CA THỨ NHẤT - THANH XUÂN
- NGÀY THÁNG TRÔI ĐI

1

Chủ trương biên tập :

NGUYỄN SA

Tòa soạn : 36, Nguyễn-an-Ninh - Saigon

Hiện Đại

số 1

tháng 4 - 1960



Paris * 09.2025

Bìa & dựng : *Ban Tuyển đọc TVTL*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

HIỆN ĐẠI SỐ 1

**TRUY NIỆM NHỮNG NHÀ VĂN, THƠ
ĐÃ TỪ TRẦN**

HOÀNG ĐẠO * ALBERT CAMUS
VŨ TRỌNG PHỤNG
THẠCH LÂM * THÂM TÂM
PHAN HUY VỊNH

HIỆN ĐẠI
Saigon * tháng 4-1960

NỘI DUNG SỐ NÀY

- | | |
|--|-----------|
| 1. Nguyễn Sa | 11 |
| Mở cửa | |
| 2. Lê Xuân Khoa | 27 |
| Hoàng Đạo, nhà văn của thanh niên | |
| 3. Trịnh Viết Thành | 43 |
| Tìm hiểu vở kịch Les justes của Albert Camus | |
| 4. Nguyễn Duy Diễm | 77 |
| Vũ trọng Phụng, nhà văn tả chân bất hủ | |
| 5. Đinh Hùng | 94 |
| Tìm về kỷ niệm | |

6. Nguyễn Sa 113

Phan Huy Vịnh, phù thủy âm thanh

7. Trần Thy Nhã Ca 136

Ngày tháng trôi đi - Thanh xuân - Bài
nhã ca thú nhất

8. Thanh Nam 142

Cỏ rừng (hay Buồn ga nhỏ)

9. Thái Thủy 163

Tiếng hát buổi chiều mùa xuân

10. Tạ Tỵ 168

Ngõ hẹp

11. Hoàng Anh Tuấn 197

Thư Paris

12. Duy Thanh 206

Ngưỡng cửa

13. Nguyễn Sa 236

Áo lụa Hà Đông

- 14. Nguyễn Duy Diễm** 240
Duyên kim cổ
- 15. Hoàng Anh Tuấn** 242
Còn lại
- 16. Alberto Moravia** 248
Người lên mặt trận * bản dịch của
Hoàng Hải Thủy
- 17. Mặc Đỗ** 278
Con muỗi
- 18. Mai Thảo** 320
Những người ở khách sạn
- 19. Nhìn bảy chân trời** 361
Trần Hạnh * Ý kiến về một truyện ngắn
“Gìn vàng giữ ngọc” của Doãn Quốc Sỹ ;
Thy Liên * Đoạn đường thứ nhất của
điện ảnh Việt Nam ; Thái Thủy * Đêm
Tao Đàn họp mặt đầu xuân

HIỆN ĐẠI TẬP 2
PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 5-5-60

MỞ CỬA

Văn nghệ trong những ngày tháng vừa qua nằm trong một tình trạng buồn. Cuộc sinh hoạt ấy như chợt chìm xuống một vũng sâu có bóng tối dày và nặng. Sự kiện văn nghệ lớn rộng, sống động hơn cả cuộc sống ăn-ngủ-thở biến đi, tan đi. Như biển chợt cạn. Như núi ngã mình nằm xuống đồng ruộng bùn lầy. Hoa lá xanh tốt tàn héo, chim vụt bay.

Nỗi buồn ấy hiển hiện trước mắt. Tờ báo của cuộc đời văn nghệ 57, 58, 59 đi mất. Những người văn nghệ còn ở đấy nhưng buồn cũng đã ở đấy. Ở trên mắt

trên môi, trên đường nét khuôn mặt, trong cử động chân tay. Ở giữa bọt trắng cốc bia, trong những cuộc vui ban đêm, trong những công việc mưu sinh tấp nập. Người ngồi trước cốc bia, người chạy trong cuộc vui ban đêm, người lao mình vào cuộc mưu sinh đều buồn. Bọt bia, đàn đêm, việc mưu sinh thắt lại thành một vòng vây trùng điệp, tụ lại thành một không khí chết chóc, dựng lên thành một trường thành im lặng sừng sững, nặng những buồn chán, chua xót.

*

Có một tình trạng buồn ấy. Nhưng có phải lửa sáng tạo toàn diện phụt tắt ? Có một nỗi chán chường, chua xót xâm chiếm mắt người. Nhưng có phải sự tàn lụi thật sự của mọi sinh hoạt văn nghệ đã bủa lưới bốn phía ? Tôi trả lời : không phải.

Đứng ở ngoài, người ta sẽ có những phê phán dễ dãi. Một người bạn không viết văn nói với tôi bằng hoài nghi : Văn nghệ thời này là lửa rơm, cháy đấy, tắt đấy. Bây giờ là “cạn” hết rồi. Tôi không nghĩ như thế. Ở những người may mắn làm được một bài thơ hay, viết được một truyện ngắn đọc được thì ngọn lửa sáng tạo vụt cháy, vụt tốt. Nhưng ở những người mà sức sáng tạo đang ở lúc lớn mạnh nhất, phong phú nhất, không thể giải thích đơn giản như thế được Có suối và sông. Có con nước nhỏ và nguồn nước lớn. Suối nhỏ có thể cạn. Sông lớn có mùa nước xuống nước lên, nhưng chỉ có thể khô cạn lúc biển cạn, lúc đổi đời, lúc con người nằm xuống.

Nhìn thẳng vào cuộc sống văn nghệ bằng con mắt nghề nghiệp tôi vẫn thấy cuộc sống rộng lớn hơn cuộc sống ăn-

ngủ-thở vẫn còn ở đây. Lửa vẫn cháy. Ở đáy sâu từng thạch động. Ở cuối bãi một cánh đồng xa mà chung quanh là sương mù. Nhưng chắc chắn lửa vẫn cháy, ngọc vẫn sáng, cuộc sáng tạo toàn diện vẫn tiếp diễn thâm lặng nhưng liên tục.

Mặc Đỗ sắp sửa in cuốn tiểu thuyết thứ ba. Mỗi năm một quyển. Duy Thanh, người của hội họa, cũng làm xong một truyện dài (mà một cánh tay của đứa con tinh thần ấy có mặt ở Hiện Đại số 1). Doãn quốc Sỹ vẫn đều đặn viết, đăng, in. Và còn phải nói đến những cánh tay trẻ viết không biết mỏi vẫn sinh hoạt thâm lặng ở bốn phía Saigon. Những con sông nhỏ bé ấy đang vươn tay vạch trong những lớp đất sỏi cứng mà đổ về cửa biển.

Phong độ sáng tạo của những người văn nghệ ở quanh đây chưa khô cạn,

chưa bao giờ và không bao giờ. Chiếc lá già này rụng xuống thì năm mười búp nụ sẽ nảy lộc ở chung quanh.

Thế tại sao không khí trở nên tẻ nhạt. Tình trạng u buồn ấy, tại sao ?

Có người bảo tôi : văn nghệ của ta có thể có tài nhưng họ mãi mê trác táng. Họ ngừng cả sáng tạo để mà trác táng. Họ cho rằng phải bừa bãi, phóng túng, trụy lạc mới là nghệ sĩ. Rồi lửa của những trận cười đêm đốt cháy cánh thiêu thân. Có thật như thế không ? Mặc cảm văn nghệ ấy có hiện hữu thật sự không ?

Tôi không được sống trong không khí văn nghệ của thời tiền chiến. Một bạn văn già đã mô tả cho tôi cuộc sống ấy. Rút tỉa ở lời kể chuyện những kết luận tôi ước đoán rằng có thể đã có một lúc một số người đã quan niệm một cách

công thức về cuộc đời văn nghệ. Họ cân bằng một phương trình có hai vế : văn nghệ và trác táng.

Những người cân bằng phương trình như thế, quả thật tôi không còn gặp ở quanh tôi. Có người đánh bạc. Có người lái xe hơi nhanh ban đêm. Có người uống rượu nhiều. Có người ngồi lâu ở những nơi âm nhạc. Nhưng có phải họ đang tập “vai kịch văn nghệ” không ? Không có nhân vật kịch ấy ở cuộc đời này. Ở mỗi hành động, cử chỉ phóng túng tôi thường không nhìn thấy vẻ kịch cỡm giả tạo. Chỉ có sự lo nghĩ bi đát. Chỉ có nỗi xao xuyến mạnh như gió lốc tạo thành những khoảng trống trong lòng. Ở những khoảng trống ấy, tôi tin rằng những cỏ rác bị cuốn bay đi để lại một khu đất phong quang làm nền cho tác phẩm lớn. Chúng có hiển hiện là khi gặp gỡ nhau ở những

địa điểm du hí, người văn nghệ thường dừng dừng trong cuộc vui. Họ còn thường khi nói với nhau về văn nghệ. Tôi nghĩ đến địa điểm gặp gỡ hiện tại của văn nghệ : nhà hàng La Pagode. Ở đây chúng tôi đã bàn nhau về sự vắng mặt của tờ báo của Mai Thảo và khoảng trống nó để lại. Có khi câu chuyện hướng về cái chết của Camus, cuộc Âu du của Vũ hoàng Chương, tiểu thuyết mới của nhóm Butor ở Pháp. Cũng được nói lên cả bản án những nhà văn thuộc nhóm Nhân Văn, căn bệnh đau dạ dày của Đinh Hùng. Tuần trước, ở gian nhà ngoài của một phòng trà : Quốc Phong, Thanh Nam, Mai Thảo, Cung trầm Tưởng, Trịnh viết Thành, Hoàng anh Tuấn, và tôi đã ngồi từ lúc ngôi nhà có nhạc ấy mở cửa đến lúc đóng cửa mà nói với nhau về tiểu thuyết, về ngành phê bình văn học ở nước ta.

Cho nên, tôi nhắc lại. Sự có mặt của người văn nghệ đôi lúc ở những nơi có cuộc vui không phản ánh quan niệm xa cũ : văn nghệ = trác táng. Sự có mặt ấy chỉ phản ánh niềm lo nghĩ. Sự có mặt ấy là dấu hiệu của sự có mặt tương lai của tác phẩm.

*

Như thế, không khí buồn của cuộc đời văn nghệ đến từ chỗ văn nghệ thiếu những cứ điểm sinh hoạt. Thiếu những tờ báo thật sự văn nghệ. Tờ báo không phải là tác phẩm. Người văn nghệ không phải nhờ tờ báo mới sáng tạo được. Có khi khuôn khổ nhỏ hẹp của báo chương chỉ làm cho họ viết được những bài văn nhỏ bé vụn vặt. Tác phẩm sẽ thiếu kích thước lớn rộng, khổng lồ. Đồng ý. Nhưng thiếu những tờ báo như thế, không khí ấy sẽ thiếu đi. Và cảm tưởng bị dất, chua

sốt sẽ xâm chiếm tất cả. Ngọc quý vẫn giữ nguyên chất ngọc dù trong bóng tối, dưới biển sâu. Nhưng ánh nắng sẽ làm cho cho ngọc ấy sáng lên, tươi lên, vui lên. Những tờ báo thật sự văn nghệ thường đóng giữ được vai trò của ánh sáng đưa viên ngọc-tác-phẩm về với cuộc đời. Nó là tấm thảm để bày biện tác phẩm trong cuộc sống. Nó là bãi biển cho những con sông đổ về, là quê hương cho những người giang hồ trở về ca hát. Đúng thế, mỗi khi sáng tạo một tác phẩm lớn người văn nghệ trở thành một gã giang hồ đi vào xứ cô đơn rộng lớn. Mỗi người khi sáng tạo sống với chính mình. Nó tranh thủ với thời gian, như Mặc Đỗ nói. Nó bị đẩy vào chỗ cô độc siêu hình như tôi đã có dịp bày tỏ [Quan điểm văn học và triết học. - N.S.]. Nhưng tác phẩm xong xuôi hoàn thành còn phải có tờ báo mà sinh hoạt. Cần phải có tờ báo mà soi gương tác phẩm.

Tờ báo là không khí cho tác phẩm. Tất nhiên tác phẩm ở lại với lịch sử, và báo chương tàn lụi đi. Nhưng thiếu những tờ báo văn nghệ, tác phẩm phải tạm thời sống trong không khí buồn.

Và không khí buồn bây giờ là ở chỗ thiếu sót ấy. Vì thế, ***Hiện Đại mở cửa.***

✱

Bên cạnh những tình cảm, nhận định thôi thúc khích động, cũng có những tình cảm e ngại. Thoạt đầu, tôi thấy không có gì đáng e ngại cả. Một tờ báo văn nghệ chỉ có lợi cho sự sáng tạo, cho nghệ thuật, văn hóa. Không có lý do gì đáng e ngại hết. Tôi nghĩ đến ích lợi của một vài tờ báo với cá nhân tôi. Nhờ có sự thúc giục, không khí vui của những tờ báo ấy

mà sự sáng tác của tôi trở nên đều đặn. Tôi đã viết được một cái gì nhờ sự hiện hữu của những báo chương ấy. Cũng như không có Phong Hóa, Ngày Nay thì Tự Lực Văn Đoàn không gây được cái không khí sáng tác phong phú như đã có. Không có Nam Phong thì Phạm Quỳnh sẽ bé nhỏ đi nhiều. Cho nên không cần phải e ngại gì hết. Bắt tay vào việc, đó là điều quan hệ.

Những chướng ngại vật-e-ngại dần dần được dựng lên. Bạn bè hỏi han : Tại sao lại làm báo ? Có nhằm một mục đích chính trị nào không ? Có định lợi dụng văn nghệ làm bậc thang, làm phương tiện hay không ? Những câu hỏi hoài nghi ấy lúc đầu mang sắc thái của những lưỡi dao nhọn đâm vào tim vào óc. Có lúc tôi nghĩ rằng đó là những lời nói phản ảnh lòng đố kỵ. Thật sự, có người bị

đầy ải thường xuyên trong tình cảm đổ vỡ. Nhưng nhiều bạn bè đã nhìn tôi bằng cặp mắt tình yêu mà hỏi han như thế. Cặp mắt đã nói cho tôi biết rằng những người văn nghệ đã bị lừa gạt nhiều. Niềm thất vọng họ mang trên mắt, trên môi, trong mỗi lời văn, nét bút. Cuộc sống đã biến những ý thức trong sáng thành những ý thức chua sót. Và những câu hỏi thân yêu dưới mắt tôi đột nhiên hàm xúc ý nghĩa của những lời dăn dò, khuyên nhủ. Những câu hỏi hoài nghi chứa đựng lời dăn lên đường : có chắc làm được một tờ báo thực-sự-văn-nghệ không ? Có chắc phụng sự cho văn hóa được không ? Chắc hãy làm.

Tôi đã trả lời, những lời nói đúc kết bởi kinh nghiệm ấy bằng sự im lặng biết ơn.

Tôi không nói gì bởi vì muốn rằng
Hiện Đại sẽ tự nó trả lời.

Nó đang bắt đầu trả lời.

*Và bài báo đầu tiên này mang nặng
ý nghĩa một lời hứa.*

NGUYỄN SA

Những người không chết

Con người thường xuyên đứng trong một vị trí không gian và thời gian. Nên cuộc sống toàn vẹn, đầy đủ, phong phú hơn cả bao giờ cũng là cuộc-sống-với-cuộc-đời hiện đại. Người sống thật sự nhất là người biết đau niềm đau của thời đại, biết cái chung với cuộc vui của thế hệ mình. Nó biết lo âu, hy vọng thật sự với đồng loại, với những con người cụ thể đang sinh sống ở bên phải bên trái, ở chung quanh nó

Những sống với cuộc đời hiện đại không có nghĩa là cắt đứt hết mọi liên lạc với dĩ vãng, lịch sử. Ý thức sáng tỏ về dĩ vãng bao giờ cũng là cánh cửa mở vào hiện tại cũng như sinh hoạt hiện tại bao giờ cũng là những nhịp cầu bắc đến tương lai.

Cho nên những bài biên khảo của tập Hiện Đại đầu tiên hướng về một đề tài duy nhất : truy niệm những người nhà văn đã từ trần nhưng vẫn thường xuyên có mặt trong tâm hồn con người hiện đại.

Số lượng “những người không chết” ấy ta đều biết rất đông đảo. Ở đây chúng tôi chỉ nói đến một vài “Những người không chết” có mặt trong khuôn khổ tập văn này không đại diện cho những người vắng mặt kia. Cũng không phải vì họ chiếm giữ một vai trò quan trọng hơn những nhà văn, thơ khác của lịch sử. Mỗi người trong chúng tôi nói đến một nhà văn, thơ mà

mình tưởng nghĩ đến nhiều nhất. Sự chọn lọc chỉ xây trên tình cảm chủ quan chân thật của mỗi người trong chúng tôi.

Hiện Đại

HOÀNG ĐẠO, NHÀ VĂN CỦA THANH NIÊN

Lê Xuân Khoa

Một trong những hình ảnh đậm đà nhất hiện ra trong trí tôi mỗi khi tôi nghĩ về lớp nhà văn thời tiền chiến là hình ảnh của Hoàng Đạo.

Tôi nhớ đến Hoàng Đạo không phải vì ông là một nhà văn đã khuất. Cái chết bất ngờ của Hoàng Đạo giữa thời kỳ hoạt động cách mạng, tám năm sau khi rời bỏ địa hạt văn chương, tuy có làm chúng ta bùi ngùi nhớ tiếc, vẫn không phải là cái chết của một người văn nghệ như trường

hợp của Vũ Trọng Phụng hay của Hàn Mặc Tử. Tôi còn nghĩ rằng cái sự nghiệp làm báo và viết văn của Hoàng Đạo trong một thời gian ngắn ngủi 1932-1910 chưa đủ làm cho chúng ta nhớ đến ông như một điển hình của Nghệ thuật.

Nhưng tôi nhớ đến Hoàng Đạo vì đã ghi nhận được ở nơi ông một bài học quý báu cho thanh niên : một tấm lòng tha thiết với xã hội và một nỗ lực hoạt động để thực hiện lý tưởng.

✱

Hoàng Đạo sinh năm 1907 tại Hải Dương (Bắc phần) thuộc một gia đình trí thức tiểu tư sản. Tốt nghiệp trường Luật Đông Dương tại Hà Nội năm 1927, ông làm Tham tá Ngân khố và sau đó chuyển

sang ngạch Tư pháp, làm Tham tá Lục sự năm 1929. Mười năm sau, ông từ chức để có thì giờ chuyên hoạt động báo chí và cách mạng.

Gia đình Hoàng Đạo có bảy anh em. Ông là con thứ tư, sau Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và trước Thạch Lam Nguyễn Tường Lân (1911–1943). Lập gia đình riêng năm 1933, Hoàng Đạo được bốn người con, ba trai một gái, nay đã trưởng thành. Bà Hoàng Đạo hiện mở tiệm buôn bán tại Saigon và chung sống với các con.

Hoàng Đạo mất ngày 22-7-1948 trên một chuyến xe lửa từ Hương Cảng về Quảng Châu, hình như vì bệnh đau tim.

Cuộc đời văn nghệ của Hoàng Đạo bắt đầu từ năm 1932 là năm cùng với Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, đứng ra cải tiến tờ tuần báo

Phong Hóa của ông Phạm Hữu Ninh, cho đến năm 1940 là năm Hoàng Đạo bị thực dân bắt đi an trí tại Hòa Bình vì hoạt động chính trị. Sau cuộc đảo chính Nhật năm 1945, Hoàng Đạo lại cùng nhóm anh em cũ làm sống lại tờ Ngày Nay (Kỷ Nguyên Mới) nhưng ông chỉ viết thêm trong mấy tháng. Tất cả các tác phẩm của Hoàng Đạo, trước khi in thành sách, đều đã được đăng trong hai tờ Phong Hóa và Ngày Nay.

Thời kỳ viết báo Phong Hóa (1932-1936). - Hoàng Đạo phụ trách mục phê bình lấy tên là Người và Việc : Từ Nhỏ đến Lớn, Từ Cao đến Thấp. Ông chọn bút hiệu là Tú Ly, tức là tên của giờ xấu nhất trong ngày, với dụng ý đã phá thói tục dị đoan mê tin. Trong thời kỳ này, ông chuyên về lối văn châm biếm, đứng trên quan điểm khoa học và tiến bộ để

đả kích tất cả những người và việc nào ông cho là lạc hậu, hủ bại. Đối tượng châm biếm của Hoàng Đạo rất phức tạp nhưng đại cương có thể xếp vào trong ba loại : cổ tục, thực dân và quan lại. Qua những đoạn văn bén nhọn của Hoàng Đạo trong Mục Người và Việc, nụ cười bao giờ cũng chua chát mỉa mai và luôn luôn kèm theo những lời chỉ trích nặng nề. Hoàng Đạo vẫn say sưa với chủ trương đổi mới xã hội, cải tạo chế độ và con người cho nên ông mạnh dạn dùng ngòi bút để công phá tất cả mọi trở ngại của công cuộc canh tân.

Ảnh hưởng của báo Phong Hỏa càng ngày càng lan rộng làm cho giới thủ cựu cũng như chính quyền thực dân và quan lại bù nhìn không thể chịu nổi. Phong Hóa có thể biến thành một thứ khi giới cực kỳ nguy hiểm và có thể gây nên

những hậu quả xã hội tai hại cho chính sách ngu dân và bóc lột của thực dân và quan lại. Đó là lý do chính : khiến cho Phong Hóa bị đóng cửa năm 1936.

Thời kỳ viết báo Ngày Nay (1935-1940). - Tuần báo Ngày Nay ra đời từ khi còn mờ mịt báo Phong Hóa (số đầu tiên ra ngày 30-1-1935). Ý định của Tự Lực Văn Đoàn là biến tờ Phong Hóa thành cơ quan trào phúng, còn tờ Ngày Nay thì chuyên về nghị luận và xây dựng.

Hoàng Đạo tiếp tục viết cho cả hai tờ báo. Sau khi Phong Hóa bị đóng cửa, bút hiệu Tú Ly được đổi thành Hoàng Đạo, tức là tên của giờ tốt nhất trong ngày. Hoàng Đạo bắt đầu muốn thí nghiệm thời vận chăng ? Có lẽ. Việc thay đổi bút hiệu, đối với Hoàng Đạo, chắc chắn không phải là một hành động dị đoan nhưng ít nhất nó cũng chứng tỏ rằng ông đang

nuôi hy vọng và không muốn cho hy vọng của mình bị nhuốm lên bất cứ một vẻ gì không đẹp.

Cùng với sự thay đổi bút hiệu, phương pháp đấu tranh của Hoàng Đạo cũng chuyển theo hướng mới. Từ thái độ đả phá tiêu cực, Hoàng Đạo chuyển sang lối nghị luận xây dựng, và sau này ông còn bước thêm vào địa hạt sáng tác nữa.

Từ nay, sự nghiệp của Hoàng Đạo bắt đầu trở nên vững chãi.

Trong giai đoạn đầu của Ngày Nay, Hoàng Đạo vẫn còn dùng lối văn châm biếm kiểu Phong Hóa trong thiên phóng sự Trước vành móng ngựa. Hơn một năm sau (1936), Hoàng Đạo bắt đầu xác định một kế hoạch tranh đấu và xây dựng hẳn hoi. Một mặt, ông nêu ra Mười điều tâm niệm nhằm mục đích huấn luyện một

mẫu người hoàn toàn đời mới, từ thể chất đến tinh thần và hành động. Một mặt khác, ông nêu lên những vấn đề cải cách xã hội qua những bài nghị luận về chế độ chính trị, đời sống cần lao và tệ đoan của xã hội phong kiến, lạc hậu.

Ở đây, tôi không có ý duyệt lại tư tưởng của Hoàng Đạo qua từng tác phẩm của ông, nhưng thiết tưởng cũng cần phải có một cái nhìn bao quát về văn nghiệp của Hoàng Đạo.

Trong công việc xây dựng một mẫu người lý tưởng, Hoàng Đạo đã chú trọng đủ tất cả những điều kiện căn bản mà ta có thể sắp đặt lại vào một thứ tự như sau :

Về phương diện thể chất : Con người mới, cần phải luyện tập một thân thể tráng cường (Điều tâm niệm thứ 9).

Về phương diện trí tuệ : Cần phải có một ý thức rõ rệt về vấn đề theo mới (điều thứ 1), phải rèn luyện một bộ óc khoa học (điều thứ 7) và một tinh thần xếp đặt (điều thứ 10).

Về phương diện đức hạnh : Không ham chuộng hình thức công danh mà cần xây dựng sự nghiệp tích cực, có ích lợi cho những người chung quanh (điều thứ 8). Lại cần rèn luyện một tính khí cương quyết (Hoàng Đạo muốn nói đến ý chí) và một nhân cách cao thượng : không sợ hãi, không nịnh hót, không đố kỵ (điều thứ 5). Hơn nữa, con người mới còn cần phải nuôi nấng một lý tưởng hướng dẫn cho đời sống của mình trở nên có ý nghĩa và hạnh phúc (điều thứ 3).

Sau hết, về hành động, con người mới cần phải đem hết tài trí ra làm việc

cho xã hội, nỗ lực hoạt động trong tình thương yêu và đoàn kết, để cho «những sự tối tăm ngu muội phải tan đi, nhường chỗ lại cho ánh sáng» (điều thứ 4)

Kế hoạch của Hoàng Đạo, nói chung, rất là hợp thời và đầy đủ, Thêm vào đó, giọng văn của Hoàng Đạo, ngoài tính cách lý luận đanh thép, còn biểu hiện cả một tấm lòng tha thiết chân thành, dễ khích động những tâm hồn trẻ tuổi và tiến bộ.

Lẽ tất nhiên, chủ trương cấp tiến của Hoàng Đạo không tránh khỏi tính cách cực đoan. Các nhà phê bình thường nhận thấy có hai điểm sai lầm trầm trọng nhất :

1) Hoàn toàn theo mới, đến nỗi phủ nhận tất cả những giá trị văn hóa cổ truyền.

2) Quá tôn thờ khoa học, đến nỗi không kể đến giá trị của tôn giáo và lầm lẫn tín ngưỡng với dị đoan.

Nhưng nếu chủ trương đổi mới của Hoàng Đạo có tính cách cực đoan thì hầu hết những bài nghị luận về sự cải tạo xã hội lại có giá trị vô cùng thiết thực. Say sưa với những tư tưởng tự do dân chủ của Tây phương, tha thiết nghĩ đến đám dân nghèo sống trong cảnh bần lầy nước đọng, Hoàng Đạo đã nêu ra những vấn đề thực tế, đòi hỏi nhà cầm quyền sửa đổi chính sách kinh tế và chính trị, chẳng hạn yêu cầu bãi bỏ thuế thân và đánh thuế hoa lợi, bãi bỏ chế độ mộ phu đi làm đồn điền cao su, thi hành việc cải cách ruộng đất, ban bố các quyền tự do lập hội, tự do ngôn luận. Những bài nghị luận của Hoàng Đạo tuy không phải là những dự án cải cách nhưng bao giờ

cũng là những lời đề nghị sáng suốt và hợp lý, dựa trên những bằng chứng xác thực và những tư tưởng công bình, nhân đạo. Có thể nói Hoàng Đạo là một nhà báo tận tụy nhất và can đảm nhất lúc bấy giờ đã nói lên tất cả những bất công xã hội đang đè nặng trên đầu đám dân nghèo, mà nguyên do là chính sách bóc lột phi nhân của thực dân và tác phong thối nát hách dịch của hàng ngũ quan trường, nha lại.

Trong những năm về sau, muốn cho tư tưởng của mình được phổ biến sâu rộng và hấp dẫn hơn, Hoàng Đạo bắt đầu bước vào địa hạt của tiểu thuyết với tập truyện dài *Con đường sáng* và ngót hai chục truyện ngắn sau này in thành tập *Tiếng đàn*.

Tiểu thuyết của Hoàng Đạo thuộc vào loại tiểu thuyết luận đề. Ý niệm dẫn

đạo là thử tìm một lối thoát cho lớp thanh niên trí thức đang hoang mang trước vấn đề công danh và sự nghiệp, hoặc đang chán nản trước cuộc sống vô lý và buồn tẻ nên tìm cách quên đời trong những cuộc truy hoan, bên gái đẹp, rượu nồng và thuốc phiện. Lối thoát ấy là cái ý nghĩa của một đời sống phóng khoáng tự do, tìm hạnh phúc trong những hoạt động xã hội, đem ánh sáng văn minh diu dắt người đồng loại ra khỏi vòng dốt nát và nghèo khổ.

Thực ra cái lý tưởng trên đây chỉ được trình bày minh bạch trong tập truyện dài Con đường sáng. Còn trong các truyện ngắn như Tiếng đàn, Phiêu lưu, Chán nản, Chung tình, Tiếng sáo thiên thai, Thông thả. Con đường râm mát, Hoàng Đạo chỉ làm công việc ghi chép khách quan một số hình ảnh và

tâm trạng của thanh niên thời bấy giờ đang bị ràng buộc trong một nếp sống tẻ nhạt và bế tắc. Người đọc sẽ nhận thấy cần phải tìm cho họ một lối thoát tươi sáng và thích hợp.

Bên cạnh những truyện ngắn đặt vấn đề lý tưởng trên đây, Hoàng Đạo còn viết thêm vài truyện gợi tình cảm xã hội. (Một gia đình, Tiếng pháo xuân, Dưới làn sóng) và một vài sáng tác vui nhẹ hay lãng mạn (Không lấy vợ, Quỳnh Dao, Hoa Thủy tiên).

*

Hoàng Đạo đã sống hai cuộc đời : làm văn và làm cách mạng. Tôi không biết nhiều về những hoạt động chính trị chống Thực dân và Cộng sản của

ông cho nên trong bài này tôi chỉ ghi lại hình ảnh của một Hoàng Đạo nhà văn, nhà báo. Dù sao chúng ta cũng không lấy làm lạ khi thấy Hoàng Đạo dấn thân vào cuộc đời cách mạng. Việc đó chỉ ghi thêm một giai đoạn của cùng một con đường đã vạch sẵn từ trước : mưu cầu tự do và hạnh phúc cho dân tộc. Như chúng ta đã thấy, văn nghiệp của Hoàng Đạo nặng về phần châm biếm và nghị luận hơn là phần tiểu thuyết. Nhưng hôm nay nhắc nhở đến Hoàng Đạo, tôi không có ý định làm công việc phê bình văn phẩm của ông, cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật. Ngày nay, chúng ta có thể thấy trong tư tưởng của Hoàng Đạo có nhiều điểm đã lỗi thời ; ta cũng có thể thấy trong nghệ thuật tiểu thuyết của ông có vài chỗ còn non yếu.

Nhưng, như tôi đã nói ở trên, tôi nhớ đến Hoàng Đạo chính là vì đã nhận thấy ở cuộc đời và sự nghiệp của ông một bài học có giá trị trường cửu, quý báu cho thanh niên ở bất cứ một thế hệ nào. Đó là bài học về nhiệm vụ làm người : hãy sống một cuộc đời đáng sống (Mười điều tâm niệm).

Tôi đã mở bài với ý nghĩ ấy. Tôi xin nhắc lại ý nghĩ ấy ở đây để chúng ta cùng suy ngẫm, nhất là các bạn thanh niên trong giai đoạn hiện tại.

Lê Xuân Khoa

TÌM HIỂU VỞ KỊCH LES JUSTES CỦA ALBERT CAMUS

Trịnh Viết Thành

Số tác phẩm kịch đề cập đến thân phận con người xuất bản trong những năm gần đây có lẽ nhiều hơn gấp trăm lần những cuốn tiểu luận có tính cách triết học. Sở dĩ có hiện tượng này phải chăng là vì không cắt nghĩa được định mệnh và muốn tìm hiểu “những bí ẩn của cuộc đời nên con người đã tạo ra kịch¹”. Nhận định trên có lẽ đúng một

1 Louis Jovet. Témoignages sur le théâtre.

phần nào nếu ta nghĩ đến những tác phẩm của Gabriel Marcel, Sartre, Camus, Thierry Maulnier và biết bao triết gia, nhà văn khác đều viết kịch để trình bày quan điểm của mình về con người. Nói một cách khác, hình như ngày nay kịch đã nghiệm nhiên trở thành một bộ môn gần như độc nhất để tìm hiểu một cách hữu hiệu, sống động những khía cạnh sâu kín nhất của con người.

Cũng vì vậy chúng ta không ngạc nhiên chút nào khi thấy sau hai vở kịch *Le Malentendu* và *Caligula*, Albert Camus lại cho xuất bản vở kịch *Les Justes*².

Với vở kịch này, Camus đưa chúng ta trở lại sống trong thời kỳ đẫm máu nhất của lịch sử cách mạng Nga đầu thế kỷ XX. Đến lúc này người ta mới nhận thấy những kết quả khốc hại của tư tưởng

² *Les Justes*, Albert Camus. Gallimard 1950.

triết học mà Nietzsche đã gieo rắc vào đám thanh niên Âu châu. Trong 30 năm liền, kể từ cuộc ám sát tướng Trepov ở Saint-Petersbourg, phong trào khủng bố ám sát không những bành trướng một cách mãnh liệt tại Nga mà còn lan tràn khắp Âu châu. Không năm nào là không có một vài vị hoàng đế, nữ hoàng hay công tước bị ám sát. Và máu chảy phải rửa bằng máu nên hầu hết các thủ phạm đều bị kẻ thắt cổ người chém đầu, xử bắn. Chính thái độ làm cách mạng và nhất là thái độ đứng trước đoạn đầu đài của những kẻ bạo động này đã đẻ ra những nhân vật trong vở kịch *Les Justes*.

Một nhóm thanh niên Nga thuộc một tổ chức cách mạng được lệnh ám sát công tước Serge. Kaliayev được đảng chỉ định thi hành nhiệm vụ giết người này. Biết rõ địa điểm, ngày, giờ chiếc xe

của công tước sẽ đi qua, Kaliayev can đảm ôm bom chực sẵn. Khi thấy trên xe của công tước có hai đứa trẻ đi cùng với công tước, Kaliayev quyết định hoãn lại cuộc ám sát. Stefan người chỉ huy nhóm thanh niên bạo động này khiển trách Kaliayev và cho rằng khi nào những kẻ làm cách mạng quyết định quên những đứa trẻ đó thì cách mạng mới có cơ toàn thắng, Dora, người yêu của Kaliayev đã trả lời Stefan : đến ngày đó toàn thể nhân loại sẽ thù ghét cách mạng.

Sau cùng Kaliayev cũng ám sát được công tước và bị bắt. Trước khi chết, Kaliayev không thềm xin ân xá và chối từ Thượng Đế. Lúc bước lên đoạn đầu đài Kaliayev cảm thấy sung sướng đã được Dora thông cảm. Sau đấy Dora cũng chết theo Kaliayev trong một cuộc ném bom mưu sát khác.

Trên đây là sơ lược vở kịch *Les Justes*. Cũng như những vở kịch trước, *Le Malentendu* và *Caligula* người đọc không khỏi có cảm tưởng *Les Justes* là một vở kịch triết lý. Nói như vậy không có nghĩa là Camus đã coi kịch như một khí cụ, phương tiện truyền bá một học thuyết, một chủ nghĩa như ta thường thấy ở một vài nhà soạn kịch bên kia bức màn sắt. Xem kịch của Camus không nhất thiết phải xem bằng con mắt của nhà triết học, nhìn lên sân khấu chỉ thấy toàn những điều cao siêu khó hiểu. Người không theo dõi những tư tưởng triết học của Camus vẫn thấy thích thú khi xem kịch Camus, là vì hầu hết những sáng tác nói trên tuy có màu sắc triết lý, nhưng vẫn làm cho người đọc có cảm tưởng khởi điểm của tác phẩm không phải là một vấn đề triết học mà là sự thôi thúc của những nhân vật đã thai nghén

trong lòng từ lâu. Trường hợp *Les Justes* càng làm cho nhận xét trên có lý nếu ta biết Camus luôn luôn bị ám ảnh bởi những kẻ bạo động trong lịch sử cách mạng Nga, và nhất là những nhân vật của Dostoievsky. Với Camus, hình như sự sáng tạo những nhân vật bao giờ cũng đến trước những suy tư có tính cách triết học. Nếu tác phẩm kịch của Camus đã đề cập đến những vấn đề trọng đại của thế kỷ, phải chăng là vì ý thức của tác giả về những bản khoán của con người thế kỷ đã đạt đến mức nhập thể vào tác phẩm chứ không tất yếu phải là chủ tâm của Camus. Cũng vì vậy không phải vấn đề triết học đã được đặt ra trước, và sau đấy Camus mới xây dựng, xếp đặt nhân vật chung quanh vấn đề triết học ấy. Đây cũng là trường hợp của tập truyện *L'Etranger* và cuốn tiểu luận *Le Mythe de Sisyphe*. Không phải những suy luận về

sự phi lý của cuộc đời đã khiến Camus viết tập L'Étranger mà vì thái độ lãnh đạm của chính mình đối với cuộc đời vô ích và vô nghĩa đã thôi thúc Camus viết tập L'Étranger. Rồi sau đấy, như Thượng Đế bàng hoàng trước thái độ ngỗ nghịch của con người, chịu trách nhiệm về đứa con của chính mình, Camus vội vã viết tập Le Mythe de Sisyphe để bào chữa cho Meursault. Do đấy, ngày nay nhiều nhà phê bình đã coi tập tiểu luận Le Mythe de Sisyphe như phần phụ lục, chú giải của tập truyện L'Étranger.

Tất cả những nhận xét trên đã giúp ta tìm thấy con người thực của Camus, con người nhà văn viết kịch luôn luôn mang trong người những công phần của thời đại. Có tìm thấy con người thực của tác giả, có biết được nguyên nhân của những nhân vật hiện hình trong nội tâm

tác giả, chúng ta mới mong hiểu được tác phẩm. Nếu chúng ta coi Camus như một triết gia viết kịch, xây dựng kịch chung quanh một vấn đề triết học, thì chúng ta chỉ nhìn thấy ở các tác phẩm kịch của Camus những nhân vật giả tạo, những người nộm không tim không óc hành động như một quân cờ dưới áp lực ma quái của một thầy phù thủy là người viết kịch và điều khó tránh hơn cả là chúng ta sẽ đi đến những kết luận hồ đồ khác hẳn những điều tác giả muốn nói.

*

Đọc *Les Justes*, chúng ta có cảm tưởng những nhân vật của Camus nếu không là anh em thì cũng bà con xa gần với Garine với Borodine trong *Les Conquérants* của Malraux, tuy rằng khung cảnh lịch sử

của hai tác phẩm khác nhau. Sự suy tàn của nền quân chủ Trung hoa cũng như những bước đi chập chững của nền cộng hòa phôi thai Tôn Dật Tiên trong *Les Conquérants* hoàn toàn khác hẳn tình hình chính trị dưới thời Nga Hoàng trong vở kịch *Les Justes*. Nói như thế, dĩ nhiên, không có nghĩa rằng Camus đã phỏng theo Malraux. Tình anh em của những nhân vật trong các tác phẩm kể trên không phải thứ anh em ruột thịt cùng một dòng máu tuy rằng chúng chỉ có một cha chung là Nietzsche. Nếu chúng ta có cảm tưởng Kaliayev, Dora, Garine, Borodine là anh em với nhau có lẽ vì thái độ đứng trước cuộc đời và thiện chí phụng sự cách mạng của những nhân vật này có nhiều điểm giống nhau, như Malraux khi đề tựa tập *L'Etranger* đã nhìn thấy Camus hao hao giống mình, người em cùng giòng họ Nietzsche, Giòng họ liên

tiếp thế hệ này qua thế hệ khác gào thét vui mừng : «*Thượng Đế đã chết rồi !*»

Và chính vì Thượng Đế đã chết rồi mà con người phải đi tìm một thần tượng khác, một tôn giáo khác, tôn giáo của nhân loại, một nhân bản mà trong đó Thiên Chúa sẽ vắng mặt. Không phải thứ tôn giáo với những giới răn ghi khắc trên bia đá mà Moise đã lặn lội mang từ trên đỉnh núi Sinai xuống cho loài người.

Nhưng từ khi Thượng Đế bị lên án cho đến khi chết hẳn đến nay đã gần hai thế kỷ ; từ Auguste Comte đến Feuerbach, từ Feuerbach đến Nietzsche, con người chạy theo học thuyết hư vô đã làm được những gì hay vẫn lạc loài và càng thấy bơ vơ hơn trong một thế giới cô quạnh để rồi trước những phát minh nguyên tử hoảng hốt lo sợ vì nhận thấy không những Thượng Đế đã chết mà cả

con người cũng đã chết³ như Malraux đã nói. Điều bức tức, dày vò con người nhất là tại vì con người linh cảm có thể có một xã hội hoàn hảo hơn trên mặt đất này. Và sự linh cảm này đã trở thành một ám ảnh lưu truyền thế hệ này qua thế hệ khác, thúc đẩy con người phải nhìn cho được tận mặt số mệnh để định đoạt thái độ, biết đâu là cửa sông để chế ngự dòng nước⁴. Do đấy, con người đã không ngần ngại dùng đủ mọi hình thức chống đối để chiếm đoạt quyền hành của Thượng Đế. Công trình xem như một ảo ảnh, nhưng ít ra trong nỗ lực đi tới ngày lễ đăng quang của con người những kẻ tham dự vào công trình kiêu hãnh trên cũng đã ý thức được hành động của mình và tạo được cho cuộc đời một ý nghĩa. Nhưng đấy mới chỉ là một an ủi tinh thần không

3 André Malraux, L'appel aux intellectuels, salle Picyel, Paris.

4 L'homme révolté, Albert Camus, trang 322.

phải mục đích cuối cùng vì ngày lễ đăng quang chưa tới thì con người đã chết. Tất cả lại trở về khởi điểm và con người hiện đại phải trả một giá quá đắt những lạc quan quá độ trong việc giết chết Thượng Đế của những lớp người đi trước. Đó là thảm kịch của chúng ta, của thế kỷ XX.

Chính vì đứng trước thảm kịch này mà trong *Les Justes*, Camus muốn tìm hiểu những « nạn nhân » đầu tiên của học thuyết hư vô từ ngày Nietzsche hoan hỉ báo tin Thượng Đế đã chết.

Ai là người sẽ hân hoan đón nhận « tin lành » của Nietzsche như một giải pháp thực tiễn nhất nếu không phải là những kẻ làm cách mạng. Họ tự hỏi khi cuộc đời vô nghĩa, khi xã hội bất công và vì muốn tạo cho cuộc đời một ý nghĩa, mang lại cho xã hội một trật tự nhân đạo hơn, tại sao ta lại không có quyền làm tất

cả mọi sự nhất là khi Thượng Đế đã chết rồi và mục đích của ta tốt ?

Trong cái tự do tuyệt đối được làm tất cả mọi sự phải có cái tự do xúc phạm đến sinh mạng của kẻ khác và dĩ nhiên, có cả cái tự do hủy hoại sinh mạng của chính mình.

Trước sức hấp dẫn của những tự do nói trên một số thanh niên Nga vào đầu năm 1905 đã chủ trương bạo động, đổi mạng của chính mình lấy mạng của bọn hoàng tộc, vua chúa, để chết thay cho kẻ khác thực hiện cách mạng.

Trước kia, nhiều tổ chức cách mạng của trí thức Nga đã chủ trương đi sâu vào miền quê để giáo huấn và hướng dẫn quần chúng đi tới giải phóng. Nhưng người nông dân Nga cũng như hầu hết nông dân trên thế giới vẫn nghi ngờ thái

độ làm cách mạng dùm của trí thức dù người trí thức ấy đã cởi bỏ áo quần của thành thị để khoác áo nông dân. Đứng trước thái độ bất hợp tác của nông dân, nhóm trí thức này không biết làm gì hơn là đặt sự khủng bố và ám sát thành nguyên tắc thực hiện cách mạng. Từ nay họ sẵn sàng chết thay cho kẻ khác, hiến thân, chấp nhận lưỡi dao của đao phủ để giết một số người hiến thân của bất công của cường quyền, giải phóng cho kẻ khác.

Thái độ nhân danh cách mạng để xâm phạm đến sinh mạng kẻ khác và hiến thân, chết cho kẻ khác của nhóm thanh niên bạo động trong lịch sử cách mạng Nga đã gây trong lòng Camus nhiều băn khoăn. Nhưng không phải chỉ có thái độ bạo động của nhóm thanh niên

kể trên đã khiến Camus viết *Les Justes*⁵. Bên cạnh chủ trương bạo động này còn nhiều yếu tố khác. Trước Kaliayev, trước Stefan, trước Dora, bạo động vẫn là một hình thức chống đối, phản kháng của con người. Nhưng đến nay việc từ chối không giết hai đứa trẻ trong chiếc xe của công tước Serge, đặt giới hạn cho cách mạng cho bạo động mới được Kaliayev và Dora đặt thành vấn đề. Không phải đến ngày nay người xúc phạm đến sinh mạng kẻ khác mới bị đền tội bằng chính sinh mạng của mình. Trước kia, hầu hết những tội nhân dù có tội hay không tội trước khi chết chỉ biết trông cậy ở công lý của Thượng đế. Nhưng đến Kaliayev đến Dora thì khác. Họ không cần công lý của thế giới bên kia. Họ vui vẻ và cảm thấy được giải thoát khi đưa cổ cho đao phủ. Họ không tin ở công lý của Thượng

5 Diễn lần thứ nhất tại rạp Hébertot, Paris 12-1949

để nhưng tin ở công lý của lớp người sẽ tới, của một xã hội sẽ đến. Tất cả những yếu tố trên đây đã khiến Camus có cảm tình với những kẻ bạo động trong lịch sử cách mạng Nga hồi đầu thế kỷ và mượn những nhân vật lịch sử này để viết vở kịch *Les Justes*.

*

Kaliayev, Dora, chuyện ám sát công tước Serge, việc từ chối giết hai đứa cháu của công tước, tất cả đều có thực. Ngay cả tên các nhân vật chính trong kịch cũng là những tên thực của những thanh niên bạo động kia. Nếu Camus bị ám ảnh bởi những nhân vật này và đã làm sống lại trong vở kịch *Les Justes*, phải chăng là vì qua những hành vi bạo động kia, Camus vẫn nhìn thấy sự trong sạch của những

kẻ làm cách mạng thời đó khác hẳn những « cảm tử quân » cuồng tín ngày nay bị những kỹ thuật tuyên truyền khoa học làm mê hoặc, không ý thức được trọn vẹn hành động của mình. Do đấy, tuy mượn những nhân vật của lịch sử để viết kịch nhưng Camus vẫn không muốn coi *Les Justes* như một vở kịch lịch sử, vì qua những hành động của nhân vật kịch, Camus muốn nhắc đến một vài giá trị của con người mà xã hội hiện đại hình như vẫn cố tình làm ngơ. Thêm vào đấy, Camus còn muốn chứng minh những mâu thuẫn trong hành vi bạo động xúc phạm đến sinh mạng kẻ khác của Kalliayev. Mâu thuẫn ở chỗ coi thường mạng sống của chính mình nhưng vẫn tôn trọng sinh mạng của kẻ khác, hiến thân chịu chết để giải phóng cho kẻ khác nhưng từ chối không chịu ném bom giết công tước Serge khi thấy trên xe có hai

đứa trẻ. Qua những sự kiện trên ta nhận thấy hình như trong thâm tâm, Kaliayev vẫn nhìn nhận việc giết người tuy cần thiết nhưng không tạo được một giá trị nào có thể tha thứ, bào chữa cho hành vi bạo động của mình nhất là sau khi giết người thủ phạm không bị xử tử.

Trên đây ta đã nói đến khung cảnh lịch sử của vở kịch và xuất xứ của những nhân vật. Để tránh những nhận định hồ đồ về vở kịch then chốt trong những tác phẩm của Camus, tưởng điều hay nhất, chúng ta nên làm là gọi Stefan, Kaliayev và Dora lên sân khấu.

STEFAN. – Với Stefan, kẻ làm cách mạng phải coi thường mạng sống của mình, không được có một tình thương nào dù tình thương ấy chính đáng đến đâu đi nữa, không được thương yêu một người nào hay triu mến một vật gì khác

ngoài cách mạng. Thế xác cũng không còn thuộc về mình, kẻ làm cách mạng còn phải quên cả tên tuổi của chính mình để phụng sự cách mạng. Nhưng thế vẫn chưa đủ. *Nhân danh cách mạng, nhân danh lịch sử, kẻ làm cách mạng còn có quyền làm tất cả mọi sự kể cả tội ác. Tất cả mọi phương tiện đều tốt để đưa cách mạng đến thành công dù những phương tiện ấy là bịp bợm, xảo trá, giết người. Không những giết đối phương mà còn có thể, nếu cần, giết cả đồng chí của mình.*

Chiến đấu cho con người nhưng qua những phương tiện thực hiện cách mạng của Stefan chủ trương, chúng ta không nhìn thấy trong lòng Stefan một tình thương nhân loại thực sự, chân chính, mà trong trái tim sục sôi máu nóng của cách mạng ấy, chúng ta chỉ thấy sự thù ghét con người đến cực điểm.

Cũng vì vậy Stefan không thể hiểu được hành động ôm bom trở về của Kaliayev. Stefan tự hỏi mạng sống của mấy đứa trẻ này có nghĩa gì bên cạnh sự thành công của cách mạng. Và để khiển trách Kaliayev, Stefan đã không ngần ngại tuyên bố : « khi nào chúng ta quyết định quên những đứa trẻ đó, ngày ấy chúng ta sẽ làm bá chủ thế giới và lúc đó cách mạng sẽ toàn thắng ». Stefan là nhân vật điển hình cho những người cộng sản cuồng tín đến tàn ác, vô nhân.

KALIAYEV. – Tuy cũng ở trong một tổ chức cách mạng nhưng giữa Kaliayev và Stefan có cả một bức màn ngăn cách khiến Stefan không bao giờ thông cảm, hiểu được Kaliayev. Stefan tự cho là chiến đấu cho những người của thế hệ sẽ tới, nhưng Kaliayev chiến đấu cho những người hiện đang sống trên cùng một

mảnh đất với anh và sẵn sàng chết thay cho những người ấy, Kaliayev không làm cách mạng cho những người của xã hội ngày mai xa vời trừu tượng kiểu Stefan. Chính vì vậy mà Kaliayev không thể chấp nhận những phương tiện mà Stefan chủ trương, không nhận quan niệm « mọi phương tiện đều tốt » của Stefan. Tuy sẵn sàng hy sinh mạng mình nhưng bao giờ Kaliayev cũng ý thức được rõ rệt hành động xúc phạm đến sinh mạng kẻ khác. Do đấy, Kaliayev đã không ném bom vào xe của công tước. Để biện hộ cho thái độ của mình, Kaliayev đã nói : Các anh hãy nhìn tôi, hỏi anh em, hãy nhìn tôi, Boria, tôi không phải là kẻ hèn nhát, tôi đã không lùi bước. Tôi không ngờ có chúng trên xe. Tất cả đã xảy ra một cách quá nhanh. Hình hài của hai đứa trẻ và trong tay tôi sức nặng của trái bom. Và tôi phải ném vào mặt chúng.

Ném thực thẳng. Không ! Tôi không thể làm như thế được.

Kaliayev muốn đặt giới hạn cho cách mạng và cho rằng một mạng người chỉ được đổi lấy một mạng khác tuy rằng trước sự đánh đổi mạng người này Kaliayev vẫn mang trong lòng nhiều băn khoăn về giá trị của bạo động. Cũng vì vậy mà việc giết người và chấp nhận bản án tử hình của Kaliayev đã trở thành một hình thức tự vẫn. Không chống án, không xin ân xá, từ bỏ Thượng Đế, Kaliayev muốn hành vi bạo động của mình phải được trả giá bằng chính mạng sống của mình.

Với Kaliayev hình như mọi nỗ lực phụng sự cách mạng, mọi cố gắng của con người đi tới chân lý chỉ có giá trị thực sự khi nào những nỗ lực, cố gắng ấy, xuất phát từ những mâu thuẫn trong

nội tâm chứ không phải từ một lòng tin tuyệt đối ở cứu cánh theo đuổi. Chính cái chết trong mâu thuẫn ấy đã chứng tỏ Kaliayev luôn luôn ý thức được trọn vẹn hành động giết người của mình. Và cũng chính trong cái chết đó, Kaliayev mới cảm thấy được giải thoát khỏi những mâu thuẫn nói trên. Đến đây, ta mới thấy rõ sự khác biệt của hai thái độ bạo động : thái độ của Stefan và thái độ của Kaliayev. Tin tưởng cứu cánh của mình theo đuổi có một giá trị tuyệt đối nên Stefan giết người một cách dễ dàng hơn Kaliayev, vì Kaliayev tuy giết người nhưng vẫn hoài nghi giá trị của bạo động.

DORA. – Với Stefan, cách mạng không có một giới hạn nào nhưng đối với Dora thì lại khác : ngay trong sự tàn phá cũng có trật tự, và giới hạn. Stefan khác Kaliayev bao nhiêu thì Dora khác

Stefan bấy nhiêu. Ngày mà Stefan nhìn thấy cách mạng thành công xây trên sự tàn sát đồng loại, như cách mạng Sô viết, thì cũng ngày đó Dora nhìn thấy toàn thể nhân loại thù ghét cách mạng tàn bạo, vô nhân đạo ấy.

Yêu Kaliayev và được yêu lại, nhưng cả Dora và Kaliayev. đều không được hưởng những phút thơ mộng thích thú của một cặp tình nhân. Những đòi hỏi của cách mạng và sự thôi thúc của trái tim luôn luôn vò xé Dora và Kalinyev. Tình yêu làm ta liên tưởng đến hạnh phúc nhưng không cho phép Dora và Kaliayev được mơ tưởng tới hạnh phúc ấy. Nhiều lúc Dora mong mỗi được sống một giờ ích kỷ dù chỉ là một giờ ngắn ngủi dành cho tình yêu nhưng sự mong mỗi ấy chưa thực hiện được thì bóng dáng đoạn đầu đài đã lớn vờn quanh mình.

Vì Kaliayev và Dora đã chọn cái chết lý tưởng nên họ đã không thể hiện được tình yêu, tạo được hạnh phúc. Yêu nhau nhưng cả hai hình như chưa bao giờ có một phút thư thái trong lòng để vun xới cho tình yêu, vì lúc nào cũng phải nghĩ đến cách mạng, sửa soạn đón nhận cái chết. Luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết và bị tình yêu thôi thúc, Kaliayev không biết làm thế nào để thoát khỏi sự mâu thuẫn đó. Và trước giờ chết, Kaliayev chỉ còn cách bầu vùi vào cực hình để được hợp nhất với Dora : Không biết người ta có thể hình dung được không, một cặp tình nhân yêu nhau, từ chối mọi hạnh phúc, yêu nhau trong đau khổ và không có thể hẹn nhau gặp gỡ ở một nơi nào khác ngoài sự đau khổ. Và Dora đã đúng hẹn, không tìm gặp Kaliayev ở nơi nào khác.

Trước hai giải pháp, sống trong mâu thuẫn hay chết trong mâu thuẫn, Dora đã chọn giải pháp sau : Thực là dễ dàng ! Chết trong mâu thuẫn của mình dễ hơn là phải sống trong những mâu thuẫn đó.

Trên đây là tất cả bài học của Camus. Qua những bản khoản thắc mắc của Kaliayev, Camus đã muốn nói gì ? Con người phản kháng lại thân phận phi lý của mình và muốn vượt những mâu thuẫn của cuộc đời để đi tới một trật tự xã hội khác hình như không còn cách nào hơn là bạo động. Nhưng đâu là giới hạn của bạo động ?

Nếu quả thực cứu cánh của ta theo đuổi không mang một giá trị tuyệt đối, hãy còn trong một viễn tượng quá xa, hay chỉ là một khái niệm thì không phải phương tiện nào cũng tốt để đạt tới cứu cánh đó. Do đấy sự phản kháng đã buộc

kẻ bạo động phải ý thức trọn vẹn hành động phản kháng của mình. Và đặt vấn đề ý thức ở đây phải chăng là đặt giới hạn cho bạo động. Với Camus, nếu không có cách nào tránh được bạo động, thì bạo động chỉ là một phương tiện « tạm thời » và kẻ bạo động vẫn phải chịu trách nhiệm về hành động của mình⁶. Cũng vì vậy ta không thể nhân danh một cứu cánh xa vời để biện minh cho bất cứ phương tiện bạo động nào. Vì nếu cứu cánh có thể biện minh cho phương tiện thì cái gì sẽ biện minh cho cứu cánh⁷. Lúc đó ta chỉ còn cách xét đoán, đánh giá cứu cánh qua những phương tiện. Và nếu phương tiện là tàn sát kẻ vô tội, bịp bợm, xảo trá như Stefan chủ trương thì làm sao cứu cánh có thể tốt được. Chính vì vậy mà cứu cánh chỉ có thể tốt khi

⁶ L'homme révolté, trang 360.

⁷ L'homme révolté, trang 361

những phương tiện thực hiện không đi ngược lại những giá trị căn bản của con người. Không biết cứu cánh có tốt không, có công minh không, ta chỉ biết rằng cái ngày tươi đẹp hứa hẹn kia chưa tới, hiện nay ta chẳng trông thấy đâu cả, vì vậy ngày hôm nay ta không có quyền gây thêm tội ác, tô đậm thêm cái tội ác đã có sẵn đủ để xây dựng công lý ngày mai, như Kaliayev đã trả lời Stefan : Nhưng tôi, tôi yêu những kẻ cũng sống với tôi ngày hôm nay trên mảnh đất này. Tôi chào họ, chính vì họ mà tôi chiến đấu và vì họ mà tôi sẵn sàng hiến thân. Nhưng tranh đấu cho cái xã hội tương lai xa xôi kia, cái xã hội mà tôi không tin chắc thì không bao giờ tôi có thể đánh vào mặt anh em tôi được. Tôi không thể làm tăng thêm sự bất công hiển nhiên này nhân danh một công lý chết⁸.

⁸ Les Justes, trang 77

Một vài cảm nghĩ về vở kịch *Les Justes* và những nhận xét góp phần hiểu biết trên đây đã cho chúng ta thấy rõ tất cả những bản khoản của Camus về những giá trị căn bản, thiết yếu của con người thế kỷ. Không phải chỉ trong vở kịch *Les Justes*, mà trong hầu hết tác phẩm của Camus, biên khảo hay sáng tác, ta cũng nhận thấy nỗi lòng chua xót của tác giả trước thân phận bi thảm của con người. Những bản khoản xao xuyên chân thành ấy làm cho người đọc không nhìn thấy ở Camus một triết gia hay một nhà văn mà chỉ thấy một người trí thức giản dị, đơn sơ nhưng đầy thiện chí tìm hiểu những bí ẩn của cuộc đời.

Mỗi tác phẩm của Camus là một câu hỏi về những khía cạnh sâu kín của con người, nhưng đồng thời mỗi tác phẩm ấy

cũng là câu trả lời cho tất cả những vấn đề của thời đại có liên quan mật thiết đến con người. Đó là một vinh dự mà không phải bất cứ nhà văn nào, tác phẩm nào cũng đạt được.

Camus bước vào cuộc đời văn nghệ không phải bằng những dòng chữ kể về những thất bại của tình ái, của tuổi trẻ như nhiều nhà văn khác. Tiếng nói chân thành và tha thiết trong tác phẩm của Camus đã đến để nhắc nhở chúng ta nghĩ đến thân phận bi thảm của chính mình.

Không phải đến nay vấn đề mới được Camus đặt ra hay đến nay vấn đề mới trở thành nan giải. Trước Camus, người ta cũng đã linh cảm thấy con người sống không có mục đích nhưng hình như vấn đề càng đào sâu càng bế tắc nên tất cả mọi người đều cố tình làm ngơ không

muốn nghĩ đến, coi như một điều kỳ không muốn hoài công phân tích tìm hiểu. Bởi vậy trước những suy tư của Camus, trong hai tập *L'Etranger* và *Le Mythe de Sisyphe*, nhiều người đã tưởng Camus bi quan, yếm thế khi đề cập đến tính cách phi lý của cuộc đời, của vũ trụ. Họ lo sợ cho con người khi bị xâm nhập bởi những luận cứ phi lý sẽ không còn cách giải thoát nào khác là tự vẫn. Không, Camus không muốn thức tỉnh con người để đưa con người đến chỗ tự sát. Đành rằng cuộc đời phi lý, đành rằng vạn vật, vũ trụ thù nghịch với người, đành rằng con người phải chết và không được sung sướng, nhưng không vì thế mà con người phải tự vẫn. Không chịu chọn cái chết, ta sống để hy vọng hay tìm an ủi ở một thần tượng siêu hình nào chăng ? Đó cũng không phải ý muốn của Camus vì giải pháp tự đánh lừa mình này

không giải quyết được những vấn đề thế giới hôm nay.

Không muốn là một nhà luân lý học, Camus còn từ chối cả danh từ triết gia và chỉ muốn qua những tác phẩm của mình nói tới ý thức của con người về cuộc đời. Khi con người đã ý thức được cuộc sống đầy đọa trên mảnh đất chật hẹp này là phi lý là vô nghĩa, thì tình cảm chống đối phản kháng cũng bắt đầu xuất hiện trong nội tâm con người. Do đấy, con người có ý thức về cuộc đời về thân phận đầy đọa của mình là kẻ luôn luôn chống đối, luôn luôn phản kháng. Có kẻ đã phản kháng trong sự sáng tạo của nghệ thuật. Có kẻ không tìm thấy thỏa mãn trong sự chống đối siêu hình và đã xuống đường ôm bom để giết người thực hiện cách mạng và tạo lịch sử.

Đến đây, con đường phản kháng của nhân loại đã đưa ta đến cách mạng, ở đây ta đã gặp Kaliayev với những bài học của vở kịch *Les Justes*.

Người dẫn dắt chúng ta đi lại con đường phản kháng của nhân loại ngày hôm nay không còn nữa. Albert Camus đã chết. Nhưng viễn tượng một cuộc cách mạng đẫm máu như Stefan chủ trương hãy còn sống động ở bên kia bức màn sắt và đe dọa tất cả mọi nỗ lực, thiện chí của những người bên này, những người muốn trả lại cho con người cái vinh dự làm người.

Cũng vì vậy mà trước chúng ta và sau chúng ta thái độ thương yêu con người của Camus vẫn cần thiết để thức tỉnh nhân loại. Camus chết nhưng chúng ta sẽ mãi mãi như Camus tôn trọng con

người. Vì con người bằng xương bằng thịt ấy không phải chỉ có phi lý ngự trị mà còn có nhiều cái đáng để ta kính trọng⁹.

Trịnh Viết Thành

⁹ La Peste, Albert Camus,

VŨ TRỌNG PHỤNG, NHÀ VĂN TẢ CHÂN BẤT HỦ

Nguyễn Duy Diễn

*Chỉ có sự thật mới giải thoát
được cho chúng con mà thôi.*

JESUS CHRIST

Vũ Trọng Phụng đã bị nổi danh một thời là văn sĩ khiêu dâm số một. Đa số ham đọc phóng sự, hoặc tiểu thuyết tả chân của anh không phải

là để tìm lấy ở trong đó những cái gì sâu sắc mà chỉ là vì cái thú được đọc những đoạn văn giật gân. Ví dụ đoạn Nghị Hách làm bậy trong một buổi chiều nhá nhem tối, trên con đường quê hẻo lánh, khi Thị Mịch gánh bó rơm từ ngoài đồng về nhà ; hoặc đoạn «Xuân tóc đỏ dòm trộm cô đầm tại sân quần vợt ; hoặc «Xuân tóc đỏ làm bậy giữa thanh thiên bạch nhật ngay tại phòng khách, khiến bà Phó Doan đã không sợ mà lại còn thích thú ; hoặc đoạn con sen tên là Dũi thuật lại sự liên lạc giữa nó và thằng bé con nhà chủ mới 12, 13 tuổi như thế nào, và thằng bé ranh con đáng thương đó đã bị sa ngã ra sao vân vân... Vì vậy, mỗi khi nói tới Vũ Trọng Phụng là người ta nói tới cái « cười Nghị Hách », « táo tẩu Nghị Hách », « ông phán mọc sừng ». Thành thử nhiều bậc phụ huynh đã hoảng sợ, vội cấm con em mình không được đọc sách của

Vũ Trọng Phụng, coi đó như là những sách phản luân lý, làm bại hoại tinh thần thanh niên nam nữ. Không phải riêng bậc phụ huynh tỏ ra khắc nghiệt đối với những phóng sự hoặc tiểu thuyết tả chân của Vũ Trọng Phụng (Cạm bẫy người ; Kỹ nghệ lấy Tây, Cơm thầy, cơm cô ; Lục xì ; Giông tố ; Thị Mịch ; Số đỏ v.v...) mà hơn nữa, một số các nhà đạo đức cũng vẫn thường cấm thanh niên không được đọc một số sách của Vũ Trọng Phụng cũng như đối với một số sách của Emile Zola, Guy de Maupassant v.v... Nếu có khác chỉ là ở chỗ một số sách của Emile Zola, Guy de Maupassant thì bị Giáo hội La mã lên án chính thức, ai đọc sẽ bị rút phép thông công (excommunié), còn đối với sách của Vũ Trọng Phụng thì chỉ có một số các nhà đạo đức lên án ngầm mà thôi. Ấu cũng là « Số đỏ » của Vũ Trọng Phụng vậy.

Hồi tiền chiến tôi đã đọc Vũ Trọng Phụng một cách khá kỹ lưỡng nhưng tôi chưa thể nhận xét được hết cái hay của anh, vì dù sao điều này tôi xin thú nhận một cách thành thực – tôi vẫn bị thái độ khắc nghiệt của các bậc phụ huynh chi phối, và do đó có ảnh hưởng không nhỏ tới sự nhận xét của tôi. Tôi vẫn thấy cuốn « Đoạn tuyệt » của Nhất Linh, « Nửa chừng xuân » của Khải Hưng có phần hay hơn « Số đỏ » của Vũ Trọng Phụng.

Năm 1939, khi Vũ trọng Phụng mất, tôi có được cái vinh dự đưa tiễn anh đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tôi rất thương anh vì anh đã chết trong cảnh nghèo túng cơ cực với hai lá phổi rách nát vì trùng lao đục khoét, nhưng tiếc anh thì sự thực tôi không tiếc đến cái độ bàng hoàng, ngẩn ngơ như khi, một năm sau

đó, nhận được tin báo hung : Thạch Lam từ trần.

✱

Cuộc đại chiến bùng nổ, quân Nhật tràn vào Lạng Sơn, rồi chiếm toàn thể lãnh thổ nước nhà năm 1940. Lịch sử đi vào chỗ ngoặt : tình hình chính trị mỗi ngày một thêm khẩn trương. Công cuộc đấu tranh giành độc lập cho tổ quốc trở nên cấp bách lạ thường. Cũng như đa số thanh niên thời đại, tôi không quan tâm tới văn chương, nghệ thuật nữa, mà nhập vào phong trào chiến đấu bí mật. Rồi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ tháng chạp năm 1946. Tôi tản cư về hậu phương và sống những giờ phút phấp phồng tại quê nhà. Ở đây, tôi lại có dịp để đọc lại một số tác phẩm của Vũ Trọng

Phụng giữa mùi khét lẹt của thuốc súng, giữa tiếng máy bay phóng pháo liệng cánh xèn xẹt ở trên đầu. Năm 1949, Phát Diệm, quê tôi, lại bị Pháp nhảy dù – tôi lại đọc một số tác phẩm của Vũ Trọng Phụng trong khi quân Lê Dương, tay gươm tay súng, sục sạo từng nhà cướp của, giết người ; bọn quản, đội phòng nhì Pháp, nhờ « số đỏ » nắm quyền sinh sát trong tay, bắt một số đàn bà con gái về sở để hiếp chóc.

Cuộc chiến tranh chấm dứt, đất nước bị chia đôi, tôi di cư vào Nam. Những lúc rảnh rỗi tôi lại đọc Vũ Trọng Phụng trong khung cảnh từng vùng của một nửa đất nước đã « thoát xác » đương đoàn kết diệt cộng, chống thực, đả phong, phản đế – và quái lạ ! Trong bất cứ hoàn cảnh nào, trong xã hội nào, tiền chiến, đương chiến cũng như hậu chiến cái hay của Vũ

Trọng Phụng đã không hề bị suy giảm mà còn, với thời gian, tăng gấp lên mãi.

Mà thực vậy, với những tác phẩm đã nổi danh hồi tiền chiến như : một Đoạn Tuyệt của Nhất Linh, một Nửa Chùng Xuân của Khái Hưng v.v... đến nay đọc lại tôi không còn thấy gì là hay nữa, từ khung cảnh nhân vật, cho tới cả những giọng cười, tiếng khóc đã trở nên mờ nhạt tưởng như đang chìm sâu vào quá vãng. Thời gian đã làm cho giá trị của nó – cái giá trị mà người đương thời cho là bất biến – đương bị phôi pha, đương bị loãng dần trước cuộc sống đã chuyển hướng. Những nhân vật như cụ Tuần, bà Án, ông bà Hai, Loan, Dũng, Mai, Lộc v.v... đã trở nên lạc lõng đối với xã hội của chúng ta ngày nay, do đó, chỉ có tính cách thời đại chứ không thể có được tính cách vạn đại.

Đối với những tiểu thuyết tả chân của Vũ Trọng Phụng thì khác hẳn. Ở đây, Vũ Trọng Phụng không ghi lại cuộc xung đột mới, cũ, hoặc những bản khoản của con người thời đại, mà là trình bày, bằng cái cười trào lộng, cả một xã hội mục nát, đều cáng, mà ở bên ngoài đã được phết bằng một nước sơn « văn minh » bóng loáng. Cái xã hội đó không phải chỉ là xã hội tiền chiến, mà còn có thể là xã hội ở mọi nơi và trong mọi thời đại – Thực vậy, khi nào mà một số phụ nữ vẫn còn tập tễnh động cốn, không trau dồi những món đạo đức ở đời, khi mà một số người vẫn dựa vào uy thế để mà bợ đỡ quan trên và hống hách với người dưới ; khi mà còn có những thằng người vô liêm sỉ, coi sự nhục nhã vì tiền là một vinh dự, coi sự lừa lọc là một thắng lợi, coi việc hiếp được một thiếu nữ nhà quê chất phác là một chiến công oanh liệt

v.v... thì ngày ấy tư tưởng căm hờn của Vũ Trọng Phụng trong « Giông tố », « Số đỏ », « Trúng số độc đắc » v.v... vẫn có đủ những lý do để tồn tại, để đứng vững.

Triết lý của Vũ Trọng Phụng là triết lý của một người vừa ghét đời mà lại vừa thương đời. Anh ghét sự màu mè, giả dối bao nhiêu thì anh lại thương cho con người, vì tình, vì tiền, vì danh giá hão mà quay ra bịp bợm, điên đảo, sa đọa thể xác và tâm hồn, bấy nhiêu. Sống giữa xã hội mục nát, nhiều khi anh không còn dám tin vào tấm lòng thiện của con người nữa. Lòng thiện mà chúng ta thấy phát hiện một cách yêu kiều, mỹ lệ như bông hoa hàm tiếu giữa một chiều đông u ám, như một nguồn an ủi bất tận giữa cảnh xã hội bi thảm này, theo Vũ Trọng Phụng, cũng chính là « cái ác » đã được ngụy trang một cách khéo léo đó thôi.

Tư tưởng đó, ta có thể thấy một cách cụ thể, qua mấy dòng tâm sự sau đây của một đứa trẻ mồ côi được nuôi ở Viện dục anh :

« Không bao giờ tôi quên được những cuộc vui làm phúc, những ngày tết Trung thu, tết Nguyên đán mà một bà nọ, bà kia đã đến với chúng tôi với những đồ chơi rẻ tiền tưởng là làm phúc mà té ra chỉ bắt chúng tôi hiểu rõ một cách sâu sắc hơn những cảnh đau khổ chung. Cũng không bao giờ tôi quên những buổi đi chơi hàng đàn, hàng lũ, đứa nào cũng ăn vận như đứa nào, một cái mũ trắng, một cái áo vải thâm, chân dẫm đất đi hàng hai một, đứa bé nhất đi đầu, đứa to đầu nhất đi cuối cùng, chúng tôi diễu qua các phố xá để cho xã hội nhìn chúng tôi như những con vật kỳ lạ, hoặc là lấy làm tự hào vì đã vo tròn cái quả phúc đã cứu

sống chúng tôi. Thôi tôi cũng chẳng nên dài dòng làm chi nữa ». Vũ Trọng Phụng, (Giông Tố).

Cái nhìn của Vũ Trọng Phụng thật sâu sắc, tuy nhiên không khỏi nhuộm màu bi quan và hoài nghi đến cùng độ giống như cái nhìn bi quan hoài nghi của La Rochefoucauld vậy.

✱

Chúng ta cảm phục cụ Nguyễn Du vì đã tạo nên những nhân vật điển hình : Tú bà, Sở Khanh, Thúc sinh v.v... như thế nào thì chúng ta cũng cảm phục Vũ Trọng Phụng đã tạo nên những nhân vật điển hình : Nghị Hách, Xuân tóc đỏ, bà Phó Đoan, cô Tuyết v.v.. cũng như thế, cũng như những nhân vật của cụ Tiên

Diễn, nhân vật của Vũ Trọng. Phụng không diễn hình cho một thời đại mà là diễn hình cho mọi thời đại. Ví dụ ta có thể tìm thấy ở « Xuân tóc đỏ » tất cả những hành vi, ngôn ngữ, ý nghĩ của bọn lưu manh ; ở cô Tuyết tất cả hành vi, ngôn ngữ ý nghĩ của bọn thiếu nữ, vì sống một cuộc đời quá xa hoa, bị xác thịt đòi hỏi, quay ra động cốn một cách trâng tráo ; ở bà Phó Đoan, hành vi, ngôn ngữ, ý nghĩ của những mẹ đàn bà đã về già mà còn đủ dõn muốn được làm một thứ « dĩ » thượng lưu v.v... Những nhân vật đó chúng ta đã từng thấy nhan nhản trong xã hội hồi tiền chiến, cũng như thấy nhan nhản trong xã hội hồi hậu chiến và chắc chắn cả ở xã hội tương lai nữa, khi mà còn có thứ dĩ nhảy lên làm bà, thứ bà tấp tễnh xuống làm dĩ ; lưu manh gặp « số đỏ » đã được tình, được tiền lại còn trở nên một nhân vật hữu danh được mọi

người thán phục như ông « Đốc Xuân » ; khi mà còn những thiếu nữ, vì quá háo bằng cấp và nhất là vì không kìm hãm nổi tình xuân phát động, đã hiến thân cho một tên luật sư, bác sĩ giả hiệu, để rồi khi vỡ mộng chỉ còn biết vuốt bụng kêu trời v.v...

Không phải chỉ phức tạp mà những nhân vật do Vũ Trọng Phụng tạo nên lại còn sống động lạ thường. Ta tưởng như đó không còn phải là những nhân vật tiểu thuyết nữa mà là những con người thực đương hoạt động dưới ánh sáng mặt trời. Mỗi một cử chỉ, một lời nói, một ý nghĩ đều tự nhiên, đều điển hình, rất thích hợp với nhân vật, tưởng như không thể nào thêm bớt được nữa. Còn gì thú vị bằng câu nói quen miệng của ông Phán Hồng : « Biết rồi, khổ lắm nói mãi » ; hoặc cái thân hình tênh nghênh

của thằng bé cầu tự con bà Phó Đoan, cởi trần truồng đứng ở trong chậu nước tắm luôn mồm nói câu « em chả ! em chả ! » ; hoặc cái thái độ kiêu mạn của Phúc dùng để trả thù vợ, trả thù cha mẹ, trả thù đời sau khi anh trúng số độc đắc, cho bỏ với cái nổi cục nhục bị mọi người khinh miệt từ bấy lâu nay.

Nhưng cái điểm đáng phục nhất mà từ trước đến giờ ít ai có thể có được, đó là bộ óc tưởng tượng rất mực phong phú của anh. Chúng ta thực không bao giờ có thể ngờ rằng những tình tiết trong chuyện lại có thể xảy ra một cách phi thường đến như thế được. Tôi dùng chữ « phi thường » là để so sánh với những cái tầm thường, nhạt tẻ trong những tiểu thuyết tả chân khác. Đối với Vũ Trọng Phụng, không có một cái gì là phi thường hết. Bằng một ngòi bút trào lộng hiếm có,

anh đã trở nên một ảo thuật gia đảo lộn mọi tình tiết, bày đặt và phóng đại tất cả những sự việc, mà người đọc vẫn không hề thấy dấu vết của sự bịa đặt, phóng đại.

Mà thực vậy, có biết bao nhiêu nhà văn nhà báo trong khi viết chuyện thực của đời mình, lại còn phải giao hẹn ngay ở trên đầu sách hoặc ở trên đầu thiên hồi ký : « chuyện thực một trăm phần trăm ». Ấy thế mà khi đọc, chúng ta vẫn chẳng thấy nó thực, trái lại còn quá xa sự thực là khác nữa. Đối với Vũ Trọng Phụng thì khác xa ! Còn có cái gì « bịa đặt » bằng bốn thầy đội xếp, vì quá mẫn cán với nhiệm vụ đi tuần mười sáu phố mà trong nửa năm, đã trở nên những tay cua-rơ xe đạp đại tài, có thầy đã giật được giải Hà Nội - Hải Phòng. Có thầy đã giật được giải trong những cuộc đua Hà Nội – Sơn Tây, Hà Nội – Bắc Ninh. vòng quanh Hà

Nội v.v... Rồi thì để tỏ ra mẫn cán với cấp trên, các thầy quay ra biên phạt lẫn nhau, biên phạt văng tê hình như có thâm thù với nhau vậy và cuối cùng chỉ còn biết thở than : té ra chúng ta, chúng ta lại thành ra « cấm phạt ». Còn có cái gì « bịa đặt » bằng đoạn ông lang Tỳ, ông lang Phế choảng nhau ; hoặc đoạn Xuân tóc đỏ đánh quần vọt với Luang Prabahol, nhà quán quân Xiêm-la, để rồi trở nên một bậc anh hùng cứu quốc, một bậc vĩ nhân của thời đại v.v... Biết bao nhiêu cái không thật như thế mà dưới ngòi bút của anh đã trở nên « rất thật », còn « thật » hơn là chính tả sự thật muôn đời nữa. Cái thiên tài của Vũ Trọng Phụng vượt lớn, chính là do ở điểm đó vậy.

Bằng những tiếng cười, khi thì ròn tan, khi thì mĩa mai, lúc trở nên chua chát hóm hỉnh nhưng bao giờ cũng rất

tự nhiên, không gượng gạo, không thô lỗ, Vũ Trọng Phụng đã để lại cho chúng ta những bản cáo trạng rất đầy đủ về những cạnh góc thối nát của xã hội. Anh đã lật tất cả những cái mặt nạ của đời để chúng ta nhìn thẳng vào đó mà suy nghĩ.

Bởi vì, đúng như lời Chúa Cơ Đốc đã phán : *chỉ có sự thật mới giải thoát được cho chúng con mà thôi.*

Nguyễn Duy Diễn

TÌM VỀ KỶ NIỆM

Đinh Hùng

Khoảng hai chục năm nay, cuộc sống văn nghệ của chúng ta còn chen lẫn bao nhiêu vang bóng của cái Chết ! Tuy mỗi ngày chúng ta vẫn có thêm những người bạn mới, nhưng nhìn chung quanh, mỗi ngày cũng lại thấy mất dần đi một vài khuôn mặt quen thuộc. Có những người lặng lẽ đến với cuộc sống để rồi lại bình thản ra đi, không trống không kèn, không cả một lời ai điều tiễn chân : Chúng ta chỉ bắt gặp linh hồn họ

trong địa hạt giao cảm, hầu như không hề sánh bước cùng họ trên đường đời.

Nhưng nếu thời gian có hồi ảnh và nếu không gian có vọng thanh, thì hình bóng của họ tất đã ghi sâu vào trong ký ức vũ trụ. Cuộc đời vẫn trôi đi không ngừng. Những người đã ra đi sẽ không bao giờ trở lại. Nhưng chúng ta không muốn vô tình. Trong lúc cuộc đời rộn rịp kéo nhau qua khắp mọi ngã đường, chúng ta muốn ngồi lại phút giây, trầm mặc nhìn về quá khứ, gợi nhớ lại ít nhiều kỷ niệm, để lại thấy gần gũi thêm một vài hình bóng của những người bạn văn nghệ đã một sớm một chiều cách biệt chúng ta.

Đó là những người không còn sống trong cuộc đời thực tại, nhưng vĩnh viễn sống trong thế giới của Linh Hồn, sống trường cửu trong cõi Không Hư vô cùng

tận, và sống vĩnh viễn trong lòng chúng ta.

Đó là những người đã chính thức lìa bỏ cõi trần để lặng lẽ nhập vào cõi « âm huyền mờ mịt » – nói theo Nguyễn Du, tác giả Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh. Những người đó hoặc mới qua đời năm ngoái, năm kia, hoặc đã khuất bóng từ lâu – cách đây mười mười lăm năm, hoặc nhiều hơn nữa – nhưng tôi không muốn gọi họ là « những người đã chết », mà trái lại, tôi nghĩ rằng : Chính khi lìa trần mới là lúc họ tìm thấy cuộc sống bất diệt. Tôi vẫn mặc nhiên coi họ là những người không bao giờ chết.

Khi còn sống trong cuộc đời thực tại, có thể thân thể họ chìm nổi bất trắc, có thể họ chỉ dạo qua cuộc đời phức tạp như một người khách lạ, nhưng bây giờ, họ đã nằm yên dưới lòng đất, thể xác họ

đã dần dần tiêu tan, sự cách biệt hầu như không còn nữa, linh hồn họ, bình thản hơn và thanh tuyền hơn, hình như cũng gần chúng ta hơn.

Những văn nghệ sĩ đã khuất bóng – « những người không bao giờ chết đó » – mỗi người giờ đây chỉ còn là một ý niệm, mỗi tên tuổi đọc lên chỉ còn là một vọng âm, mỗi gương mặt nhớ lại chỉ còn là một màu khói hương phảng phất. Nhưng hương khói kia bởi vì huyền ảo cho nên không bao giờ phai ; vọng âm kia, bởi vì vô ảnh vô hình cho nên không bao giờ tiêu tán ; và ý niệm kia, bởi vì chỉ là một Ý Niệm, cho nên không hề bị hủy diệt.

Ai đã nói : « Danh vọng là vắng thái dương của người chết » ? Nhưng đây là « những người không bao giờ chết ». Vậy thì nhớ hay quên, chúng ta cũng chẳng

đem lại được cho họ danh vọng nhiều hay ít, và ở bên này hay ở bên kia thế giới, mỗi người cũng vẫn có riêng một vầng thái dương đời đời phát tiết ra ánh sáng. Chúng ta nhớ tới họ, nghĩa là chúng ta chỉ đốt lên một nén hương, khơi lên một ngọn lửa nhỏ bé, đủ làm ấm lại một khoảnh khắc giao tình.

« Những người không bao giờ chết » đó, có người an nhiên ra đi theo Số Mệnh : cũng có người kháng cự đến tận cùng với Số Mệnh ; lại cũng có người bất ngờ bị Số Mệnh chợt tới đẩy xô đi, không kịp ngạc nhiên, không kịp gửi lại cho cuộc đời cả đến một khóe mắt, một nụ cười, hay một tiếng thở dài luyến tiếc.

Và cũng có những người đứng tuổi rồi mới lìa trần. Nhưng lại có những người yếu mệnh vội vàng già từ cuộc sống ngay giữa tuổi thanh xuân. Tuy nhiên, dù

ra đi trước hay sau, vội vàng hay thông thả, bình dị hay sóng gió, tất cả giờ đây cũng đều tận nhập vào cơn Mộng Lớn như nhau, tất cả đều đã trút bỏ được mọi phiền não nhân thế, để cũng bước tới địa hạt « vạn cảnh giai không ». Cũng như nhau, tất cả chỉ còn gặp gỡ chúng ta trên đường lối truyền cảm thuần khiết.

Cuộc sống xã hội hôm nay vắng bóng họ. Nhưng họ đã và sẽ có mặt mãi mãi trong cuộc sống tinh thần chung của dân tộc, trong cả cuộc sống văn nghệ riêng của mỗi người. Phải chăng hiện tại này ít nhiều cũng đã làm bằng những hình bóng của dĩ vãng ?

Chưa tính xa hơn nữa, hãy kể trong khoảng hai chục năm gần đây, cuộc sống của chúng ta quả thực đã bao lần chen lẫn cùng bóng dáng Cái Chết. Đã bao nhiêu người đi mất, đã bao nhiêu cuộc đời dần

dần chìm vào thiên cổ, đã bao nhiêu tên tuổi chỉ còn là những tiếng vọng giữa thình không ? Bao nhiêu khóe mắt, nụ cười của những người bạn chúng ta, bao nhiêu tâm tình, ý nguyện của những người văn nghệ sĩ quen thuộc giờ đây chỉ còn là những kỷ niệm !

Chúng ta không khỏi xót xa khi nhắc tới những người bạn đã khuất bóng. Nhưng khi nghĩ rằng họ là « những người không bao giờ chết », chúng ta cũng thấy đôi chút dịu lòng. Mỗi sâu mệnh mang nghìn thừa của người mất lẫn người còn hầu như cũng được phần nào an ủi.

Dẫu sao, tôi vẫn thường bàng khuâng đặt một giả thuyết – một giả thuyết nhưng chính là một hoài vọng – một hoài vọng bao giờ cũng chỉ là hoài vọng ngậm ngùi, bởi vì sở nguyện của lòng người dù thành khẩn, thiết tha đến mấy

cũng không thể nào thắng nổi số mệnh vô tình :

Nếu từ hai mươi năm nay, Thiên Cổ không sớm cướp của chúng ta đi một số bạn bè, thân hoặc sơ, và nếu hàng ngũ văn nghệ vẫn còn đủ mặt văn tinh (dù là một văn tinh mới mọc), nền trời văn nghệ xứ này sẽ còn rực rỡ sáng đẹp thêm chừng nào, và cuộc Hội Ngộ hôm nay của chúng ta sẽ còn đông vui, hào hứng bao nhiêu ? Cuộc sinh hoạt tinh thần của đất nước này, đời sống anh hoa của dân tộc này sẽ còn giàu thêm bao nhiêu thanh sắc, nếu chúng ta không sớm mất những người bạn văn nghệ đáng lẽ chưa nên đi mất ? Mái nhà thanh khí của chúng ta sẽ còn ấm cúng thêm biết chừng nào ? Kho tàng văn học nước nhà sẽ phong phú thêm bao nhiêu, nếu cho tới hôm nay, hàng ngũ văn nghệ của chúng ta vẫn

còn đủ những : Vũ Trọng Phụng. Lan Khai, Nguyễn Nhược Pháp. J. Leiba, Hàn Mạc Tử, Bích Khê, Phạm Hầu, Phạm Tú, Thâm Tâm. Vũ Trọng Can, Nguyễn Đức Chính, Khái Hưng. Trần Tiêu, Thạch Lam, Đặng Thế Phong, Trần Bình Lộc, Lê Trọng Quỳ¹⁰, Lương Đức Thiệp, Nguyễn Dân Giám, Tô Ngọc Vân, Nam Cao, Ngô Tất Tố, Kim Hà¹¹, Nhượng Tống, Quỳnh Dao¹², Phan Phong Linh, Quách Thoại...
 Hãy chỉ xin kể tới những tên tuổi mà nhiều người từng quen thuộc, và riêng tôi đã có dịp ít nhiều quen biết. Bản danh sách tất nhiên còn thiếu sót, nhưng thực tình, tôi cũng chẳng mong có một bản danh sách « đầy đủ » hơn. Những

10 Kịch sĩ quen thuộc hồi tiền chiến (Đã xuất bản tập thơ « Thực Và Mộng », chung với Lương Đức Thiệp).

11 Tác giả tiểu thuyết « Cái Nhà Gạch » (giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn 1939-1940) và tiểu thuyết « Tiếng Còi Nhà Máy » (Tân Việt Xuất Bản).

12 Thi sĩ tiền chiến, tác giả « Tơ Trắng », mất tích từ hồi khởi đầu chiến tranh 1946.

tên tuổi vừa kể, tuy chúng ta đang gọi họ là « những người không bao giờ chết », nhưng sự thực, tôi vẫn muốn họ đừng vội đi vào cõi Bất Diệt, để cuộc đời hôm nay còn nghe thấy tiếng nói ấm nóng của họ rung động nhiều lần nữa, và để cho những người sống ở cõi đời này được giàu thêm một chút cảm tình, một chút tin yêu, một chút hy vọng...

Nếu... ước vọng hảo huyền của tôi không chỉ là ảo vọng, chắc chắn lịch sử văn học của chúng ta sẽ có nhiên hiện tượng bất ngờ kỳ thú.

Nhưng, từ hai chục năm trời nay, những người đã ra đi vẫn không bao giờ trở lại. Những Vũ Trọng Phụng, Lan Khai, Nguyễn Nhược Pháp, J. Leiba... những Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Phạm Hầu, Phạm Tú... những Thâm Tâm, Vũ Trọng Can, Nguyễn Đức Chính, Khái

Hưng, Trần Tiêu, Thạch Lam... những Tô Ngọc Vân, Nam Cao, Phan Phong Linh, Quách Thoại v.v... đã chính thức nhập vào thế giới của « những người không bao giờ chết », nghĩa là ít nhất đã phải một lần chết thực, theo cái nghĩa thâm lương sâu thẳm nhất của sự chết.

Chúng ta, những người đang sống hôm nay, những người chưa từng đặt bước vào Cõi Chết, và cũng chưa đi tới chặng đường tận cùng của cuộc sống, chúng ta sẽ cách biệt với họ biết chừng nào, nếu không còn lại đây một chút phần hồn trên vài trang sách cũ, một chút vang bóng trên vài nét bút xưa, một thoáng nghi dung qua ít nhiều kỷ niệm.

Đối với những người bạn văn nghệ đã khuất bóng, thân hoặc sơ, tôi đều cảm thấy một mối giao tình thâm thiết. Những linh hồn ở bên kia trần lụy hình

như bao giờ cũng sẵn sàng dành cho chúng ta những cảm tình tri ngộ trân trọng và quý báu hơn cả những người bạn thâm giao ở cõi trần gian.

Bởi vậy ở đây, tôi chưa muốn nhắc tới những kỷ niệm riêng tây. Thay thế đôi lời tưởng niệm chung, đây là một bài thơ tôi xin chép lại. để chân thành gửi tặng tất cả những Linh Hồn Bạn đã quá cố :

HOÀI NIỆM

*Gửi Người Bạn
ở bên kia trần lụy.*

Chiều mùa đông

Đốt ngọn lửa hồng,

Ta đọc tập thơ sầu, cười với bóng,

Khói thuốc xanh bay về hư không.

Trăng lên đầu phố vắng,

Ồ bóng ta say !

Bóng với ta cũng im lặng,

Cốc rượu ngọt nồng cay nồng.

Bạn là người bạn chung tình,

Gần nhau không hẹn,

*Lòng giữ nguyên hương hoa bình
minh.*

Bên đèn tâm sự,

Bạn với tôi như đôi hồn viễn xứ,

Đôi bóng phù du,

Không đứng mà thương nhớ,

Không đâu mà gần ngó.

*Rủ bướm chim theo vào giấc ngủ,
Thả sầu trên con thuyền mây đưa.*

*Trời giăng sao tỏ,
Đêm mùa thu,
Cửa phòng tôi bỏ ngõ,
Giấc mộng tôi hững hờ.
Ta biết giăng buồm ngày ta còn nhỏ,
Ai biết ta buồn vì lòng ngây thơ ?
Nhìn cuộc đời,
Tin rằng hạnh ngộ,
Bạn yêu giăng và tôi yêu gió,
Cười nụ cười đơn sơ.*

Bạn với tôi xưa

*Đứng bên hồ.
Năm chung mộng,
Ân ái cùng Thơ,
Đêm hoa, cảnh nguyệt,
Gió giăng xao động ngoài màn.
Bạn hát bài ca phóng đãng,
Cười lên trắng xanh, tôi dạo đàn.
Xuân đến giấc mơ đầy thiếu nữ,
Ta nằm là ngủ,
Lệ đa tình chứa chan.
Ôi thời gian ! Thời gian tình tự !
Mặc nỗi lòng người bi hoan.*

*Mộng cung tần
Xoay nghiêng mặt gối.*

*Ai cười ? ai nói ? ai xên ca
Lên đên nước biển trắng nhòa,
Những vì sao lạ đã sa xuống gần.
Trời buồn đáng điệu giai nhân,
Trái đất xoay vần – đứng lặng mà
nghe :*

*Rạt rào sóng nhạc pha lê,
Đêm tàn, núi đổ... Ra đi một mình !
Ra đi ! Ra đi ! Đời ngủ cả,
Vào cuộc luân chuyển ân cần của các
hành tinh.*

Ôi những trời sao mùa hạ !

*Về đâu ? Về đâu? Những mảnh sao
sa ?*

Về đâu nữa cả bóng hai ta

Lạc vào tục phố

Nhịp bước giang hồ ca ?

Ánh hoa đêm hay tàn đèn rụng

*Trong những ca lâu đầy huyền ảnh
với đàn bà ?*

Lòng đã đi qua

Biết bao quán trọ là nhà,

Ta tiếc thương gì quê hương đã mất ?

Giang sơn đây

Trong buổi chiều tà

Gọi hồn ta về cười ngây ngất,

Rung sắc hồng pha,

Xây Đô Kỳ Nghệ Thuật.

*Ôi những phố trường sâu đi mất về
đâu ?*

Ngày tàn, gió thổi,
Tôi mất Tình yêu,
Tôi mất người yêu.
Bên sông hoa rụng từng chiều,
Lòng tôi không nói,
Thương vì trái đất cô liêu.

Tôi nói làm chi ?
Anh nhớ làm chi ?
Lòng tôi đây và lòng anh đó
Nghe câu truyện sầu dài sao chẳng
điên mê ?

Một buổi anh về,
Trúc gãy liễu rủ.
Ôi câu truyện huyền vi

*Trong lòng nắm mộ,
Tôi muốn nghe,
Và anh muốn nghe !
Ôi những bước u hồn về ảo phố !
Anh đã đi,
Và tôi sẽ đi !*

Đinh Hùng

PHAN HUY VỊNH,
PHÙ THỦY ÂM THANH

Nguyễn Sa

Hoàng Đạo, Camus, Vũ trọng Phụng, Thạch Lam, Thâm Tâm... đã để ở Lê Xuân Khoa, Trịnh Viết Thành, Nguyễn Duy Diễn, Đinh Hùng những kỷ niệm, những ý nghĩ sáng và đẹp. Lê xuân Khoa đã giữ của tác giả « Mười điều tâm niệm lý tưởng thanh niên. Người được giải thưởng Nobel năm 1957 đã để lại cho Trịnh Viết Thành bài học : cứu cánh không thể biện minh được cho

phương tiện nếu phương tiện ấy là bạo động phi nhân, là sự vi phạm đến con người. Nguyễn Duy Diễm tìm thấy sự quan hệ của sự thật trong cuộc đời qua tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, và Đinh Hùng, người thơ, nhớ đến những bạn cũ đã đi vào con đường mà sớm muộn chúng ta cũng phải theo chân.

Với tôi Phan Huy Vịnh chiếm giữ ở tâm hồn khoảng không gian vững chãi mà trái núi thường chiếm giữ trong đồng rộng. Sự có mặt của tác giả bản dịch “Tỳ Bà Hành” đối với cá nhân tôi thường mang sức lay động của ngọn gió mạnh : sự ngạc nhiên. Ngọn gió ấy thổi suốt trong nhiều năm tháng. Câu hỏi tại sao Phan Huy Vịnh lại đáng được kể là một thi sĩ cắm trại trong tâm hồn tôi từ lúc còn thơm mùi sách vở học trò. Bây giờ, trong cuộc sống làm thơ hiện tại, ngọn

gió ấy, câu hỏi ấy vẫn ở đấy : Tại sao Phan Huy Vịnh lại đáng được kể là một thi sĩ ? Tại sao tác giả bản dịch “Tỳ Bà Hành”, lại được kể là thi sĩ ? Tôi vẫn nhớ có nhiều người đã trả lời. Có người nói : Phan Huy Vịnh quả nhiên là một thi sĩ lớn vì nguyên bản “Tỳ Bà Hành” có 88 câu, bản dịch cũng 88. Người khác nói : Phan Huy Vịnh đáng được kể là thi sĩ lớn vì bản dịch của ông đã lột được đúng tinh thần của nguyên bản. Nhưng những giải đáp ấy chỉ là những ảo tưởng giải đáp. Số câu trong bản dịch bằng số câu của nguyên bản mới chỉ chứng tỏ sự khéo léo của người dịch văn. Lột được tinh thần của bản chính mới chỉ chứng tỏ được tài năng dịch văn. Và tác giả một bài thơ dịch vẫn chỉ là một người dịch văn. Không phải là thi sĩ. Bài văn, bài thơ dịch dở thì tác giả bản dịch là người dịch văn dở. Trái lại, bản dịch hay thì tác giả bản dịch là người

dịch văn hay. Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch thơ ngụ ngôn La Fontaine sang Việt ngữ và Truyện Kiều sang Pháp văn. Ông đã dịch hay. Do đó người đời thường khen ông là người dịch văn có tài nhưng chưa có ai gọi ông là thi sĩ Nguyễn Văn Vĩnh.

Phan Huy Vịnh là tác giả bản dịch “Tỳ Bà Hành”. Tác giả của tác phẩm thi ca ấy là Bạch Cư Dị. Bạch Cư Dị thi sĩ. Tại sao người dịch văn họ Phan lại được gọi là thi sĩ ? Tại sao ?

✱

Sự ngạc nhiên, như thế, hiện rõ môn một. Nếu Phan Huy Vịnh đã không đem lại được một bản dịch đặc biệt như bản dịch ông đã đem lại thì sự ngạc nhiên ấy sẽ mở ra một lối thoát dễ dàng : Tác

giả một bản văn dịch là người dịch văn. Không thể là thi sĩ. Nhưng sự có mặt ngọt ngào của bản dịch Tỳ Bà Hành mà Phan Huy Vịnh là tác giả không cho phép ta nhận định đơn giản như thế. Nó đẩy ta đến chỗ mâu thuẫn lớn ở nội tâm. Tôi cảm thấy không thể không gọi Phan Huy Vịnh là thi sĩ được. Nhất định có một Phan Huy Vịnh thi sĩ. Nhưng đồng thời người dịch văn có tài nhất định cũng chỉ là người dịch văn. Tôi không muốn và không thể cảm thấy rằng Phan Huy Vịnh chỉ là người dịch văn. Nhưng thật sự tác phẩm của ông là tác phẩm dịch. Sự cố gắng tin tưởng như bị đe dọa bởi hoài nghi. Như ánh sáng bị che khuất bởi những cánh quạ đen rất rộng.

Những ngày tháng đi vào con đường mầu nhiệm của thi ca đã giúp tôi nhìn thấy có 2 cánh cửa khác nhau mở vào

vấn đề Phan Huy Vịnh. Cánh cửa đã mở ra từ bấy lâu là cánh cửa phê bình văn học. Nó mở ra trước một thạch động không có lối thoát. Thạch động ấy ta đã nhìn thấy : ta cảm thấy nhất định Phan Huy Vịnh là thi sĩ mà hiển nhiên ông chỉ là người dịch văn. Cánh cửa mà con đường mầu nhiệm của thi ca đưa tôi đến không xảy trên sự phân loại rõ rệt, phân tách sáng tỏ : phân biệt người dịch văn và thi sĩ. Ánh sáng của sự phân tách phân loại không soi sáng được chất ngọc nằm trong lòng núi đá. Phải đi vào vấn đề bằng kinh nghiệm, bằng tâm hồn thông cảm của người biết say trong chất men kỳ diệu của thơ.

Kinh nghiệm ấy, chất men kỳ diệu ấy bảo tôi rằng người thơ bao giờ cũng tung hoành trong một thế giới với một số vũ khí nào đó. Có thể là ý tưởng. Đó

là trường hợp thơ siêu hình của Holderlin. Cũng có thể kể những bài thơ có màu sắc tôn giáo của Hàn Mặc Tử. Có thể là hình ảnh. Như cánh bướm ở trên cửa bể chiều hôm, cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa của Nguyễn Du. Như ánh chiều tà trên những thành quách cũ của Bà Huyện Thanh Quan, những ngọn đèn tiếp nối của Hồ Xuân Hương. Có thể là tình cảm rung động mãnh liệt : “tò thơ thú nhất” nét chữ “ngàn lần viết lại”, “nhạc buồn”, nỗi buồn lạc loài của những người “đầu thai nhầm thế kỷ” của những thi sĩ tiền chiến.

Những vũ khí ấy họ Phan đều bị tước đoạt. Hình ảnh đẹp của Tỳ Bà Hành do Bạch Cư Dị tạo nên. Họ Bạch đã tưởng tượng ra bến nước Tầm Dương với trăng sáng, đàn buồn, lệ rơi trên màu áo xanh ly biệt. Tình cảm buồn đau làm nền cho

Tỳ Bà Hành cũng do Bạch Cư Dị tạo nên. Người ca kỹ buồn trong đêm đưa khách ấy là con đẻ của trí tưởng tượng của Bạch Cư Dị. Câu chuyện buồn của người đàn bà đẹp lấy nhằm phải một “thương nhân trọng lợi khinh biệt ly”, tình cảm buồn của người đàn bà ấy chạy trên những phím đàn mà Đại huyền tào tào như cấp vũ, Tiểu huyền thiết thiết như từ ngữ, tình cảm rung động bén nhạy của những con người luân lạc, những con người “tương phùng hà tất tăng tương thức” đều do Bạch Cư Dị tạo ra.

Ý tưởng, tình cảm, hình ảnh của bài thơ đều do họ Bạch là tác giả. Do đó vũ khí còn lại cho phép họ Phan đạt tới chỗ ngồi của thế giới thi sĩ chỉ còn có một : âm thanh. Sự kiện bản dịch Tỳ Bà Hành gây ra nơi người đọc cảm tưởng Phan Huy Vịnh nhất định là thi sĩ như vậy tất

nhiên phải đến từ tài xử dụng âm thanh của họ Phan. Bởi vì tất cả quyền uy sáng tạo của Phan Huy Vịnh là sự sáng tạo âm thanh. Nhưng làm thế nào sáng tạo âm thanh, chỉ được quyền sáng tạo âm thanh mà có thể trở thành thi sĩ được. Những nhà thơ tất nhiên thường nắm được nghệ thuật xử dụng âm thanh. Nhưng người chỉ biết xử dụng âm thanh mới sáng tạo được một số tiếng động hòa hợp. Họ còn phải dùng đến cả hình ảnh, ý tưởng, tình cảm để tạo thành tác phẩm thi ca. Làm thế nào, với vũ khí duy nhất là âm thanh, họ Phan đột nhập được vào thế giới của thơ và chiếm giữ địa vị nghiêm nhiên mà ông hằng chiếm giữ ?

*

Nếu ta hiểu tài xử dụng âm thanh

trong thơ theo ý nghĩa của sách giáo khoa thì Phan Huy Vịnh sẽ không được kể là thi sĩ và không bao giờ được kể là thi sĩ. Những lý luận bênh vực quả nhiên Phan Huy Vịnh thi sĩ sẽ vĩnh viễn là những ảo tưởng giải đáp. Âm thanh của thơ nhìn qua lăng kính giáo khoa là vần và điệu. Bài thơ giàu về âm thanh ấy là bài thơ có nhạc, vần êm, điệu khéo. Vần êm, điệu khéo ấy họ Phan đã xếp đặt dễ dàng như người đẩy sức khỏe hít thở khí trời trong buổi ban mai trời trong sáng. Nói về sự bất vần thì tất cả những người làm thơ đều phải ngả mũ trước sự bất vần của họ Phan. Vần hiu ông đã hạ xuống vần chèo. Dùng tiếp theo sông. Ai đi với xuôi. Tình đi với đành. Và rào tiếp theo yêu, chiều tiếp theo rào, chen tiếp theo riêng...¹³ v.v... Đọc những

13 Bến Tầm dương canh khuya đưa khách, Trạnh hỏi thu lau lách đìu hiu. Người xuống ngựa khách dừng chèo, Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc ti. Say luống những ngại khi

vần hiu-chèo, sóng-dùng, xuân-ai, tình-đành, yêu-rào-chiều, chen-riêng, người học luật thơ và kỹ thuật bắt vần trong sách giáo khoa sẽ nhận định rằng những vần ấy là vần non, vần ép. Bởi vì hiu thì phải vần với chữ có âm iu, đúng với chữ âm úng.... luật tắc của thi ca đã dậy thế. Nhưng với những người làm thơ, họ Phan đã đạt tới chỗ tuyệt diệu của nghệ thuật gieo vần. Tại sao lại tuyệt diệu ? Bởi vì tác giả không tìm những vần gần gũi nhau, những vần quen thuộc. Ông đã nối những tiếng thoát đọc ta tưởng rất gò ép, nhưng hợp âm với nhau, vào nhau. Ông đã gieo những vần mà ít ai dám xử dụng. Những âm ấy chỉ xa cách

chia rẽ, Nước mông mênh đượm vẻ gương trong, Tỳ bà đàn thoáng bên sông, Chủ khuây khỏa lại khách dùng dằng xuôi, Làn tiếng sẽ hỏi ai đâu tá. Bồng tiếng đàn nấn ná làm thình, Dời thuyền gạn hỏi thăm tình. Chong đèn chuốc rượu còn dành tiệc vui. Trước nghệ thường sau thoát lục yêu. Giây tơ nhường đổ mưa rào, Tỉ tê giây nhỏ như chiều chuyện riêng

một sợi tóc nữa sẽ trở thành thất luật. Và hơn nữa toàn thể những chữ đi trước những âm thanh ấy nếu không được dàn xếp hòa hợp thì những âm thanh ấy cũng sẽ không hòa hợp với nhau nữa..

Tài xử dụng những vần, điệu của thơ như thế đã chứng tỏ rõ rệt tài năng thi sĩ của Phan Huy Vịnh.

Nhưng tài nghệ xử dụng âm thanh của họ Phan không phải chỉ ở chỗ gieo vần. Quả nhiên ông đã sáng tạo trong việc gieo vần, ông đã gieo vần với sức thơ của một bậc thi bá. Nhưng tài xử dụng âm thanh của ông còn xuất hiện ở trong sự chọn lọc mỗi chữ dù nhỏ bé nhất của toàn thể bài thơ. Sự chọn chữ của ông đã để lại cho ta một kinh nghiệm : thơ hay không phải chỉ ở vần điệu, hình ảnh, ý tưởng hoặc tình cảm mà còn tùy thuộc vào ma lực của mỗi chữ. Tính chất thơ

của một bài thơ có liên kết với hình ảnh, vần điệu, tình cảm, ý tưởng nhưng nó còn thơ bởi vì có một tính chất mâu nhiệm của ngôn ngữ thi ca. Có những chữ của thơ nếu phân tách ra ta thấy không chứa đựng một nội dung, một hình ảnh hoặc một ý tưởng nào rõ rệt, đặc biệt mà vẫn có một sức gợi cảm ghê gớm. Những chữ ấy đứng cạnh nhau như toát ra một ma lực hấp dẫn. Phan Huy Vịnh đã vận dụng âm thanh đến độ nắm được sự mâu nhiệm của ngôn ngữ ấy. Do đó ông là một thi sĩ với tất cả những ý nghĩa cường tráng nhất của danh từ.

Vậy sự mâu nhiệm của ngôn ngữ thi ca của Phan Huy Vịnh ở chỗ nào ? Ở nhiều chỗ. Ông đã dịch vần sát với nguyên bản. Nhưng ở những chỗ dịch sát nghĩa ấy ông đã đem lại một vẻ mơ hồ, một vẻ sống động và một tâm hồn

khác với nguyên bản. Tôi không nói rằng nguyên bản thiếu vẻ đẹp mơ hồ, sức sống và tâm hồn. Nó có đầy đủ ba tính chất ấy. Họ Phan đã lột được ba tính chất ấy của nguyên bản. Ông đã làm trọn vẹn công việc của người dịch văn. Nhưng đồng thời ông lại đem lại cho tác phẩm dịch một vẻ mơ hồ mới, một sức sống động mới và một tâm hồn mới.



Bạch Cư Dị trong việc mô tả những sự kiện như địa dư, diện mạo, động tác thường chặt chẽ, rõ rệt. Cuộc gặp gỡ giữa người khách lạ và người ca kỹ đã xảy

ra ở đầu sông (Tầm dương giang đầu). Người đàn bà ngồi ở trong thuyền ôm một chiếc đàn và tỳ bà ấy che nửa khuôn mặt (do bảo tỳ bà bán già diện). Trước khi đánh đàn người ca kỹ đã so giấy một chiếc đàn « bát huyền tam lưỡng thanh ». Thời gian xảy ra câu chuyện là ban đêm (...dạ tổng khách) khi đánh đàn xong thì “đông thuyền tây phảng tiếu vô ngôn, duy hữu giang tâm thu nguyệt bạch”. v.v... Đọc lại bản dịch ta thấy Phan Huy Vịnh gọi giang đầu là bến, dạ là canh khuya, bán già diện là che nửa mặt hoa. “Đông thuyền tây phảng tiếu vô ngôn” được dịch là thuyền mây lá đông tây lặng ngắt... Thu nguyệt bạch chỉ còn là bóng trăng trong vắt (một bóng trăng trong vắt lòng sông). Và “chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh” chỉ còn lại “vận đàn mấy tiếng dạo qua”. Xét theo nguyên ngữ thì những chữ bến, canh khuya, nửa

mặt hoa... không mang trọn vẹn ý nghĩa của những chữ giang đầu, dạ, bán già diện v.v... Nhưng những chữ bến, canh khuya, nửa mặt hoa v.v... trong ngôn ngữ Việt gây ra một sức gợi cảm mà những chữ đầu sông (giang đầu), đêm (dạ), nửa mặt (bán già diện) không đem lại được. Đó là vẻ mơ-hồ-mới mà Phan Huy Vịnh đem lại cho bản văn dịch.

Còn vẻ sống-động-mới là ở những trạng từ và động từ ta chỉ tìm thấy ở bản dịch. Những trạng từ, động từ thêm vào ấy không phản lại nghĩa của nguyên bản. Sức sống động của nguyên bản còn trọn vẹn. Nhưng nhờ những chữ mới ấy mà một sức sống mới được tạo thành. Bảng đối chiếu một vài câu thơ này giúp ta nhận xét vấn đề rõ rệt hơn :

Câu 3 : Người xuống ngựa, khách dừng chèo. (Chủ nhân hạ mã khách tại

thuyền).

Câu 8 : Chủ khuấy khỏa lại, khách dùng dăng xuôi. (Chủ nhân vong quy, khách bất phát.)

Câu 10 : Bằng tiếng đàn nấn ná làm thình (Tỳ bà thanh đình, dục ngũ tri.)

Câu 16 : Khúc tuy chưa trọn tình đà thoảng hay. (Vị thành khúc điệu tiên hữu tình.)

Câu 23 : Trước nghệ thường sau thoát lục yêu (Sơ vi nghệ thường hậu lục yêu.)

Câu 25 : Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gảy. (Tào tào thiết thiết, thác tạp đàn.

Câu 37 : Một bóng trắng trong vắt lòng sông. (Duy hữu giang tâm thu nguyệt bạch.)

Câu 38 : Mãi buồn chề sớm tếp
buồn khơi. (Nguyệt tiền phù lương mãi
trà khứ.)

Câu 64 : Lại rầu thêm nỗi nỉ non mấy
lời. (Hựu văn thử ngữ trùng ức ức.) v.v...

Như thế, chữ khách ngồi trên thuyền
(khách lại thuyền) được đổi lại là khách
dừng chèo. Chữ dừng chèo sống hơn
ngồi trên thuyền bởi vì nói lên được vẻ
ngạc nhiên và nó đối xứng với xuống
ngựa. Không đi (bất phát) được đổi là
dùng dằng xuôi. Sau lục yêu (hậu lục yêu)
được đổi là sau thoát lục yêu, do đó sự
chuyển đổi ngón đàn trở nên sống động
hơn. Cũng vậy, những chữ lựa chen,
trong vắt, nỉ non là những tiếng đem lại
cho khung cảnh, động tác một vẻ sống
động mới thêm vào sự mô tả của nguyên
bản.

Chất thơ Phan Huy Vịnh thơ ở chỗ gieo vần thật tuyệt diệu, ở chỗ dùng những chữ đem lại được một vẻ mơ hồ và một vẻ sống động mới, phản ánh tâm hồn thơ của họ Phan, phản ánh sự rung cảm mới mà người chỉ làm công việc phiên dịch thuần túy không thể có được. Một bến Tầm Dương mới hầu như được dựng lên trong trí tưởng tượng ‘ của họ Phan và được toát ra qua những âm thanh mới lạ ấy. Nhưng chất thơ Phan Huy Vịnh rõ rệt hơn cả, phản ánh tâm hồn thi sĩ của Phan Huy Vịnh nhiều hơn cả là những từ ngữ xử dụng thường là những tiếng thuần túy Việt Nam, những chữ phản ánh một tâm hồn Việt Nam trọn vẹn đến nỗi người đọc có cảm tưởng cuộc gặp gỡ buồn giữa người khách giang hồ và người ca kỹ ấy là cuộc gặp gỡ giữa hai con người ở một bến nước, một vị trí rất gần gũi, ở quanh đây. Phan Huy Vịnh

đã xử dụng một cách mầu nhiệm những chữ quê mùa, thật thà nhất như : luống những (1), ai đâu là (2), ngón buông bát (3), nhường, mưa rào (4), như chiều (5), thuyền mấy lá (6), sớm tịch buồn khơi (7), lửa bên trời lặn dận (8), lộ sẵn (9), chạnh (10), v.v...

*

Tóm lại, như ta đã thấy, tất cả tài năng của họ Phan ở chỗ xử dụng âm thanh. Hình ảnh, ý tưởng, tình cảm của Tỳ Bà Hành đều do Bạch Cư Dị sáng tạo. Và họ Bạch đã đúc kết một Tỳ Bà Hành với những tình cảm có sức mạnh của gió lốc, có vẻ buồn của sương thu. Những hình ảnh của cuộc gặp gỡ, của bến Tầm Dương, những ý tưởng về đời người đàn bà với cuộc tình tan vỡ, thi sĩ

đã khai thác đến tận cùng. Tài năng của Bạch Cư Dị đã đem lại cho Tỳ Bà Hành một sức sống mạnh, một vẻ đẹp tràn đầy, một chất thơ toàn vẹn. Vũ khí của Phan Huy Vịnh như ta đã thấy chỉ còn có âm thanh. Không nắm được âm thanh ấy ông sẽ chỉ là một dịch giả có tài. Và ông đã gieo vần với một kỹ thuật ở một độ cao của nghệ thuật, đã dùng những chữ có ma lực đem lại một vẻ mơ hồ, một vẻ sống động, một tâm hồn mới, một chất thơ mới ngoài chất thơ của Bạch Cư Dị. Tỳ Bà Hành biểu lộ sự có mặt của thi sĩ Bạch Cư Dị. Bản dịch Tỳ Bà Hành vẫn trình bày được sự có mặt ấy. Nhưng bên cạnh sự có mặt của thi sĩ Bạch Cư Dị, bản dịch Tỳ Bà Hành còn là dấu hiệu của sự có mặt của thi sĩ Phan Huy Vịnh. Ngoài thơ Bạch Cư Dị với những hình ảnh, ý tưởng, tình cảm vô cùng sống động còn có thơ Phan Huy Vịnh. Thơ

Phan Huy Vịnh cô đọng ở âm thanh, ở ngôn ngữ mầu nhiệm. Người dịch văn họ Phan trong cái phát tay phù thủy tạo ra ngôn ngữ mầu nhiệm ấy đã chiêm nhiên thành thi sĩ Phan Huy Vịnh.

Nguyễn Sa

(1) Say luống những ngại bước chia
rẽ.

(2) Lăn tiếng sẽ hỏi ai đàn tá.

(3) Ngón buông bắt khoan khoan
diu dặt.

(4) Giây to nhường đồ mưa rào.

(5) Tỉ tê giây nhỏ như chiều chuyện
riêng.

(6) Thuyền mây lá đông tây lặng ngắt.

(7) Mãi buồn chề sớm tịch buồn
khơi.

(8) Cùng một lúa bên trời lặn đặng

(9) Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau.

(10) Nghe đàn ta đã chạnh
buồn...v.v...

Ngày tháng trôi đi

Sự hiện diện của tờ báo văn nghệ có thể bao hàm nhiều ý nghĩa. Nhưng ý nghĩa phong phú nhất là sự dâng hiến một phần đất đai cho sự xuất hiện của những tài năng mới. Phần đất dành cho sự việc này của Hiện Đại số 1 được gửi vào Trần Thy Nhã Ca. Người con gái Huế xây ngôi nhà đầu tiên của thành phố tương lai ấy tên là Văn. Hãy nghe những bài nhã ca buồn và nhẹ khởi đầu.

Nguyễn Sa

*Ngày đã xanh vừa dáng tịch liêu
Đường xa sâu tiếp với cây chiều
Bầy chim én cũ qua thành phố
Về gọi thời gian vỗ cánh theo.*

*Thôi trả cho giòng sông tối đen
Trả cho người đó nỗi ưu phiền
Còn đây chút tử hờn thơ đại
Rồi cũng xa vời trong lãng quên.*

*Mắt dõi theo vừa ngút bóng cây
Đời chia dăm bảy lối chưa bày
Tôi, hồn vẫn đứng im như tượng
Trông tháng ngày đi trên cánh tay.*

Thanh xuân

*Chợt tiếng buồn xưa động bóng cây
Người đi chưa bật dấu chân bầy
Bàn tay nằm đó không ngày tháng
Tình ái xin về với cỏ may.*

*Rồi lá mùa xanh cũng đỏ dần
Còn đây niềm hồi tiếc thanh xuân
Giấc mơ choàng dậy tan hình bóng
Và nỗi tàn phai gõ một lần.*

Kỷ niệm sâu như tiếng thở dài

*Khuya chìm trong tiếng khóc tương
lai*

Tâm xa hạnh phúc bằng đêm tối

Tôi mất thời gian lỗ nụ cười.

Đời sống, ôi buồn như cỏ khô

Này anh, em cũng tựa sương mù

Khi về tay nhỏ che trời rét

Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ.

Bài nhã ca thứ nhất

Tôi làm con gái

Buồn như lá cây

Chút hồn thơ dại

Xanh xao tháng ngày.

Tôi làm con gái

Một lần qua đây

Rồi không trở lại

Ôi mùa xuân này.

*Tôi làm con gái.
Một lần yêu người
Một lần mãi mãi
Bây giờ chưa thôi.*

*Tôi làm con gái
Bao nhiêu tuổi đây
Bấy lần ngây dại
Buồn không ai hay.*

TRẦN THY NHÃ CA

CỎ RỪNG (BUỒN GA NHỎ)

THANH NAM

Nếu một ngày nào, người ta bóc những con đường sắt này đi, những con tàu sẽ không qua lại nữa và ta vẫn phải sống mãi ở đây . . .

Rất nhiều lần, Hảo nhìn lên cái chòi nước cao lênh khênh đứng ở cuối sân ga và nghĩ như vậy, Hảo không cần tìm hiểu xem tại sao mình đã có ý nghĩ đó cũng như chẳng bao giờ thắc mắc đến cái nếp

sống tẻ nhạt của mình kéo dài từ ngày này qua ngày khác giữa một nơi hẻo hắt. Cuộc đời của Hảo từ lúc bé dại cho đến khi trưởng thành đã bị gắn liền vào cái ga trạm nhỏ bé này, như những con tàu bám lấy những con đường sắt.

Hảo lên đây từ ngày nàg mới lên tám tuổi, sau khi đã theo học ở một trường quận miền xuôi, vừa đủ để biết đọc những pho truyện Tàu cho mẹ nghe và viết giúp mẹ những món tiền chi thu hàng ngày trên cuốn sổ chợ. Gia đình Hảo hồi đó gồm có một ông bố nghiện rượu, yêu những toa tàu và những chai rượu hơn yêu vợ con, một bà mẹ sống lầm lũi như một cái bóng và một người anh trai ngờ nghệch, thích làm một chân phu khuân vác ở ngoài ga hơn là cắp sách đến trường.

Năm Hảo mười bốn tuổi thì mẹ nàng qua đời. Người anh trai của nàng cũng bỏ nhà đi sau đó ít lâu. Cha nàng càng uống rượu nhiều hơn để rồi cuối cùng tục huyền với một người đàn bà bán thức ăn trên xe lửa. Những sự thay đổi đó cũng chẳng khiến Hảo vui thêm hay buồn thêm.

Mười bảy tuổi, Hảo lấy chồng. Người chồng của nàng cũng là một nhân viên trong nhà ga và uống rượu cũng không thua gì bố vợ. Cho tới bây giờ Hảo vẫn không hiểu được tại sao nàng lại trở thành vợ của người đàn ông già hơn nàng đến gần hai chục tuổi, đen đũi và xấu xí như một chiếc đầu tàu xe lửa cũ kỹ kia. Cái hình ảnh mà Hảo nhớ nhất trong ngày cưới của nàng là đêm tân hôn. Người ta dẫn nàng vào một căn phòng nhỏ và để nàng ở trong đó một mình. Nàng ngồi

trên chiếc giường có trải chiếc chiếu hoa hây còn mới. Trong khi đó ở nhà ngoài, người ta thì nhau uống rượu và nói đủ thứ chuyện nhảm.

Một mỗi, Hảo ngã người xuống giường, mặt áp lên chiếc gối mới có thêm những đóa hoa lớn. Rồi nàng ngủ thiếp đi cho tới lúc cảm thấy có một hơi thở nặng nề ở bên cạnh thì giật mình tỉnh dậy. Cái cảm giác đầu tiên của nàng là sợ hãi và buồn nôn, Giữa đêm khuya im lặng ngọn đèn dầu nhỏ đặt trên bàn, soi rõ nét mặt dần đỏ và đỏ như của người chồng. Mắt y nhắm nghiền lại và cái miệng có những chiếc răng nửa vàng nửa đen hở ra. Hảo rùng mình, quay mặt vào trong tường. Một lát sau nàng lại tiếp tục giấc ngủ bỏ dở, cho đến khi bàn tay người đàn ông kia lay khẽ vai nàng...

Ấy thế rồi Hảo đã thành bác Tín gái, như tất cả mọi người chung quanh đã gọi. Cái tên Hảo mờ dần theo những ngày tháng làm vợ của nàng để rồi bị quên hẳn.

Như vậy, đã ba năm. Những con tàu vẫn qua lại một ngày hai buổi. Những nét mặt chung quanh vẫn là những nét mặt cũ. Chỉ có những ngọn cây rừng ở chung quanh là Hảo nhận thấy hình như chúng mọc cao thêm và mỗi ngày che lấp thêm một khoảng chân trời.

✱

Tiếng gọi của gã đàn ông khiến Hảo giật mình nhìn lên. Ánh nắng chói lòa. Nàng chưa kịp nhận ra nét mặt của người vừa gọi.

– Kiên đây mà... Kiên ngày xưa vẫn sang chơi với anh Tú đó, Hảo nhớ không?

Hảo reo lên một tiếng nhỏ, Kiên là bạn với người anh trai của nàng hồi nhỏ. Y cũng bỏ nhà đi như anh nàng và bây giờ đã trở về, nhưng không còn là một gã thanh niên lông bông ngày trước nữa. Hảo ngậy người ra ngó Kiên. Mớ tôm đang nhặt dở nhảy lách tách dưới chân nàng. Kiên cười, đưa hai tay lên vuốt lại mái tóc bóng loáng :

– Cô Hảo trong tôi có lạ lắm không?

Hảo cũng cười gật đầu, lâu lắm nàng mới được nghe thấy một người gọi đến tên thật của nàng.

– Anh vào trong nhà chơi.

Vừa nói anh vừa cúi xuống nhấc rổ tôm lên và bước vào nhà. Kiên đi theo,

tiếng giày đế da nện lộp cộp trên sàn xi măng.

– Ông cụ đi đâu mà không thấy ở nhà?

Hảo dừng lại và có cảm giác là nét mặt của mình lúc đó đỏ lắm. Nàng ngờ rằng Kiên đang chế diễu mình vì đã lấy một người chồng già.

– Anh nói sao?

– Bác đâu?

Hảo thở dài, nhẹ nhõm. Ra Kiên chưa hay tin nàng lấy chồng.

– Bây giờ tôi ở riêng rồi anh ạ.

Nói xong, Hảo vội vã bước nhanh xuống bếp. Tiếng Kiên đuổi theo :

– Ở riêng rồi à? Ai thế?

Hảo làm như không nghe thấy những câu hỏi đó. Nàng cắt vội mớ tôm lên chọn ăn rồi rửa sạch tay và bước lên nhà. Nàng rót nước mời Kiên :

– Nghe nói anh đã lập gia đình rồi phải không?

Kiên đỡ chén nước trên tay Hảo, cặp mắt nhìn thẳng vào người nàng :

– Làm gì có chuyện đó!

Và y hỏi lại Hảo :

– Cô ở riêng từ hồi nào, sao không nghe ai nói gì cả?

Hảo đứng dựa mình vào tường, lơ đãng :

– Ba năm rồi...

– Ai thế?

– Người này chắc anh cũng biết.

– Ai?

Nàng nói rất khẽ :

– Tín.

Kiên tỏ vẻ ngạc nhiên :

– Tín? Có phải bác Tín . . .

Kiên không nói hết câu, nhìn chăm chập vào mắt Hảo. Nàng ngượng ngập gật đầu rồi quay đi, tránh cái nhìn bạo dạn đó và nói lảng :

– Có lẽ nhà tôi cũng sắp về rồi đấy! Hay là trưa nay anh ở lại đây ăn cơm với chúng tôi cho vui?

Kiên khẽ vạch tay áo nhìn chiếc đồng hồ mạ vàng lóng lánh rồi đứng dậy :

– Thôi, tôi phải về đằng ông chú tôi ăn cơm trưa nay. Lúc khác tôi sẽ lại thăm ...

Kiên ngậm ngừng. Hảo biết rằng y chưa muốn đổi cách xưng hô với nàng. Hai người vợ vẫn nhìn nhau rồi Kiên chậm chạp ra cửa. Câu nói sau cùng của y là một câu nói băng quơ nhưng Hảo cho là y ám chỉ nàng :

– Chóng thật. Mới ngày nào mà bây giờ đã bảy năm rồi. Về đây, trông cái gì cũng thấy khác....

Hảo nhìn theo gã đàn ông quen biết hồi nhỏ của mình. Y đi về phía nhà ga, chiếc bóng đổ nghiêng xuống mặt đường. Hảo thở dài quay vào, sửa soạn cơm trưa.

Nàng uể oải làm cái công việc hàng

ngày đó và lần đầu tiên nàng cảm thấy khó chịu. Những con tôm không còn nhảy lách tách nữa mà mềm nhũn dưới tay nàng. Hảo nghĩ đến bữa cơm sắp tới. Một chai rượu trắng ngất ngưỡng đặt trên bàn. Vài ba món ăn khó nuốt. Hơi thở phì phì của anh chồng hôi mùi rượu. Tiếng húp canh xùm xụp. Những lời nói tục tằn, lỗ mãng. Những trận cười làm bắn tung tóe những miếng cơm nhai dở trong miệng người đàn ông xuống những món ăn. Hảo rùng mình không dám nghĩ tiếp nữa. Nàng rửa tay vội vã rồi đi nhóm bếp.

Tiếng keng khua từ ngôi trường tiểu học gần đó rộn rã nổi lên. Tiếng trẻ con ào ào đổ ra mặt đường. Chỉ còn nửa giờ nữa, Tín sẽ về. Y sẽ cởi trần ra và nằm xuống bộ ván hát ông ổng hai câu vọng cổ quen thuộc. Chỉ hai câu thôi và ngày

nào y cũng hát tới, hát lui trong lúc đợi cơm.

Ngọn lửa đã bén hồng những than nhỏ. Hảo đưa một tay lên ngang trán lau mồ hôi. Hình ảnh Kiên bỗng lại hiện ra, với bộ quần áo bảnh bao, với mái tóc bóng nhẫy.

*

Cái xóm ga nhỏ bé từ ngày Kiên trở về bỗng ồn ào hẳn lên. Ở một nơi mà ngày ngày người ta chỉ đợi có hai chuyến tàu đi về để được nhìn lên những bộ mặt mới lạ của hành khách thì sự có mặt của Kiên đã là một viên đá ném mạnh xuống một vũng nước phẳng lặng. Thằng bé lêu lổng ngày xưa bây giờ đã được người ta nhắc đến một cách trân trọng. Những

tiếng đồn về Kiên làm ăn lớn ở Sài Gòn không ngày nào là không được truyền từ miệng người này sang miệng người khác. Sự thật thì chưa ai biết rõ là Kiên làm nghề gì ở Sài Gòn cả. Họ chỉ nhìn Kiên qua những cách chi tiêu rộng rãi của y và nhất là cái lối nói chuyện có thêm nhiều danh từ mới lạ mà y đã đem từ Sài Gòn về. Cố nhiên là Hảo không thể nào không để ý tới sự có mặt của người đàn ông đó. Cả một nếp sống bình lặng của nàng đã bị xáo trộn hẳn lên. Những giờ Tín đi làm, Hảo thường hay thơ thẩn đứng chơi ở trước cửa nhà mình. Nàng hiểu tại sao mình làm như vậy nhưng không sao đặt tên được cho những ý nghĩ thầm kín đang dần vật trong lòng nàng.

Một đôi khi gặp Kiên đi qua cửa, cúi chào mình, Hảo lại thấy lòng mình băng khuâng, thao thức. Nàng muốn gọi

y lại, để được nghe y nói một vài câu như hôm đầu tiên y đến thăm nàng nhưng cái tiếng gọi đó chẳng bao giờ thốt ra được. Những cặp mắt tò mò của những người chung quanh và những cái miệng nhàn rỗi lúc nào cũng như sẵn sàng để nói đến việc thiên hạ đã khiến Hảo lo ngại. Vì vậy, Hảo chỉ còn mỗi một niềm an ủi cuối cùng là ngày ngày ra đứng ở cửa để chờ Kiên và để được nhìn thấy Kiên mỉm cười cúi đầu chào mình. Hảo gọi đó là những giờ vui trong một ngày. Và những giờ vui đó sẽ vụt tắt khi tiếng keng khua rộn rã của trường học vẳng lên báo hiệu giờ sửa soạn hai bữa cơm buồn nản thường nhật.

Buổi chiều hôm đó, cũng như mọi bữa, Hảo đứng trước cửa, vợ vẫn nhìn những đám cây rừng xanh ngắt phía xa thì Kiên đi tới. Sau khi chào nàng, Kiên

đứng lại chứ không đi thẳng như những lần khác. Hảo ấp úng :

– Mời anh vào chơi trong nhà . . .

Và nàng đi nhanh vào trước. Kiên chậm bước theo sau.

– Sao anh hẹn lại chơi mà từ bữa đó tới nay chẳng thấy anh tới?

Kiên ngược mắt nhìn lên mái nhà, không trả lời Hảo. Những tia nắng chiếu lọt từ kẽ lá chiếu xuống chỗ hai người.

– Bao giờ anh đi về Sài Gòn?

– Tối nay.

Kiên chậm rãi trả lời, mắt vẫn nhìn lên mái nhà. Hảo nghe thấy rõ một tiếng nấc ngán ngủi trong cổ mình. Nàng nhắc lại câu trả lời của Kiên rồi hỏi khẽ :

– Sao anh về Sài Gòn sớm thế ? Mới ở đây có ít ngày đã lại đi ngay, có việc gì vội hay sao ?

– Không. Chẳng có việc gì vội cả nhưng ở đây buồn quá, tôi không thể nào ở đây lâu thêm được nữa.

Hảo cười gượng gạo :

– Thế ngày xưa, anh sống ở đây thì sao ?

– Ngày xưa khác. Bây giờ khác. Ngày xưa chị còn là . . . cô Hảo bây giờ chị đã là . . .

Cặp mắt của Kiên từ từ cúi xuống nhìn những ngón tay của Hảo đang đặt trên thành ghế.

– Là gì đi nữa thì tôi với anh cũng là những người bạn thuở nhỏ, Hảo tiếp, và

tôi mong rằng anh vẫn cứ gọi tôi bằng tên Hảo như ngày xưa . . .

Hảo nói câu đó một hơi dài và nói xong nàng mới giật mình không ngờ là đã nói được một câu như thế. Và, nàng đứng lặng trước mặt Kiên, đôi mắt chớp nhanh.

– Tôi đi Sài Gòn lần này, có lẽ lâu lắm mới trở về đây được. Nếu tối nay, Hảo không mắc công chuyện gì, Hảo hãy ra ga . . .

– Không được đâu, Hảo run giọng trả lời, tôi không thể nào tới đó được!

Kiên đứng dậy đi lại gần chỗ Hảo đứng :

– Nếu vậy, chúng ta hẹn nhau ở nơi khác trước giờ tàu chạy, được không ?

Hảo giật mình, hai bàn tay nắm chặt lấy thành ghế :

– Không ... không được đâu !

Kiên thở dài. Y nói bằng một giọng vô cùng tha thiết và Hảo có cảm tưởng như y đang đứng sát bên nàng :

– Hảo có biết không ? Tôi về đây lần này chỉ mong gặp Hảo. Vì Hảo mà tôi trở về nơi này. Ngờ đâu, Hảo bây giờ đã không còn là Hảo ngày trước nữa. Tôi đi qua nhà Hảo, nhìn thấy Hảo đứng ở cửa hàng bao nhiêu lần mà không dám dừng lại để nói chuyện với Hảo. Tôi . . .

Kiên còn nói nhiều thêm nữa, những lời nói của y biến thành những ngọn gió mát rượi thổi vào tâm hồn Hảo. Trong một lúc, Hảo thấy khu rừng trước mặt xanh hơn lúc thường và ánh nắng chiều

đã hết cả gay gắt. Chưa bao giờ Hảo được nghe những lời dịu ngọt như vậy từ miệng một người đàn ông thốt ra, ngay cả những lúc nàng được chồng âu yếm. Hảo thốt rùng mình. Bàn tay nàng rời khỏi thành ghế và che lấy mặt. Khi Kiên vừa đặt tay lên người nàng, toàn thân nàng run bắn lên. Nàng vội vã gạt tay Kiên ra và chạy lại góc tường đứng nép vào đó. Kiên vừa định bước tới thì một hồi keng vang lên. Những tiếng ồn ào của lũ trẻ nhỏ tràn ngập như thác nước ủa ra ngoài đường. Hảo kêu lên qua hơi thở rồn rập :

– Thôi, anh về đi. Về đi. Đã đến giờ, tôi . . .

Kiên dừng lại. Gã đàn ông hiểu ngay câu nói bỏ lửng của nàng. Y nhìn ra ngoài cửa. Một vài đứa bé đi học về, đang lớn vồn nhìn vào. Hảo giục thêm một lần

nữa rồi úp mặt vào tường. Nàng nghe rõ tiếng giày của Kiên xa dần, xa dần . . .

✱

Tiếng còi rú lên một lần cuối rồi cả đoàn tàu lù lù tiến vào bóng đêm. Đứng nấp vào một góc tối nhất của sân ga, Hảo nhìn theo đoàn tàu. Phía bên kia, Hảo thấy rõ chồng mình đang lắc lư chiếc đèn đỏ trên tay.

Khi đoàn tàu đã khuất hẳn và chiếc đèn đỏ trên tay chồng nàng không còn lắc nữa, Hảo mới men theo con đường cỏ trong sân ga, đi lối tắt về nhà. Những bước chân của Hảo dẫm lên đám cỏ rừng, lạnh buốt và nhói đau. Nhưng, Hảo không cảm thấy gì hết. Nàng chỉ nhìn lên cái chòi nước nằm cuối sân ga và nghĩ đến

những ngày tháng sắp tới. Tiếng keng khua tan giờ học. Cái bếp lửa than hồng. Hai bữa cơm đều đặn trong một ngày. Những cơn say ngu độn của ông chồng với hai câu vọng cổ vô nghĩa kéo dài năm này sang năm khác, nhất là hai câu vọng cổ. Hảo muốn bật khóc nhưng không sao khóc được. Tất cả còn lại trong lòng nàng là một sự trống rỗng khủng khiếp, một sự tiếp nối những buồn nản thường xuyên, chạy dài như những con đường sắt.

Thanh Nam

Tiếng hát buổi chiều mùa xuân

*Anh bờ ngõ trong chiều xuân nắng
đẹp*

Người yêu nhau đây đại lộ công viên

Tiếng hát em đưa anh về quá khứ

*Những bước song hàng trên lối đi
quen*

Lối xưa ấy có hoàng lan gió lay

*Trưa hè nào vương hương nồng tóc
bay*

*Cửa kính nghiêng soi mắt nhau tìm
kiếm*

Hai người yêu nhỏ ấm trong tay

Lối xưa ấy là thiên đường chúng ta

*Chiều mùa xuân đầy môi cười tiếng
ca*

Thư mỏng trao dưới gấm bàn vôi vã

*– « Anh về khuya, em thức suốt đêm
qua »*

Hoa sau đông rơi đầy vai đầy tóc

Áo mùa xuân bay chợt thức bơ vơ

Mình anh về qua lối nhỏ hoang sơ

*Hồn buồn đường Catinat chiều chủ
nhật*

Từ dạo xa em thiên đường đã mất

*Nên coi đời như những bước đi ho-
ang*

*Đêm ngày lang thang bờ hè, quán
rượu*

*Say về đọc thơ thương Omar
Khayyam*

Gối mềm kê vai tìm êm tóc xõa

Mặt úp lòng tay gọi thơm môi ngon

Dĩ vãng đem làm thuốc độc tâm hồn

*Em sáng chói giữa tình yêu thần
thánh*

*Có hai người dìu nhau chùng sợ lạnh
Tiếng guốc ròn như gõ vỡ hồn anh
Áo học trò em vẹn sắc nguyên trinh
Tập thư yêu đã ngả màu cỏ úa*

*Và anh nữa, kẻ độc hành bé nhỏ
Ghé ga em quên hành lý thơ ngây
Mùa xuân vui lại đến rồi đây
Không còn gì điểm trang cho tuổi trẻ*

Mình không ngờ mình si mê đến thế

Ba năm còn giữ trọn giấc mơ xưa

*Để chiều nay nghe thoáng giọng em
thơ*

Thấy môi mặn ô hay mình vừa khóc,

Thái Thủy

NGÕ HẸP

Tạ Ty

Ở trong cái ngõ hẹp này, tất cả mọi người đều quen thuộc nhau. Quen thuộc đến nỗi họ có thể biết được tất cả những câu chuyện thầm kín của người khác như chuyện của chính mình. Cái ngõ này rất đặc biệt ở chỗ cửa chính thì ít mà cửa sau thì nhiều. Cuộc sống của bề mặt không có chi đáng kể nhưng, tất cả đều quay vào bên trong và giật lùi về đằng sau, chạy dài theo lối ngõ để, ứ đọng bởi một bức tường cụt. Sự thực chỉ có độ bốn năm gia đình được quyền thụ hưởng công khai cái ngõ này thôi,

vì những căn nhà ấy được dựng lên trên một nền đất nuôi lợn nái cũ. Người chủ đất thấy nuôi lợn không lãi bằng làm nhà cho thuê, họ bèn làm nhà, vì thế, những căn nhà này phải ở vào một địa thế bất lợi, là trông thẳng vào những cánh cửa hậu của dãy nhà trước mặt.

Có điều lạ lùng, chính dãy nhà trước mặt, họ cũng dùng cửa sau làm cửa chính, họ ra vào bằng lối đó, và mọi câu chuyện cũng đều thoát ra bằng cửa hậu. Cửa chính của dãy nhà mới trên quay ra ngõ khác, tuy rộng hơn một chút nhưng rác rưởi, phân trẻ con và phân chó làm ngập cả lối đi. Có lẽ, vì những lý do đó không ai bảo ai đều đi lối sau vừa kín đáo vừa sạch sẽ.

Căn nhà của tôi thuê là một trong bốn, năm căn nhà ở vào địa thế bất lợi nói trên. Có nhiều bạn bè muốn đến

thăm mà tìm không thấy, lắm khi họ đi gần đến nhà, họ lại quay ra, cho đến hôm nào gặp, họ trách rằng, tôi cho số nhà láo, vì họ chỉ tìm thấy những cánh cửa hậu mà thôi. Không biết nói gì hơn, tôi chỉ còn xin lỗi tấm lòng tốt của bạn. Nói cho đúng, nếu một người lạ chưa vào ngõ bao giờ thì không ai có thể quyết đoán được ở trong cái ngõ nhỏ, bề ngang không quá một thước ấy, lại chứa đựng cả một cuộc sống phức tạp, và lễ lối sinh hoạt chính của hàng chục gia đình, lương thiện có, bất lương có.

Trong cuộc sống thu hẹp lại của cái ngõ nhỏ, tôi cũng phải hòa mình vào những nỗi vui buồn của nhịp đời, tuy cách biệt ở nội tâm, nhưng thông cảm ở bên ngoài. Trong mấy năm sống ở cái ngõ nhỏ này, tôi đã được chứng kiến biết bao nhiêu chuyện, biết bao nhiêu

sự thật. Tôi đã học được nhiều, và mất đi cũng lắm. Tôi đã được biết những vụ ngoại tình, những sự lừa lọc lẫn nhau, làm khổ lẫn nhau, chửi rửa lẫn nhau, rồi mấy bữa sau lại nhìn nhau cười hể hể như không có chuyện gì xảy ra cả. Tôi đã nhìn thấy những đứa trẻ con không có bố, sống thui thủi như những con chuột, lê la hết nhà này đến nhà khác để ăn chực. Mẹ chúng đi suốt đêm, ngày ngủ cho nên không có thì giờ trông nom con cái. Trong số những đứa trẻ khốn nạn ấy, có đứa bố là người Nam Dương, có đứa lai Tàu và một đứa lai Ấn Độ, cả ba đứa đều chung một mẹ. Mẹ chúng là vũ nữ. Người ta không ngạc nhiên ở điểm này, nhưng người ta đã cảm động khi nhìn thấy những đứa trẻ lạc loài thiếu tình thương giữa dòng đời rộng lớn mà nó cần phải được che chở. Tôi rùng mình lo sợ cho tương lai chúng. Rồi đây chúng

sẽ ra sao nhỉ ? Một viên ảnh đen tối phủ đầy trong những con mắt ngây thơ. Một cuộc sống tôi tin rằng chẳng lấy gì làm tốt đẹp đang chờ chúng ở những ngã tư của kiếp người.

Trong số những người bố vô danh, tương đối, gã Nam Dương là thằng bố có tình nhất. Trước đây gã đã ở trong cái ngô này mấy tháng. Gã ít nói nhưng rất lịch sự, gặp ai gã cũng cúi đầu chào. Gã nói bập bẹ được ít tiếng Việt. Lúc gã ở đây, đứa bé được độ chừng một năm, rồi sau một đêm hàng xóm mất ngủ vì, tiếng cãi cọ, tiếng chai cốc vỡ, sáng ngày gã xách va-li đi sớm. Người ta nói rằng, gã hay ghen lắm. Gã không chịu nổi cô vũ nữ đã dám ôm người đàn ông khác vào lòng mà hôn hít trước mặt gã.

Tuy gã đi, nhưng thỉnh thoảng gã vẫn về thăm con, phần nhiều là buổi tối

độ 8-9 giờ, lúc cô vũ nữ đã đi đến vũ trường rồi. Kể ra thì cô vũ nữ này cũng quá đáng thật, thay đổi người yêu như thay áo lót. Gã Nam Dương vừa đi buổi sáng thì buổi trưa, người lối xóm đã thấy cô trang điểm lộng lẫy, dàng hoàng khoác tay một gã đàn ông khác đi chơi như cặp vợ chồng chính thức đã lâu đời. Bằng đi một dạo lâu lắm, gã Nam Dương không tới cái ngõ này nữa, rồi đột nhiên, một buổi chiều khi nắng vàng đã tàn úa trên những mái nhà ngõ hẹp, người ta lại nhìn thấy gã trở về để nhìn thấy con gã đang móc thùng rác lấy vỏ chuối ăn. Gã đứng lạng người, rồi chạy đến ôm đứa con vào lòng. Thằng bé khóc thét lên không nhận ra bố, nó vùng vằng làm cho bộ quần áo của gã lấm bê bết. Hình như gã không tiếc bộ quần áo đắt tiền, gã cứ ôm chặt lấy nó, đầu gã gục xuống, vai gã rung lên trong khi bóng tối đã làm nhấp

nhem ngõ hẹp. Lần này có lẽ lần cuối cùng gã trở về thăm con, để rồi không bao giờ gặp nữa. Cô vũ nữ chắc cũng biết chuyện, nhưng cô coi như không có : ngày ngủ, đêm đi khiêu vũ cho tới hai, ba giờ sáng. Người lối xóm cứ mong cho cô ngủ cả ngày vì nếu cô thức thì cả ngõ lại âm lên vì tiếng mắng chửi người làm và con cái.

Sự việc ấy xảy ra luôn luôn làm cho lối xóm gần như không để ý đến nữa, và sự chú ý của họ lại dồn sang căn nhà ở sát vách buồng tôi. Đây là gia đình một tư chức đã về già. Gia đình đông con, có người đã lập gia đình và đã có con cái. Ông già độ chừng ngoài năm mươi. Ông đi làm như một cái máy. Dù mưa hay nắng tôi vẫn thấy ông ta dắt xe đạp ra khỏi ngõ, rất đúng giờ, gập chiếc lưng còm xuống mà đạp. Ngẫu nhiên ông ta

trở thành chiếc đồng hồ sống cho tôi. Buổi sáng khi thức dậy nếu còn nhìn thấy chiếc xe đạp của ông dựng ở cửa, thì chưa đến 7 giờ. Buổi trưa 12 giờ rưỡi ông về, chiều 2 giờ ông đi và 6 giờ lại về. Cứ như thế cuộc đời của ông ta chẳng có sự gì đặc biệt thì, tôi thiết tưởng, câu chuyện mà tôi viết ra đây chẳng có gì là cay đắng.

Thỉnh thoảng buổi tối ông có qua thăm bên tôi và sau nhiều câu tâm sự tôi cũng đã được biết qua loa về đời ông. Hồi trẻ, lúc hưng thời làm ăn khá, ông ta đã chơi bời. Trong thời gian chơi bời ông đã say mê một ca nữ, rồi sau ông lấy làm vợ. Vì câu chuyện ông lấy ca nữ làm cho gia đình ông từ đó mất hạnh phúc. Bà vợ cả đau buồn rồi chết, để lại cho ông một đứa con trai, sau này lớn lên nó đi mất dạng. Ông ăn ở với người ca nữ được

năm mụn con, ba gái hai trai và người vợ này đã chết trong mùa loạn vừa qua. Có những buổi tối dưới ánh sáng đục ngầu của ngọn đèn 40 nến, một già một trẻ ngồi nhìn nhau qua ly trà pha đậm. Trông ông ta có nét mặt rất hiền hậu, dáng người phong lưu nho nhã, ăn nói dịu dàng, làm cho tôi nghi ngờ những sự việc xảy ra ở trong gia đình ông và một đôi lần tôi tự hỏi, phải chăng số mệnh ?

Một buổi tối, sau khi ăn cơm xong tôi đang ngồi đọc nốt mấy trang sách thì ông sang. Tôi đứng dậy pha trà, ông ngồi xuống chiếc ghế kê gần cửa sổ (chiếc ghế này khi nào sang thăm tôi ông cũng ngồi). Một vài câu chuyện bâng quơ về thời thế và mưa nắng qua hơi trà nóng, ông bần khoản hình như muốn nói với tôi một điều gì. Trong bụng tôi nghĩ rằng, chắc ông lại than phiền về cô gái thứ hai của

ông, hoặc cậu con trai thứ ba, vì theo tôi biết thì hai nhân vật chính này đã là mối tai họa cho gia đình ông. Cô gái tên là Tổ Lan, có dáng người mảnh mai, đẹp như tranh. Tổ Lan ăn mặc rất diêm dúa, đôi khi lại bận y phục kiểu cao bồi. Tổ Lan là một cô gái lãng mạn, sống theo dục tính. Bao giờ Tổ Lan cũng trang điểm rất lộng lẫy kể cả lúc ở nhà. Trông nàng dạo phố người ta đoán chắc nàng ở vào giai cấp thượng lưu. Tôi không hiểu mỗi tháng ông cụ kiếm ra được bao nhiêu tiền mà con gái ăn mặc quá mức như thế. Cậu con trai cũng không kém, quần nọ áo kia. Tóc cắt kiểu “Mác Lông Băng đô”, mồm luôn luôn huýt sáo những điệu nhạc miền Nam Mỹ. Cậu ta trạc độ hai mươi tuổi chẳng học hành gì hết, phóng xe gắn máy suốt ngày, chỉ về nhà lúc ăn cơm, có vài lần, tôi trông thấy cậu ta từ khiêu vũ trường đi ra, cặp tay hai, ba cô

gái đồng tuổi. Sự tự do của gia đình này thật tuyệt đối. Ai muốn làm gì thì làm. Đi giờ nào cũng được, về giờ nào cửa cũng mở. Vì sự tự do quá trớn ấy, tôi không thể hiểu gia cảnh của ông già,

Tôi có tật hay thức khuya để làm việc, nhiều bận tôi đứng nhìn trời qua cửa sổ, vô tình tôi đã thấy Tổ Lan ôm chặt người yêu trong vòng tay bé nhỏ. Họ ôm nhau như thế rất lâu, bận nào cũng vậy trước khi từ giả. Nhưng không phải Tổ Lan chỉ ôm có một người, mà rất nhiều gã đàn ông may mắn ấy. Sở dĩ tôi phân biệt được điểm này là vì hình dáng và giọng nói của họ khác nhau. Trọng sự tối tăm của ngõ hẹp, đêm đã về khuya tất cả những ánh đèn đã tắt thì, tiếng thì thầm mới nổi lên nhịp điệu ân tình. Có đêm tối nhìn thấy Tổ Lan vừa làm xong bốn phận với người yêu, chỉ năm phút sau cậu em

trai cũng đứng chỗ đó làm bốn phận với một cô gái ở cùng ngõ. Tôi không tò mò, nhưng chỉ là những sự tình cờ, những tình cờ chua chát mà tôi đã chứng kiến. Câu chuyện đó không phải chỉ có một mình tôi biết, mà cả ngõ biết, chẳng hay ông già có biết hay không ? Tôi thì tôi tin rằng ông ta không biết vì ở ngõ này, ông ta chỉ nói chuyện với một mình tôi, mà tôi thì nhất định là không nói.

Tôi ít khi được thấy một gia đình nuông chiều con cái đến thế. Sự giáo dục hoàn toàn vô giá trị ở dưới mái nhà này. Tôi chắc ông còn có nguồn lợi nào khác ngoài số lương hàng tháng thì mới đủ cho sự trưng diện của những đứa con quá đông. Tôi đang phân vân, thì ông già đằng hắng lấy lại nét mặt nghiêm chỉnh, bàn tay run run đặt ly trà xuống bàn. Su dự đoán của tôi quả không sai. Ông già

bắt đầu vào chuyện.

Ông tả nỗi bi đát của hoàn cảnh gia đình ông hiện tại. Ông nói đến những sự túng thiếu triền miên. Ông nói đến những gánh nặng mà ông còn phải gánh trên đôi vai đã nặng trĩu tuổi trời. Ông nói, ông nói nhiều lắm về sự ăn ở của hai vợ chồng cô con gái lớn của ông. Nào là chúng nó chẳng giúp đỡ gì ông, thằng chồng đi làm được bao nhiêu tiêu chừng ấy. Còn thừa chúng nó may mặc cho nhau, đưa nhau đi ăn uống, coi xi-nê mỗi tuần sáu lần và nhiều, nhiều lắm. Tôi hết muốn nghe, nhưng vì lịch sự mà cố ừ ào cho qua chuyện. Ông nói cả đến Tổ Lan sắp lấy chồng. Chồng nó là người yêu cũ, chúng nó thương nhau từ lâu rồi. Nói câu chuyện này với một người không thân thuộc với mình cho lắm, mà ông coi như thường, như việc dĩ nhiên.

Ông lại ngỏ lời xin lỗi tôi hôm nọ có lẽ hỏi Tố Lan mà ông không cho lỗi xóm biết vì chồng nó nghèo mà ông ta cũng chẳng có gì cho nên giấu diếm. Ông già có vẻ tin tưởng vào hạnh phúc của Tố Lan, và tôi cũng mừng cho ông sắp thoát khỏi một, trong mấy tai nạn lớn mà đời ông còn vấp phải.

Trong những buổi tiếp xúc với ông. lần này ông nói nhiều hơn cả, và hình như ông chẳng muốn giấu tôi điều gì. Thành thực, tôi cũng không hiểu vì sao, tối nay ông lại tâm sự với tôi nhiều thế ? Nếu chỉ có thế thôi, tại sao dáng điệu ông mỗi lúc mỗi mất tự nhiên ? Khi tuần trà đã đến nước thứ năm, sắc trà đã ngả sang màu da ngả nước, ông hơi ngẩng đầu lên, nhìn thẳng vào mặt tôi như dò xét rồi ông lại nói.

Tiếng nói của ông nhẹ hẫng đi và đôi khi nghẹn lại ở cổ họng. Ông nói, ông đang cần tiền để mua căn nhà ông ở bây giờ, vì người chủ nhà muốn bán, nếu ông không mua họ sẽ bán cho người khác. Nếu người khác mua được thì nhất định ông phải dọn đi, mà dọn đi, ông không muốn, ông ở đây quen rồi, hơn nữa đi thuê nhà chỗ khác thì phải mất tiền sang, mà chưa chắc giá thuê đã rẻ. Ông muốn tôi cho ông vay một số tiền mấy chục ngàn để mua nhà. Ông hứa sẽ trả dần tôi mỗi tháng. Chén trà sau cùng tôi uống mất cả ngon, khi biết rõ mục đích sự sang thăm của ông tối nay. Tôi cũng chẳng hiểu ông nghĩ gì về tôi, về gia đình tôi ? Chắc ông già tin rằng, tôi đi làm mà không chơi bởi gì cả, thế nào cũng có tiền thừa cho ông vay để lấy dần lại trong mấy chục tháng. Tôi nhìn lên trần nhà xem mỗi đuối nhau, trong khi đó ông già cứ

nói. Ông nói quá nhiều và những lời nói của ông như bắt tôi phải thỏa mãn nhu cầu cấp bách của ông như chính việc của tôi vậy. Tôi không hiểu vì sao ông không nhìn thấy sự thật của cuộc đời, tuy tuổi ông đã đủ đảm bảo cho từng trải. Ông ta làm tôi cũng phải tả oán cuộc đời của tôi để chứng minh rằng tôi không có tiền thừa cho ông mượn. Lời từ chối của tôi bi đát không thua gì hoàn cảnh của ông. Thật là tội cho tôi, bỗng dưng phải vạch áo cho người xem lưng một cách vô lý. Sau cái bắt tay ông già đứng dậy xin phép ra về và còn dặn lại tôi xem ai có, vay hộ ông ta số tiền đó, ông sẽ chịu lãi và trả sòng phẳng hàng tháng. Tôi thở dài nhẹ nhõm.

✱

Trần trọc mái không ngủ được vì nghĩ ngợi đến tâm trạng của ông già hàng xóm. Tôi cảm thấy thương ông hơn là trách ông. Giá ở hoàn cảnh khác, ông là một người cha gương mẫu. Nhưng ở hoàn cảnh này ông là người bố bất lực. Sự buông thả quá trớn đã làm hư hại cuộc đời ông và cả những người con của ông.

Tôi ngồi dậy, đi ra cửa sổ, nhìn lên vòm trời đen kịt, không một vì sao. Cái ngõ hẹp trông như cái hang trong khe núi. Ánh đèn le lói chiếu hắt ra từ nhà ông già làm thành một miếng màu khô khan và lác lõng. Tôi chắc ông già cũng chưa ngủ được vì câu chuyện tiền nong. Tội nghiệp biết bao nhiêu ! Giữa lúc đó có những tiếng giày đi vào ngõ. Những lời nói thì thảo qua hơi thở. Như thường lệ tôi ghé mắt nhìn ra, lại vẫn Tổ Lan,

chắc ở khiêu vũ trường về với người yêu. Đến đâu ngõ họ dừng lại, cong người hôn nhau như chẳng bao giờ muốn rời. Đứng trong bóng tối nhìn ra, tôi thấy họ như những nhân vật của điện ảnh. Tôi ước ao rằng, gã này là chồng chưa cưới của nàng. Họ mê mãi trong những chiếc hôn nồng cháy. Những bàn tay tìm nhau trong bóng tối. Hai thân người quấn quai, bức tức. Họ quên hết thời gian và không gian. Họ chẳng thấy gì hết ngoài màu đêm đen ngòm phù đầy ngõ hẹp. Nhìn họ, tôi tự thấy mình già vì trong lòng sùng sượng, gờn gợn. Nếu họ biết rằng những cử chỉ yêu đương quá sỗ sàng của họ mà có người nhìn thấy thì họ nghĩ thế nào nhỉ ? Tôi đâm vẫn vơ và có lẽ, tự tránh những xúc động riêng tư tôi quay mặt nhìn vào phía trong ngõ. Vừa lúc đó, từ trong nhà ông già đi ra một bóng người trai trẻ. Hắn bước thẳng

ra ngõ. Tôi nghĩ đến Tổ Lan, đến những chiếc hôn say đắm những bàn tay...

Người trai trẻ có lẽ định đi thẳng ra đường nhưng chắc nhìn thấy Tổ Lan, hấn đứng dừng lại ở ngay trước cửa sổ nhà tôi, vì tôi đứng chếch và ở trong tối cho nên hấn không thấy. Tiếng giày nhẹ lướt vào ngõ, đúng là tiếng giày của Tổ Lan. Người tình của nàng chào nàng bằng tiếng Ăng-Lê trước khi từ biệt. Gã trai trẻ cứ đứng nguyên chỗ, đầu gục xuống, khi Tổ Lan đi qua mặt hấn, chờ cho Tổ Lan vào nhà, hấn mới lặng lẽ quay trở lại. Gã trai trẻ này, buổi tối nay tôi mới gặp lần đầu, trông hấn cũng dễ thương. Hấn ăn mặc xuềnh xoàng. Mặt mũi ít tính chất cao bồi. Tôi cho rằng, hấn là bà con với ông già, chứ không thuộc loại người yêu của Tổ Lan.

Để tránh những ý nghĩ vẩn vơ, tôi bật đèn và ngồi vào bàn làm việc. Tôi giở mấy trang sách đọc cho buồn ngủ. Không hiểu tại sao tối nay tôi đọc mà chẳng hiểu gì hết. Những dòng chữ như trôi trên tôi, nhây múa hỗn loạn làm mờ cả mắt. Thấy đọc sách không được, tôi tắt đèn chui vào màn nằm cho muỗi đỡ đốt. Tôi nằm nhưng biết rằng giấc ngủ đêm nay sẽ khó lắm. Tôi cứ nhắm mắt và đếm những con số cốt làm cho mệt mỗi thần kinh để dễ ngủ.

Tôi đang gây giấc ngủ thì bên nhà ông già có tiếng nói. Mới đầu còn nhỏ, sau to dần và tôi nghe đúng là tiếng nói của Tổ Lan, chắc nàng đứng gần cửa cho nên bên này tôi mới nghe rõ được.

– Anh nên nhớ rằng, tôi chưa phải là vợ của anh. Bao giờ anh cưới tôi về, và làm hôn thú hầy hay. Còn bây giờ tôi có

thể đi với bất cứ một người đàn ông nào mà tôi muốn. Anh không có quyền ngăn cản ! Anh hiểu chưa ?

Tôi giật mình ngồi nhòm dậy, lúc này tôi mới đoán ra gã trai trẻ lúc nãy là chồng chưa cưới của Tố Lan mà ông già mới nói cho tôi biết lúc tối. Tiếng hân trầm trầm đáp lại :

– Thế em không nhớ lời gán bó với nhau từ trước hay sao ? Mới có mấy năm giờ xa nhau, em thay đổi nhiều quá. Nếu em phụ anh thì hôm nọ em từ chối ngay đừng để cho anh phải mất công đem đồ sính lễ tới nhà em; đừng để cho anh phải xấu hổ với gia đình và bạn hữu.

– Tôi có bảo anh đem đồ lễ tới hỏi tôi đâu. Thuở trước tôi còn trẻ dại, tôi mới yêu anh, chứ bây giờ tôi thấy anh không hợp với tôi nữa.

Tổ Lan nói to như không cần biết có ai còn thức để hiểu chuyện mình hay không ? Nàng nói như để trút nỗi bức tức trong lòng. Gã trai trẻ vẫn giữ nguyên giọng nói :

– Lạ nhỉ ? Anh cũng tự biết rằng ngày nay anh không còn đẹp ở mắt em nữa, nhưng anh vẫn tin vào mối tình trong trắng của chúng ta, mối tình ấy trong những năm xa em anh luôn luôn ghi nhớ ở trong lòng và lúc này, lúc này đây, dù cho em có nghĩ thế nào, anh cũng vẫn yêu em, và yêu em cho nên cần phải bảo vệ hạnh phúc và danh giá của hai gia đình.

Tôi không hiểu lúc này ông già còn thức hay ngủ, hoặc là ông ta đương mãi lo số tiền mua nhà, mà không lên tiếng về sự mất dạy quá đáng của đứa con gái

hư hỏng. Chả có lẽ ông biết mà lại làm thình ? Tổ Lan lại tiếp :

– Danh giá với chả danh giá, ở đời này lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chuyện ấy thì họa có là điên – ừ, mà nào tôi đã làm gì để hại đến danh giá nhà anh kia chứ để anh phải nói. Tôi đi khiêu vũ, tôi có nhiều bạn trai, tôi tự do, đó là cái quyền của tôi chứ. Bố mẹ tôi còn chả cấm đoán nữa là anh, cái thứ anh chỉ biết...

Gã trai trẻ cướp lời :

– Chỉ biết gì ?

– Chỉ biết bốn bức tường ! Tổ Lan trả lời khinh bạc.

Câu chuyện nhà bên cạnh thật ra không dính gì đến tôi, mà sao lúc này người tôi như điên lên, và tôi trách gã trai trẻ hèn nhát để cho một người con

gái hư hỏng sỉ vả mà chịu được. Những thằng con trai như thế đáng giận thật.

Giọng Tổ Lan rần ròi lại vọng sang trong đêm tối :

– Tôi nói trước để anh được biết, mấy hôm nữa tôi sẽ đi làm xa, còn việc cưới xin để tôi nghĩ lại đã. Mà tại sao anh còn đeo đuổi tôi cơ chứ ? Mấy năm anh viết thư cho tôi mà tôi không trả lời anh, nếu thông minh thì anh cũng đã hiểu rồi, cho tới nay anh trở về, khi gặp tôi anh năn nỉ và phục tùng để cho tôi bằng lòng, mà tôi đã bằng lòng đâu kia chứ ? Đó mới là sự ưng thuận của ông cụ, còn quyền tôi nữa chứ ? Anh cứ tưởng như thế là xong đấy hử ?...

– Em nên bình tĩnh, và em không được đi đâu hết. Anh có hèn ra thì cũng làm nuôi nổi em, tuy không có đủ tiền để

đưa em đi khiêu vũ, hơn nữa, anh cũng chẳng biết khiêu vũ là gì. Thằng con trai sống ở thời đại này mà không biết khiêu vũ, không biết cầm lái xe hơi, nhất là không có xe hơi để đưa người yêu đi chơi thì quả là đáng khinh thật. Nhưng anh, anh không nghĩ thế, anh chỉ có một tấm lòng chung thủy. Tấm lòng đó anh giữ gìn trọn vẹn trong bốn năm trời xa em vì hoàn cảnh, cả những lúc cái chết đến với anh gần nhất, anh vẫn mang hình ảnh em ở trong tim anh. Thế mà em vẫn không hay. Trong khi đó em đi tìm sự khoái lạc đê hèn của cuộc sống nhầy nhụa trong vũ trường, trong tay những chàng trai hư của thời đại !

– Ờ được lắm, anh chửi rửa như thế đã bằng lòng chưa ? Tôi không cần anh nuôi đâu nhé ! Đấy, anh chưa nuôi tôi một ngày nào mà đã thế, nếu tôi làm vợ

anh thật rồi, anh sẽ đối với tôi ra sao nhỉ ? Bố mẹ tôi nuôi tôi mà chả bao giờ nói tôi như thế nữa là cái thứ anh ? Thật dơ đời !! Để mai tôi trả lại anh cái lễ ăn hỏi cho xong, có mấy hộp bánh vứt đi mà lắm truyện !...

Hình như không nhin được, gã trai trẻ hét to lên :

– Con gái gì mà mất dạy thế ?

– Anh bảo ai mất dạy ? Anh ra khỏi nhà tôi ngay ?

– Tôi không ra. Muốn làm gì thì làm ! Gã trai trẻ dẫn giọng.

– Bây giờ anh muốn gì ? Tổ Lan gắt to lên.

– Muốn gì thì muốn, có một điều chắc chắn là em không thể phụ tôi một

cách bỏ ổi như thế này được. Em có biết lúc này em làm gì không ? Ồ con gái đẹp nhỉ ?

Nghe thấy câu này Tố Lan như cuống lên, không dần nổi, nâng văng tục. Tôi nghĩ tiếc cho đôi môi xinh như thế mà thốt ra những lời nói quá bần thủ. Tôi ước, tôi có phép gì mà rót những lời này vào tai những gã trai trẻ nào đang yêu nàng say đắm thì thú vị biết bao. Không muốn nghe nữa, tôi nằm xuống quay mặt vào tường, nhưng lời nói cứ văng vẳng bay sang làm tôi bực bội – Tố Lan đúng là một bông hoa quý nhưng có nhiều gai độc quá ?

Lời đối thoại không đẹp cứ tiếp diễn đến lúc Tố Lan hét to, và có tiếng bàn ghế xô đẩy. Tiếng người kêu cầu cứu. Tôi giật mình ngồi nhồm dậy, ra khỏi màn. Tiếng kêu càng cấp bách, đúng giọng

của ông già. Những ánh đèn trong ngõ bật cả lên. Những nét mặt ngái ngủ thò qua khe cửa. Một vài người chạy đến. Có tiếng đấm cửa nhà tôi. Tôi vội vàng ra mở. Ông già chạy xăm vào níu lấy tôi và kéo tôi sang nhà. Tôi theo ông như chịu một sức mạnh kéo đi.

Tôi đứng sững lại ở trước cửa nhà ông, trước mắt tôi, Tổ Lan tay cầm con dao sáng loáng dính máu, đang vùng vẫy quay mặt cắn vào tay những người giữ nàng để thoát ra mong thỏa mãn tự ái bằng những nhát dao nữa. Gần đấy, gã tuổi trẻ gục mặt xuống sàn nhà, chiếc sơ-mi đỏ lòn những máu.

Trông Tổ Lan như con quỷ. Đôi mắt của nàng vốn đã to và đen, lúc này quắc lên sáng long lanh dưới ánh đèn coi dễ sợ làm sao. Hai môi nàng cắn chặt lấy nhau. Sự tức giận làm cho mặt nàng đỏ

phùng phùng như người sốt. Nàng còn say máu, không chịu buông con dao ra. Trước cửa nhà ông già người bầu đen kịt. Tôi chạy vào nâng gã tuổi trẻ dậy. Mặt hắc xám ngoét. Tôi quay ra nhờ người gọi xe để chở gã đi nhà thương. Trong lúc chờ đợi, tôi xé vụn chiếc khăn bàn cuốn chặt vào người gã, chỗ vết thương đang trào máu. Ông già lúc này đứng ngây như pho tượng. Ông hết nhìn đứa con gái lại nhìn gã tuổi trẻ, con rể tương lai của ông, không nói một lời nào. Tâm trạng của ông có trời hiểu. Tổ Lan kêu khóc âm lên khi người ta xông vào giật con dao ra khỏi tay nàng. Nàng khóc điên dại như chính nàng là kẻ bị tai nạn, trong khi tôi và mấy người lối xóm vực gã tuổi trẻ ra xe chưa biết sống chết thế nào ?

TẠ TỴ

Thư Paris

HOÀNG ANH TUẤN

Lá thư từ Paris gửi tới.

Qua bao nhiêu dặm gió, thời tiết chuyển mình bất chợt theo lối bước lạ lùng của thời gian trên không trung, lá thư vẫn nguyên vẹn một là thư từ Paris gửi tới, xa xôi như tình yêu bé bỏng hôm qua mà cũng gần gũi như lúc chính mình cầm tay nhau, mắt ôm lấy mắt tại phi cảng Orly trước giờ H chia cách.

Màu xanh của bao thư nhẹ như một thoáng nghi ngờ... một cánh hoa vàng,

hai cánh hoa vàng rụng xuống nếp váy khi “người ta” thử bói một quẻ bằng cách bứt từng cánh hoa mà đếm : yêu, yêu sơ, yêu nhiều, yêu say mê, yêu như điên, không yêu gì cả... màu xanh của bao thư ve vuốt hương vị nghi hoặc đến nũng nịu của “anh chết với em ! Tại sao không yêu người ta gì cả”, tuy thừa biết mình yêu “nó” một cách khổ sở, dày vò.

Vuông tem nằm bên góc trái, nàng Marianne môi ngửa lên, mắt triu mến nhìn lên, lỗi dán tem chênh chếch vẫn là lỗi dán tem của chúng mình. Khi giận nhau thì để cho nàng Marianne úp mặt nhìn xuống, nhớ nhau nhiều thì dán thật nhiều tem một quan, hai quan thay vì một con tem “lớn” – chưa bao giờ viết thư cho nhau mà dán tem ngoài số luật định vì hai đứa cùng nghèo, hai đứa cùng ở phòng dành cho người làm công các

nhà giàu, phòng nhỏ như chuồng chim, tầng thứ sáu, thứ bảy : hai bữa, ăn tại quán ăn sinh viên – và thường thường nàng Marianne ngửa mặt lên theo kiểu dán nghiêng lỏng lơ...

Chữ “nó” vẫn giống những kẻ leo dây, ưỡn ngực, đầu hơi ngả về phía sau để lấy thăng bằng, lối chữ non nớt để mãi mãi có quyền “bắt đền”, mãi mãi có quyền bắt người yêu không được làm cái nọ. không được làm cái kia, nhìn kỹ, lần lần mới thấy chữ cũng chịu tuổi trời, “chỉnh” hơn, khấp nép hơn và có những đường cong, những nét đậm nhạt làm dáng... những dấu sắc, dấu huyền, dấu mũ chưa thôi ngượng ngập nhưng dù sao cũng đã thay thế cho dấu hai chấm khờ khạo của bức thư thú nhất... không thể nào quên được đã có thời gian : thuở ấy... bây giờ.

Thuở ấy chưa quen nhau, một vài chuyến métro để thấy cần phải quen nhau, chẳng Odeon-Montparnasse ngăn ngủi, chưa kịp bắt đầu, mới ở chỗ phân vân “nên thế này... không nên thế này”, đã phải xuống. Nhìn tấm gương gắn ở cái cán điện thấy “nó” cười hóm hỉnh sau lưng, muốn trở lên xe nhưng cửa đã khép mạnh như gắt gông, dù sao cũng vừa tiếp nhận một cái gì mỏng nhẹ của sự đi dần lên cao, về nhà học bài không thuộc, mấy lần phải đun nước pha cà phê, phải vay tạm phần thuốc lá ngày mai – vay không bao giờ trả như thường lệ ! Những điều Gauloises đốt cháy, trời lạnh, 2 giờ 10, hai cái kim đồng hồ đè lên nhau, muốn làm thơ quá. Khi đã muốn làm thơ thì những cuốn sách giáo khoa trở nên tầm tối, phiền phức. Tự cho phép mình “tếu” thêm một lần nữa. Những cái khẩu hiệu thẳng bạn chung phòng dán

lên tường như bùa hộ mệnh chưa bao giờ thấy thiếu mỹ thuật đến thế. Nhưng đêm hôm ấy chẳng làm tròn một bài thơ, đổ lỗi quanh co cho nụ cười lúc chiều nghịch ngợm quá nên lúng túng ngòi bút, nhìn lòng giấy trắng quá rộng, nghe thằng bạn ngủ chung phòng ngáy quá lớn, tự nhiên thấy vắng vắng, lẻ loi. Hí hoáy vẽ những cặp môi, những con mắt tròn xoe, ký tên tối cả trang giấy, vo tròn, ném xuống gầm giường, – để sớm mai thằng bạn ngủ chung phòng không trách móc là bùa bãi – Thế là cứ ngồi châm thuốc lá hút liên miên, cười một mình, chắc ai nhìn thấy mình lúc bấy giờ sẽ cho là vớ vẩn,

Qua cái đêm nhiều khói thuốc ấy tự nhiên thích nghe đĩa Sydney Bechet, nhất là bài Blue in Paris, nhìn Paris, yêu Paris bằng tâm hồn, New-Orléans mà

vẫn gọi được những nét tròn của miệng tách cà phê, những đường vuông của bậc thang métro, Sydney vẫn gửi lời than day dứt của những kiếp nô lệ khuyết dần trên ruộng bông Nam Mỹ nhưng lời than day dứt đó đối với tâm hồn của người Paris nó quen thuộc, gần gũi như chính vừa được cởi ra từ bài thơ tự do yêu nồng nhiệt quá nên trở thành trêu tượng, vô nghĩa – dĩ nhiên phải là bài thơ do Juliette Greco hay Barbara Laage trình bày trong không khí nhức mủi của những “hầm rượu” được mệnh danh là “hầm rượu hiện hữu” – Điệu nhạc kể bên sa đọa mà vẫn vững được nhịp buồn thấm sâu, tỏa rộng, mà vẫn “bên trong”

Cứ tưởng là một tháng hay hai tháng nhưng thật ra chưa đủ một tuần đã gặp lại nụ cười nghiêng đổ trong buổi hòa tấu nhạc Jazz tại sân đấu bò Lutèce...

Thế là chúng mình cùng đi vào đường vắng và từ đó mưa hay tuyết, con đường còn mãi mãi là một lối thơ. Dòng chữ cồn lên như sóng chuyển, dạt tím cả những bài thơ của em, những bài thơ của anh cũng mang nặng những dấu tích Paris....

*

Là thư Paris vẫn nằm nguyên trên mặt bàn, nắng một nửa, nửa còn lại đậm màu hơn. Muốn bóc thư nhưng e ngại những đổi thay, những giả dối biết đâu đã chẳng in dấu móng tay lên những nguyên âm, những phụ âm vốn dĩ chỉ biết tiếp nhận.

Sợ vì là thư sẽ làm mình băng khu-
âng nhớ về những ngày lang thang trên
xứ sở của người ta, những ngày mình
chưa bao giờ hãnh diện tuy nhiên quý

và nâng niu như vật kỷ niệm để thất lạc bỗng nhiên trở về.

Không đọc thư thì day dứt như đứng trước thêm nhà cũ, có quyền bước vào nhưng mặc cảm xưa kia mình là một tên ăn cắp bị đuổi ra khỏi nhà làm mình phải chùn lại – mặc dầu bây giờ mình đã mua trọn căn nhà.

Nhớ những lần nói chuyện Paris với bạn bè sôi nổi và say vô tình để ngỏ cửa cho người nghe chuyện cái cảm tưởng không đẹp là mình yêu Paris hơn cả chính Saigon của mình, nhưng thật ra tất cả những đường phố chằng chịt của hai mươi quận Paris chỉ vương vীu chứ không thể nào cầm tù nổi mình. Nhiều luyến tiếc khi xa Paris chứ không đau đớn như khi giả từ Hanoi, Cái khác nhau là ở chỗ xa vợ, xa con và bắt tay cô tình nhân vũ nữ lần cuối cùng.

Lá thư Paris hay là những đêm bờ sông Seine thăm khen mắt người yêu đẹp quá. Lá thư Paris hay là hình bóng những buổi sáng ngồi trong nắng nhìn về phương xa chợt quên mình chỉ là viễn khách...

Mình không thể hoàn toàn là người Bohémien vì tâm hồn còn nao nức với ý nghĩ đêm giao thừa về thăm quê.

Thôi tạm cất lá thư Paris vào cuốn thơ thẳng bạn mới cho, hẹn đọc khi nào chỉ muốn đọc vì yêu người viết thư như yêu Tuyết, yêu Hằng chứ không phải đọc để luyện tiếc một cuộc sống rất bữa bãi, rất đẹp của những ngày lưu vong, quên ý thức.

Hoàng Anh Tuấn

NGUỖNG CỦA

Duy Thanh

Một tay bỏ thõng ra ngoài, Hãn nằm sấp trên giường trần trụi như một con giun, bàn tay kia của chàng to mà xương xẩu đặt trên nệm giống như một con cua chết nằm ngửa bụng trên bãi cát. Lựu nhắc cái tay bỏ thõng đặt lên thành giường rồi kéo chiếc chăn đơn đắp lên ngang lưng gã đàn ông. Nàng mặc vội chiếc áo cánh và chiếc áo dài vắt ở tay ghế. Soi vào gương. Lựu thoa lại chút phấn lên mặt. Nàng bỗng thấy ngỡ ngàng với bóng mình. Đã đến hàng trăm lần Lựu vẫn tự mắng thầm: mày chỉ là một

con dĩ dại, một đứa bỏ đi, một con đi hoang. Lựu không dám nhìn mặt nàng lâu hơn nữa. Nàng thấy nàng đáng ghét vô cùng. Hình dạng Hãn trên giường phút này chỉ còn là một vô nghĩa. Lựu như thấy Hãn không còn là một sinh vật nữa. Hãn giống như một cái xác chết rồi. Lựu đặt mình ngồi lên chiếc ghế đầu khế thờ dài. Tối hôm trước nàng đã đến với Hãn như một con mụ điên, vì nàng thấy cần phải gặp Hãn. Nàng đã nói dối bà dì rằng nàng phải đến coi sóc một cô bạn bị ốm. Lựu nhớ cả hình ảnh mình lúc phóng tắc-xi tức tốc đến buyn-đinh Hãn ở. Rồi nàng leo lên cầu thang gỗ cửa phòng chàng. Dáng điệu của nàng hốt hải đến nỗi người gác cổng cũng quên cả ngạc nhiên. Lúc bấy giờ đã hơn 11 giờ khuya. Hãn còn đi vắng chưa về. Lựu lang thang ở phố đến hơn tiếng đồng hồ sau mới trở lại thì thấy qua khe cửa phòng Hãn đèn

đã bật sáng. Chàng cũng mới về cách đây không lâu. Hãn ngồi im lìm trước bàn viết. Lựu phải đập cửa lần thứ hai chàng mới xô ghế ra mở cửa. Hãn chẳng nói gì chỉ đứng lui cho Lựu bước vào. Nàng nói khẽ :

– Em ở đây với anh tối nay.

Hãn lại khóa chặt cửa thản nhiên bảo với Lựu :

– Thế à, em cứ vào nằm ngủ trước đi.

Chàng lại ra ngồi trước bàn. Ngồi bút gại trên mặt giấy sồn sột trong tĩnh mịch của đêm vắng. Tiếng Hãn lẩm bẩm chửi rủa một mình. Lựu nằm im hé mắt nhìn phản ứng của gã đàn ông. Hãn giờ tay đập muỗi, cầm cúi viết, cựa quậy trên ghế, cuối cùng chàng quẳng bút thử, đầu ngả ra phía sau. Chàng nhìn quăng điện

sáng in trên trần nhà. Như chợt nhớ ra Lựu chàng quay lại, đáng Lựu nằm trên giường ẩn hiện những đường cong dưới làn chăn mỏng. Giời tuy không có gió nhưng cũng không nóng lắm. Hãn từ từ dùng dẩy đến phía giường. Lựu mở to đôi mắt không chớp. Bàn tay to và sốt bỏng của Hãn đặt lên làn chăn :

– Trời bức em đắp chăn này làm gì ?

Chàng kéo dần cái mảnh vải vô nghĩa đó xuống. Ngực Lựu cộm lên với luồng máu chảy mạnh trong tim. Nàng nhắm mắt đợi nụ hôn của gã đàn ông. Lựu như chết trong đêm đầu tiên của cuộc đời.

Lựu nhìn xuống chiếc bàn gỗ. Ngọn bút nằm ngang bàn cũng giống như cái xác chết rồi. Chỉ mấy trang giấy đặc chữ là còn mang hình ảnh của sự sống, có lẽ là vì do nét chữ của Hãn chạy lên chạy

xuống. Nàng đảo mắt qua và lồm bồm hiểu rằng đây là câu chuyện trong một chương tiểu thuyết đang viết. Góc bàn một nắm giấy vo viên. Lẹu nhặt lấy giờ nhẹ trải lên mặt bàn lấy tay xoa xoa mặt giấy nhàu nát. Một đoạn ý tưởng của Hân viết ra không nghĩ ngợi : “Mày vẫn kéo dài một cuộc sống khốn nạn. Mày vẫn chưa tìm được một lối thoát. Mọi nghĩa lý đời này là con số không, bế tắc, ngớ ngẩn, lừa dối. Tại sao vậy ? Sự dằn vặt thường đến với mày có nghĩa gì ? Mày làm khổ mày là nghĩa gì ? Không, không gì hết. Tôi đang rơi vào một khoảng không và đang cố gắng cựa quậy trong không gian vô biên. Tôi sợ hãi. Tôi trốn chạy. Đúng mày là kẻ yếu hèn hoàn toàn. Có phải nó đang muốn không biết. Tôi nhìn thấy kẻ đó quay lưng chạy và nhìn lại phía sau. Nó muốn quay lại đối thủ. Nhưng nó chạy. Sao nó không dám đứng

lai nhĩ. Đứng lại chửi và đánh vào mặt cái hình thể đuổi theo mày. Nó là cái gì ? Không, nó không là cái gì hết. Một quăng không. Một quăng không.” Lựu đọc mà thấy không hiểu gì. Chữ viết đã khó đọc, Hãn viết như cho chính chàng hay với một người thứ hai thứ ba nào không biết. Nàng tần ngần gấp mảnh giấy cho vào ví. Nghĩ ngợi một lát, nàng định bụng lúc nào sẽ đọc lại để tìm hiểu Hãn hơn. Thấy Hãn còn ngủ, Lựu cầm ngọn bút viết lên tờ giấy trắng : “Lựu về để anh ngủ”. Nàng mở khế cửa bước ra đóng lại rồi len lén xuống cầu thang không dám nhìn ai. Nàng mang một nỗi mỗi mệt trong mỗi bước chân, và một sự chán chường vô duyên có trong khắp tâm hồn.

✱

Hãn tỉnh dậy lúc mặt trời bắt đầu lên cao. Chàng mở mắt nhưng vẫn nằm im để lắng nghe xung quanh. Không có tiếng động nào thuộc về Lựu. Những tiếng động cơ dưới đường vọng lên. Bàn tay Hãn quờ sang phía bên chỗ nằm của Lựu. Lạnh ngắt. Chàng nhún vai ngồi trở dậy dụi mắt rồi đi rửa mặt. Chiếc khăn hũy còn ướt, và chiếc bàn chải răng cắm trong cốc như đã bị dùng rồi. Cũng chẳng sao. Chàng sờ tay lên vai sờ sát những vết răng của Lựu đến rớm máu và cảm thấy xon xót ở lưng. Hãn nhớ lại cái cảm xúc với thân thể Lựu tối hôm trước nhưng chàng cũng không thấy còn lại một xúc động nào. “Mình không có trí nhớ để giữ lại những gì thuộc về cảm giác hay là mình lý lợm quá với những gì quen thuộc rồi”. Tắm khăn mặt còn vương mùi phấn của Lựu. Chàng nhìn bóng mình thấy hai mắt hơi quầng. Hãy

còn thiếu ngủ. Buổi tối hôm trước, Hãn đi một mình vào tiệm nhảy và đã uống rượu một mình. Chàng không nhảy tuy có ngồi với Xuân, người vũ nữ quen biết. Nhưng Hãn cũng chẳng buồn nói chuyện nhiều. Chàng chỉ đưa Xuân mấy tích-kê và bảo :

– Em cầm lấy mấy miếng giấy này, ngồi đây một lúc rồi muốn đi đâu thì đi.

Tiệm nhảy không phải vào ngày đông khách nên Xuân cũng không chạy bàn. Ngồi một lát nàng bảo :

– Anh nhảy với em một bản chứ.

Hãn lắc đầu :

– Hôm nay anh không muốn cử động nhiều.

– Sao vậy anh ?

– Không, chẳng vì sao hết.

Hãn trả lời vồn vện có thể và chỉ ngồi thật lâu uống hết hai ly rượu, ăn hết đĩa đậu phộng và im lặng trong khi Xuân cũng ngồi nhăm nháp một ly cà phê đá. Hãn nghe tiếng nhạc như từ đâu tới và những hình người như ở thế giới nào. Chàng như vừa ngủ mà như ý thức là mình chưa ngủ vậy. Cả mấy giọng ca trong máy vi âm cũng như xa lạ. Ánh sáng hồng bò trên bờ tường, leo trên giàn nhạc, quần vào những hình bóng ngồi gục cạnh bàn hay trên những cặp đương ôm sát lấy nhau giống như cái lưới vô hình chụp lấy. Một tấm lưới buồn nản to lớn. Hãn nhớ cũng có lần Ngạc nói với chàng :

– Người ta chỉ tìm sự quên lãng bằng cách đi vào trong sự chán chường đến tột cùng.

Và của Lưu :

– Em cũng thấy chán nản đến tro đi trong sự ồn ào đó. Anh còn lạ gì cái nghề bán tiếng ca cho thiên hạ.

Chàng đã nghĩ thâm khi nhìn Xuân. Nó chẳng yêu gì mình, nó chỉ hành nghề một cách vô tri giác cũng như đối với những người khác khác. Vậy thì nếu mình ôm nó trong tay cũng như một súc gỗ nếu không là một sự miễn cưỡng vô bờ. “Thì cả cái thế giới ngu xuẩn này cũng đang chìm trong bầu không khí dần dần này. Lớp thanh niên ngày nay không còn biết làm gì, không còn gì để làm mới chui đầu vào những ổ lãng quên. Mà tôi cũng là một. Tôi cũng không hơn gì ai cả.

Hột lạc thối ăn phải làm Hãn nhăn mặt nhổ vọi xuống đất. Bản nhạc nổi lên vẫn là một điệu nhạc du dương, đèn tối,

ánh đỏ vương lên mặt người. Hãn đã có lúc cảm thấy chính mình là sự ngu muội, chán chường bằng xương bằng thịt.

Hãn giơ tay sờ vào cằm, những chân râu mọc tua tủa, giáp giáp dưới đầu ngón tay như những sợi cỏ dại. Chàng cầm chiếc kéo nhỏ để trên ô cửa rồi ngoẹo đầu tỉa những sợi dài. Chàng nhận thấy rằng cần phải sạch sẽ và tỉnh táo hơn, bèn vào buồng tắm dội mấy gáo nước vào người. Hãn thấy mình thông minh thêm đôi chút, những vẩn đục của tâm hồn cũng có vẻ bay đi khiến chàng nhẹ nhõm hơn. Sự khoan khoái của làn nước lạnh làm Hãn chợt nhớ tới thửa ruộng còn nhỏ chàng thường hay ra sông tắm với lũ bạn đồng tuổi. Cái dòng sông yên tĩnh bé nhỏ quê hương chàng. Hãn còn nhớ cả hình ảnh những người tát nước, cánh đồng ngô phát phát như cò lau phía

bên kia bờ sông. Hãn thấy thềm mầu thời gian xa xôi đó. Bây giờ thì không làm sao còn lại những phút như thế nữa, cái thừa mà cuộc đời người ta còn hỗn nhiên như mây trời, và sông nước là những nguồn kỷ niệm vô tận đã trôi đến nơi nào xa lắm ! Rồi thì liên tiếp hình ảnh phía xa trôi lại. Cửa ngày ấu thơ. Một vài bộ mặt ngày xưa Hãn đã từng yêu, từng quen. Một vài hình ảnh của thiên nhiên, từng khoảnh, từng khoảnh một trong đó hiện rõ bóng chàng. Cái thằng Hãn bé nhỏ đang sinh động ở đấy. Hãn hừ một tiếng :

– Mày chỉ là một thằng hèn. Những gì thuộc quá khứ mặc cho nó trôi đi, nhớ làm gì những cái gọi là tươi đẹp đáng ghét đó. Nếu mày phân bì thì đó chính là ngày hôm nay của mày không bằng ngày hôm qua. Tao thù những sự so sánh, tao thù sự có mặt của mày ngày hôm qua.

Chính vậy, tao thù cả mày vì mày đã nghĩ ra điều đó.

Hãn nhìn bóng mình bằng con mắt giận dữ, chàng vừa gờm gờm nhìn nó vừa mặc vội quần áo. Trước khi ra cửa Hãn mới nhìn thấy mấy dòng chữ của Lựu. “Con nhóc chỉ vẽ sự, lại còn thư với từ”. Chàng vò nhàu mảnh giấy ném vào xó nhà và gạt cả mấy nắm giấy trên bàn xuống đất. Nếu bây giờ tôi lại phải đọc cả những dòng chữ viết hôm qua thì đến phải đốt hết mới khỏi điên cái đầu. Rồi rất vô tình Hãn lại nghĩ tới Lựu. Có những lúc chàng thích Lựu và cũng nhiều lúc chàng thấy ghét nàng không thể tả. Dễ thường bạ ai nó cũng có thể chạy đến để ngủ với cơn động cựa nó hành hạ thúc đẩy bắt phải chạy đi như những con gà mái ghe. Chắc đâu nó yêu mình, hay nó chỉ cần sự giải quyết về sinh lý. Vậy thì

bữa nọ đi với nó, mình bảo rằng yêu nó là một chuyện vô lý hoàn toàn. Mà đã nói dối chứ gì. Hay là mà thành thực trong một lúc ấy mà thôi.

Ra đường Hãn kết luận một mình : Thật ra Lựu nó cũng còn những điểm cho mình thương được. Mình giữ nó làm một chỗ bấu, chớ mình còn biết nhờ những phút không còn biết làm gì vào thân xác nó.

Hãn định bụng ghé qua thư viện tra cứu mấy cuốn sách để viết nốt bài khảo luận cho một tờ báo mà chàng đã lấy tiền đặt từ tuần trước. Nếu không cố gắng làm bữa nay thì mình sẽ thất hẹn. Hãn tự bảo như vậy. Nhưng ra tới tiệm phở thì chàng gặp Thương.

– Sáng nay anh không ra tòa ?

Thường sửa lại cặp kính.

– À có chứ. Chốc nữa, độ này tôi cứ phải nghiên cứu những chuyện chẳng ra gì trong hồ sơ này để cải thành thử mất bao nhiêu thời giờ.

– Chuyện, thì là cái nghề của anh.

– Nhưng thật ra tôi rất chán, nếu có thể bỏ đã bỏ rồi.

Thường là luật sư tập sự. Dáng người gầy gò, cao lênh khênh. Mặt choắt chéo như một nhà sư khổ hạnh. Ở chàng cũng chứa chấp nhiều điều mâu thuẫn. Lúc nào say mê thì rất say mê mà chán nản thì cũng rất chán nản. Tuy nhiên Thường ít để lộ cái yếu điểm ấy. Hãn nói:

– Thì tụi mình hãy vào ăn phở rồi đi uống cà-phê nếu anh không bận lắm.

Thưởng nhìn đồng hồ :

– Tôi ăn rồi và chỉ có thể ngồi với anh độ nửa giờ.

Hãn quyết định không ăn phở nữa. Cả hai người kéo nhau ra một tiệm ở đường Tự Do ngồi uống cà-phê. Tiệm này trình bày lối mới, tường kính sáng sủa, có máy lạnh. Hơi mát rười rượi khác hẳn với không khí ngoài đường. Thưởng nói :

– Thế mới biết có văn minh cuộc đời người ta cũng có khác thật.

– Chả vậy mà con người xô nhau đi “làm văn minh”. Chúng ta chỉ là những kẻ thừa hưởng những cái văn minh có sẵn.

– Kể cả di hại của nó ? Hãn nhún vai :

– Có lẽ. Nhưng hiện tại mình đang có lợi vì được ngồi phòng lạnh kiểu Mỹ, uống cà-phê Ý. Chúng ta chưa phải thừa hưởng hậu quả của bom nguyên tử.

Thường di di đầu mũi giày nói sang chuyện khác, giọng xa vắng :

– Lúc này ở tiệm phở tôi gặp một người quen. Cô ấy đi với chồng, trung úy quân đội. Cậu biết Mai không nhỉ ? Mai ở đường Trương tấn Bửu. Hình như đã có lần tôi nói chuyện cô ta với cậu rồi ?

Hắn nhú mày ngẫm nghĩ một lúc :

– À à... tôi nhớ, có phải cái cô người Huế chứng 26, 27 tuổi chứ gì.

– Phải đấy, chồng cô ta chỉ khoảng hơn 20. Mới lấy nhau hồi đầu năm nay. Tôi có nhận thiệp mời hồi ấy nhưng

không đi. Cũng không hiểu tại sao. Chắc cô ta trách tôi nhiều.

– Thế vừa rồi gặp thì sao ?

– Cô ấy khẽ cúi đầu chào. Còn anh chồng thì không quen tôi, cũng không biết rằng vợ quen tôi. Vả lại cũng không trông thấy cô ấy chào tôi.

– Thế rồi ?

– Chả sao cả, một kỷ niệm đã qua. Ngày xưa quen, bây giờ gặp nhau. Một lời chào nho nhỏ. Vì một sự gặp nhau tình cờ.

Thường nói từng câu ngắn, mắt nhìn thẳng ra phía trước mặt. Đôi môi hơi mím lại. Đuôi mắt có những đường nếp vòng lên sau cặp kính trắng dày cộm. “Thì ra những con ma quá khứ đều ám ảnh hết mọi người”. Hãn nghĩ vậy. Chàng lẳng

lặng nhai chiếc bánh croissant trong khi Thưởng múc từng thìa đường cho vào tách cà phê. Hương vị thấm vào đầu lưỡi từng miếng sáng khoái.

– Cho nên cuộc đời người ta cũng như tách cà phê này. Có đắng có ngọt, mà người ta cứ thích cái vị đắng ở cà phê. Sao không có cả vị cay vị chát ở cà phê nhỉ.

Thưởng lý luận trong óc mình như thế, trong khi Hãn lắng nghe bản nhạc đĩa văng lên.

– Anh có hay đến trà thất nghe ca hát, âm nhạc ?

– Không, chỉ có một hai lần nhưng tôi không thích. Vì cái không khí giả tạo. Lũ thanh niên đi nghe thì mê muội, vô ý thức, họ hò hét lếu láo khi nào có một số đông. Tôi phát ngấy.

– Tôi thường đi tìm ở sự vô nghĩa đó một nghĩa lý. Chàng nghĩ tiếp : một nghĩa lý chẳng có nghĩa gì cả.

Thường không nói gì. Hãn bồng hỏi :

– Hồi này anh vẫn đến trường đua đấy chứ ?

– Vãn.

– Và vẫn thua ?

Thường đáp :

– Tôi cũng tìm trong sự đánh cá ngựa một cảm xúc. Ngoài ra tôi còn thêm một cái mộng nữa. Là khi nào được một khoản tiền khá tôi sẽ từ bỏ nghề của tôi nằm nhà một thời gian đọc sách, viết lách, không bao giờ nó có thể hoàn thành cái mộng nhỏ mọn đó được, bởi lẽ không bao giờ...

Hãn nhìn Thuởng:

– Nếu khi nào anh được thì cũng chỉ đủ bù vào số tiền anh thua và số tiền anh có thể nợ. Tôi chắc thế.

– Người ta thường sống bằng hy vọng, vì người ta đều hèn mọn cả.

– Sao anh không mua một vé số ?

– Có chứ, nhưng xổ số chỉ là một may rủi thụ động. Người ta biết tin qua một tờ báo. Còn đánh cá ngựa thì tôi hành động. Có sự hồi hộp hơn trong đó. Tôi đã nói là vấn đề cảm giác như khi anh chơi bạc.

– Có lẽ vậy. Tôi đã từng đánh bạc một thời và đã từng thua đến trắng tay. Tôi cũng thua nhiều canh bạc của cuộc đời. Cho đến bây giờ đời mình cũng vẫn là canh bạc. Để thử thời vận, thỉnh thoảng

tôi cũng mua xổ số nhưng chưa bao giờ trúng nổi một trăm đồng.

– À thiên hạ bây giờ đều sống từng tuần một. Họ chờ ngày thứ sáu là ngày mở số. Thật đáng buồn vì chúng mình cũng trong đám người đó.

– Phải đáng buồn như anh với tôi, như mọi thứ dang dở của chúng ta, những gì mình chưa đạt tới, với tôi dù là nhỏ mọn.

Thưởng xem đồng hồ, đứng dậy :

– Thôi tôi phải đi trước. Cậu ngồi đây nhé.

Chàng bắt tay bạn rồi xách cặp bước ra.

Hắn nhìn dáng người bạn gầy gò đứng trên bờ hè chờ chiếc taxi đi qua :

«Hắn cũng khổ nhiều với đàn bà». Chàng nhớ lại vài cuộc tình duyên mà chàng biết loáng thoáng về cuộc đời Thuởng. Chẳng hạn trước kia với Mai thì Thuởng là giáo sư dạy riêng cho nàng. Ông thân sinh ra Mai là một nhà nho lỗi thời hay đánh cờ với Thuởng. Chàng này hay lui tới nhà Mai vào những buổi chiều tối. Có khi lại ăn cơm ở đấy.

Chắc hẳn chàng và nàng cũng lưu luyến với nhau. Một lần Ngạc đã hỏi Thuởng :

– Sao anh không lấy quách cô đó có hay không ?

Thuởng trả lời :

– Nhiều khi vì quen nhau quá nên không thể gần nhau hơn được nữa.

Rồi về sau bận công việc hay vì một

lý nào khác Thường không tới nhà Mai nữa. Nói về Thường, có một lần Bản cũng bảo :

– Thằng ấy nó thất tình ghê gớm lắm, tôi biết, trước cu cậu có một ý trung nhân đẹp ra phết. Sau nàng sang Pháp nói là học xong cái nghề bào chế gì đó. Chàng thì ở lại nước nhà hoạt động chính trị một thời gian và chờ nàng. Có một điều đáng buồn là nàng sang Pháp lại yêu một chàng khác du học đương theo ban y khoa. Rồi họ cưới nhau bên đó không báo gì cho Thường biết cả. Đến khi hai vợ chồng người kia về nước thì Thường nó mới hay tin. Nhưng người xưa đã ôm cầm thuyền khác rồi. Kể ra Thường hắn cũng gan lì, không một lời nói năng gì, hắn về đốt cả những lá thư của quá khứ. Hắn làm việc để quên, chắc về sau cậu cũng bị cafard (buồn) làm sao đó nên

mới chơi cá ngựa đấy chứ.

Ngạc bảo :

– Tôi không tin là Thuởng có thể xuống dốc nhanh như vậy được, trường hợp ấy tôi hy vọng chỉ là nhất thời. Hãn sẽ có thể quên. Tốt nhất là hãn sẽ yêu một người khác.

Chàng chợt hỏi :

– Mà câu chuyện chắc mới xảy ra ?

– Thì hãn nhiên. Cặp vợ chồng ấy hiện thời ở đây, người chồng có một bệnh viện tư, người vợ mở một nhà thuốc. Thật vui vẻ để huê trong việc hốt tiền.

Hãn :

– Cũng hay một cái là Thuởng nó không bao giờ tâm sự với mình những điều đó.

Bản :

– Thì đúng cái “típ” gan lì mà lại. Đau khổ một mình. Cho nên mình chỉ còn căn cứ trên những hành động của hắn mà xét một phần nào tâm trạng. Tôi biết câu chuyện đó do một sự tình cờ. Có người trước kia biết mối tình của nàng và chàng. Và người đó lại dự đám cưới của nàng với người kia.

Ngạc hỏi : – Ai vậy ?

Bản : – Kim Liên, một người của Hà Nội cũ.

– Liên nào nhỉ ? Có phải Liên bán hàng sách ở đầu phố Huế Hà Nội đấy không ?

– Chính vậy.

– Nếu thế năm nay cô ấy phải đến

non ba mươi tuổi rồi. Ngạc nói. Chàng hỏi thêm : – Vậy cô ấy đã có chồng chưa ?

Bản nhún vai : – Chưa. Thêm một sự đáng buồn.

Ngạc : – Tôi nhớ hình ảnh cô đó hồi ở Hà Nội. Lúc ấy chừng 20 tuổi. Kim Liên là nhan sắc mà tôi mơ ước hồi còn đi học. Tất nhiên khi ấy mình cũng còn mê nhiều cô khác, nhất là cái tuổi mười chín, hai mươi đang nhiều tưởng tượng và mê say. Tôi đi học thường thường hay đi qua phố Huế dán mũi vào tủ kính giả vờ nhìn sách nhưng kỳ thật là nhìn cô ta. Lúc bấy giờ Liên thật dễ yêu. Khuôn mặt bầu bầu, lại hay ngồi ở sau quầy trả tiền rất nghiêm trang. Vì thế không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện viết một lá thư tỏ tình hay tán tỉnh Liên hết. Hồi ấy tôi biết cũng khối chàng giống cây si, rấp ranh

bắn sẻ. Thỉnh thoảng tôi cũng ghé vào tiệm mua mấy cuốn sách học để được tới gần kết trả tiền và nhìn nàng rõ hơn.

– Vậy mà bây giờ Kim Liên chỉ là một nhan sắc phai tàn. Sao cậu không đến mà an ủi nàng, Ngạc ? Hãn nói.

Ngạc trả lời :

– Tôi sợ những điều ấy. Hình ảnh xưa không phải là của bây giờ Hôm nào tôi sẽ đi với Bản đến thăm cô ta. Nhưng chắc là chuyện yêu đương không thể có nữa. Vì con người mình bây giờ cũng đổi khác. Tôi biết là không bao giờ tôi còn có thể tin ở tôi sự hồn nhiên của những năm trước đây. Nếu có nghĩ lại, mình chỉ có thể tiếc làm sao trước kia Liên không quen với tôi ngay. Biết đâu ngày ấy hai đứa có thể yêu nhau tha thiết được. Còn bây giờ... Ngạc ngập ngừng...

bây giờ thì mình cũng là một con người khác, cô ta cũng là một con người khác. Tôi e rằng mình sẽ phải đối trá với mình khi mà chính mình không còn là mình trước kia.

Hãn : – Vậy thì cô Kim Liên đó là người đáng thương, nên an ủi. Sao Bản lại không có thể làm điều đó vì cậu quen cô ta.

– Nói là quen thân cũng không đúng, tôi có nói chuyện một vài lần sau buổi gặp gỡ ở một cuộc khiêu vũ gia đình. Bây giờ cô ấy làm chân thu ngân cho một hiệu thuốc.

Hãn : – Trở lại câu chuyện cũ. Thường có quen cô ấy ?

– Tôi không chắc. Kim Liên chỉ là bạn của Hà, người yêu cũ của Thường.

Hãn nghĩ thầm : Thế sao Thuởng nó không là người tình của Kim Liên thì có phải mọi việc đều ổn thỏa cả.

Hãn uống hết ly cà-phê. Trả tiền xong chàng đẩy cửa kính bước ra. Phía ngoài không khí nóng hực so với lúc chàng ngồi trong phòng lạnh. Chàng chậm rãi đi bộ ra thư viện và nghĩ : cứ khi nào người đàn bà dính vào cuộc đời người đàn ông đều bị thay đổi. Bước thêm một đoạn đường nữa : Mà không có họ thì cuộc đời mình cũng lại không ra cái gì.

DUY THANH

(Trích NHỮNG KẺ ĐỘC HÀNH)

Áo lụa Hà đông

Nắng Sài-gòn anh đi mà chợt mát

Bởi vì em mặc áo lụa Hà-đông

Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng

*Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa
trắng*

Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngắn

Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh

Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung

Bày vội vã vào trong hồn mở cửa

*Gặp một bữa anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm
hồn*

*Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngất ngây thành chất
rượu*

*Em không nói đã nghe lòng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung
tình*

Với tay trắng em vào thơ diễm tuyệt

Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết

*Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì
đâu*

Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau

Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại

Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại

Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời

Em đi rồi, sám hối chạy trên môi

*Những ngày tháng trên vai buồn
bỗng nặng*

Em ở đâu, hồi mùa thu tóc ngắn

Giữ hộ anh màu áo lụa Hà-đông

Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng

Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng.

NGUYỄN SA

Tháng 3-1960

Duyên kim cổ

Gửi V. H. Chương

*Đêm sương xanh tịch mịch,
Đèn lả, bóng phai phai...,
Hương thơm vờn phảng phất,
Vườn lụa ánh trăng cài !*

*Hoa Thần ôi yếu điệu,
Tay ngọt như suối đàn,
Tóc ươm huyền dịu dịu,*

*Dâng ngát hồn phong lan,
Hoa cười, trắng hóa bướm
Loáng thoáng đậu song the.
Đây đôi mùa hoang rợ,
Chung khói dệt đêm hòe.*

*Hồn nhịp theo khóm trúc
Say chệnh choáng Hoa-Thần...
Hương nhài đầu sục nước
Chợt tỉnh: nửa giường trắng !*

Nguyễn Duy Diễn

Còn lại

Bước rất nhẹ như mây mềm dưới gót

E nắng buồn làm rối tóc mưa ngâu

Em tìm anh nước uốn nhịp ven cầu

Năm tháng cũ rợn tình xưa tỉnh thức

Em vẫn bé, anh vẫn còn ngây ngất

*Màu áo hường còn gợn sóng âm
thanh*

*Mắt thuyền qua, nên nón vẫn ng-
hiêng vành*

*Chân cuống quýt nên guốc ròn gõ
của*

Anh mở vội cả nghìn lần hôn hở

Cho hồn nhiên mắc cỡ với hoài nghi

Em cúi đầu và lặng lẽ bước đi

Từ hôm ấy cửa nhà anh bỏ ngõ

Bước rất nhẹ như hường qua sắc đỏ

Như màu trời len lén bước vào xanh

Như thời gian vò nát lá thư tình

Bước rất nhẹ như vẫn còn đứng lại

Bước rất nhẹ như mùa thu con gái

Như bàn tay khẽ hái tiếng đàn tranh

Như chưa lần nào em nói : yêu anh

*Như mãi mãi anh còn nguyên thương
nhớ*

Bước nhè nhẹ như bóp mềm hơi thở

*Như ngập ngừng chưa nỡ xé chiêm
bao*

Em có về ăn cưới những vì sao ?

*Để chân bước trên giòng sông loáng
bạc.*

Ở một chỗ tưởng chừng như đi lạc

*Yêu một người mà cảm thấy mênh
mông*

Em đi ngang nhịp bước có lạnh lòng

Mà sao vẫn y nguyên bài thơ cũ ?

*Vẫn lặng lẽ để anh nghe vừa đủ
Vẫn thờ ơ cho rủ hết màn the
Vẫn mỉm cười rồi vẫn lấy tay che
Cho cặp mắt bỗng nhiên mười sáu
tuổi*

*Tay vụng quá nên thư không viết nổi
Mực trong bình như cầm thạch ngân
ngơ*

*Giấy trắng tinh đem bóc nhẹ từng
tờ !*

*Tàu bay giấy ngượng ngùng bay ra
cửa !*

*Em nguyên vẹn là bài thơ bé nhỏ
Anh còn nguyên là một kẻ yêu em
Em đi ngang xin ráng bước cho êm
Đừng đánh thức thời gian đang ngủ
kỹ*

*Đừng đẹp quá để anh đừng rồi chỉ
Lấy gì đây khâu vá lại tình xưa
Có đi ngang thì chọn lúc bất ngờ
Đừng nói trước để anh buồn vơ vẩn*

*Có đi qua xin em đừng đánh phẩn
Tóc buông rèm lứa tuổi thích ô-mai
Mắt vương tơ của những phút học
bài*

*Tay khéo khéo khi đánh chuyền với
bạn*

*Em giấu đi những nỗi lòng vỡ rạn
Anh cũng thể giấu hết gió mưa đi
Bao nhiêu ánh đèn rũ rượi tái tê
Những ngõ vắng tối tăm anh giấu
hết.*

HOÀNG ANH TUẤN

NGƯỜI LÊN MẶT TRẦN

ALBERTO MORAVIA

ALBERTO MORAVIA được kể là một nhà văn xuất sắc nhất hiện nay của Ý quốc. Phần lớn các tác phẩm của ông đã viết đều là những truyện ngắn, diễn tả nhiều nhất về cuộc sống xô bồ, hỗn loạn của những con người sống ngọt ngào ở châu thành.

Truyện ngắn *The English Officer* của Alberto Moravia sẽ giới thiệu với bạn đọc lối phân tách tâm lý sắc bén của nhà văn Moravia. Phê bình tác phẩm của ông, tờ *New York Herald Tribune* đã phải viết :

“Truyện ngắn của ông sắc bén như những viên kim cương sắc cạnh.”

Hiện nay, Alberto Moravia là Chủ tịch Hội Văn Bút Quốc Tế P.E.N.

Nàng dừng lại trước cửa hiệu, để liếc mắt nhìn lại xem chiếc xe có đi theo nàng hay đã rẽ sang một phố nào khác mất rồi. Đó là một chiếc xe hơi nhỏ, sơn màu xám nhà binh, mang nhiều vết bùn nâu, với một chàng sĩ quan ngồi cầm lái. Khi đi ngang qua cửa hiệu, chiếc xe chạy chậm đến nỗi như gần ngừng lại. Nàng tự hỏi nếu nàng được mời, nàng có chịu lên ngồi xe không, và nàng quyết định rằng không. Chắc chắn rằng không ở trong cái phố nhỏ có nhiều cửa hàng bán mũ và hiệu may y phục đàn bà mà nàng được người ta quen biết hơi nhiều này. Nàng quay lưng về phía chiếc xe, và nhìn chăm chú vào một chiếc khăn choàng thật đẹp bày trong tủ kính. Cách đây mấy hôm, nàng đã vào hỏi giá chiếc khăn

choàng ấy, sau nhiều phút đứng ngẫm nó một cách say mê. Nàng nghe tiếng bánh xe nghiêng nhẹ trên mặt đường, sau lưng nàng, rồi đi xa dần. Hoàn toàn chú ý nhìn vào chiếc khăn mà nàng đang thêm muốn, nàng khẽ nhún vai như muốn nói : “Vĩnh biệt anh”. Nhưng khi sức nhớ đến cái tình trạng tài chính đang vô cùng bi đát của mình, những ý nghĩ của nàng lại trở về với chiếc xe, chiếc xe mà nàng đã tổng khứ đi với một vẻ lạnh nhạt làm cao thật là đáng tiếc. Chính là vì chiếc khăn choàng này mà hồi nãy nàng đã khuyến khích chàng sĩ quan ngồi trong chiếc xe kia bằng hai hoặc ba nụ cười ngụ nhiều ý nghĩa của nàng. Hơn nữa, buổi sáng nay, lúc trang điểm để đi ra khỏi nhà, hình như nàng đã mơ màng hy vọng rằng nàng sẽ gặp một người nào có thể mua cho nàng chiếc khăn choàng ấy. Những sự mâu thuẫn rõ rệt giữa ý muốn và cá

tính ấy của nàng càng làm cho nàng bức tức. Tại sao nàng lại không có thể sống một cách dễ dãi hơn được Một khi đã tự ý bước chân vào nghề này, nàng còn giữ mãi cái tính kênh kiệu làm gì cho mất thì giờ.

Chán nản, nàng thôi không nhìn chiếc khăn choàng nữa. Liếc mắt nhìn sang bên cạnh, nơi bày những mẫu hàng thêu, nàng thấy khuôn mặt của nàng phản chiếu trên tấm gương nhỏ. Gió sớm đã làm cho mái tóc dài của nàng xõa ra, nhiều sợi tóc vương qua trán, xuống gần đôi mắt tình tứ luôn luôn mở rộng của nàng. Cái lạnh rét buốt của mùa đông giá đã làm cho da mặt của nàng khô cóng lại dưới làn phấn hồng, nàng tưởng màu da mặt nàng trắng bệch như một tờ giấy cứng. Nhưng ngược lại, đôi môi nàng lại có vẻ đầy hơn và đỏ hơn.

Nàng để đầu trần, nàng khoác một chiếc áo dạ choàng ngoài màu nâu hạt dẻ, cổ áo dựng lên, chiếc dây lưng thắt chặt làm cho thân hình nàng vẫn giữ nguyên vẻ cân đối. Nàng nghĩ rằng, dù sao đi nữa, nàng cũng không có một vẻ gì có thể kể là giống những cô gái lòe loẹt vẫn thường khoác tay đi trong phố với những người lính ngoại quốc. Nghĩ thế, nàng lại thấy tự kiêu, và lại muốn giữ gìn làm sao để khỏi bị quyến rũ vì những cuộc gặp gỡ dễ dàng trên đường phố. Tâm hồn đã bình tĩnh lại, nàng mỉm cười với bóng và giơ tay vuốt lại mấy sợi tóc lòa xòa.

Dãy phố nhỏ nàng đang đứng dẫn lên một cái dốc khá cao. Trên đầu dốc có một công viên nhỏ. Một ngọn tháp kỷ niệm được dựng giữa công viên. Đứng trên công viên ấy, du khách có thể trông thấy được một phần đô thị nằm ở dưới.

Nàng rời khỏi tủ kính, nhìn về phía đầu phố, và thấy chiếc xe hơi màu xám đã đậu dưới ngọn tháp. Chàng sĩ quan trong xe chắc đang nhìn về phía nàng, nếu nàng không đi về phía công viên chắc chàng ta sẽ quanh xe vòng chân tháp để trở lại đi theo nàng. “Anh chàng đang đợi mình, thế nào anh chàng cũng mua cho mình chiếc khăn...” Nàng sung sướng nghĩ thầm... Thế rồi, không suy nghĩ gì hơn nữa, nàng đường hoàng đẩy cửa bước vào trong hiệu để dặn người bán hàng giữ chiếc khăn choàng lại cho nàng, đến mai nàng sẽ tới lấy. Khi bước ra khỏi hiệu, nàng đi thẳng về phía công viên.

Nhưng trên con đường ngắn ấy, nàng lại chợt nhớ đến cái quyết định giữ gìn của nàng, trong vài phút về trước. Và nàng lại bậm môi cau giận với chính nàng. Tuy vậy, nàng vẫn bước tới chứ

không quay lại. Nàng tự bào chữa rằng dù sao đi nữa, chân chữ cũng không ích lợi gì cả. Thế nào rồi chàng sĩ quan nọ cũng làm quen được với nàng. Nàng tự hứa là tới công viên nàng sẽ đi thẳng không thèm nhìn chiếc xe, và khi chàng gạ chuyện, nàng sẽ sắp sẵn một vài câu trả lời thật là đặc biệt để cho chàng ta thấm thía sự lương thiện của nàng.

Khi nàng tới công viên, nàng cúi mặt nhìn xuống đếm từng bước trên mặt hè. Nàng đi qua chiếc xe, đến đứng gần bên bức tường vườn hoa nhìn xuống tỉnh. Nàng biết chắc rằng nàng chỉ cần đứng một mình ở đây, thế nào chàng sĩ quan nọ cũng cho đó là một hành động mời mọc và sẽ lại gần nàng. Từ việc được một người lạ bắt chuyện trước... đến việc làm nghề kia, nàng thấy có một khoảng cách biệt khá xa.

Y như nàng đã tính trước, chàng sĩ quan đến gần và đứng dựa tay lên thành tường gần chỗ nàng. Nàng liếc mắt nhìn chàng. Có lẽ chàng hãy còn trẻ lắm, trẻ hơn cả nàng nữa. Mặt chẳng tròn, mắt chàng xanh. Hai tay đặt trên thành tường chàng nhìn đăm đăm xuống những mảnh nóc nhà, đường phố dưới kia, nhìn một cách chăm chú y như là nhìn một kỳ quan của thế giới. Nàng quay hẳn mặt lại để nhìn chàng, không còn ngượng ngùng gì cả, hy vọng rằng nếu mắt họ gặp nhau, sự đụng chạm ấy sẽ phát ra tiếng nói. Nhưng người sĩ quan trẻ tuổi vẫn cứ ngây ra thôi. Vài phút qua, mỗi phút nàng lại càng thêm giận đối với chính nàng, vì nàng đã tỏ ra muốn được bắt chuyện một cách trắng trợn quá, mà vẫn không có kết quả gì. Giai đoạn đầu tiên của những cuộc gặp gỡ như thế này bao giờ cũng làm cho nàng khó chịu, và

tiếng mở đầu câu chuyện của người đàn ông thường làm cho nàng giật mình. Nhưng lần này, nàng cảm thấy rằng nếu nàng không chịu bước đi bước đầu tiên, thì sau đó, chắc chắn sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Bực tức, đôi mắt mở rộng ra nhìn bộ mặt lạnh lùng, bất động của chàng trẻ tuổi, nàng thốt ra một câu cụt ngủn :

– Đẹp đấy nhỉ...?

Chàng sĩ quan quay lại ngay, và chàng vội vàng trả lời bằng một giọng sốt sắng :

– Vâng ạ, đẹp lắm ! Đẹp lắm !

Giọng nói của chàng hiền lành, dễ thương. Và một lần nữa, chàng ta lại im lặng. Nàng nghĩ thầm : “Nhất định mình sẽ không nói gì thêm với hắn ta nữa. Mình chỉ đứng đây thêm một phút nữa thôi...”

Người sĩ quan trẻ tuổi cố gắng chiến thắng sự ngượng nghịu của chàng. Sau cùng chàng ta chỉ tay về phía chiếc xe :

– Chúng mình vào xe đi chứ .. ?

Sau câu nói nhạt nhẽo ấy, người thiếu phụ có cảm giác như là hai chân nàng có thể tự động đi thẳng về phía chiếc xe mà không cần gì đến sự định đoạt của nàng hết. Cơn giận của nàng lại nổi lên :

– Chúng mình đi đâu ?

Nàng nhìn thẳng vào mặt chàng, một nụ cười vô duyên nở trên môi.

Chàng sĩ quan trả lời bằng một giọng thành thật :

– Đi đến chỗ nào để được gần nhau.

– Gần nhau để làm gì ?

Bây giờ, nàng có cảm giác rằng nàng đích thật là một thiếu phụ tử tế bị một người đàn ông lạ mặt bắt chuyện giữa đường với những ý định bất chính. Chàng trẻ tuổi có vẻ bối rối :

– Để trò chuyện một lúc – và chàng tiếp bằng một giọng lịch sự : Chúng ta có thể vào một quán cà phê.

– Tôi không bao giờ vào quán cà phê cả.

– Tại sao vậy ạ?

Nàng đáp dần từng tiếng một, với một nụ cười biểu tỏ rõ ràng sự lương thiện của nàng :

– Bởi vì... tôi không quen vào những tiệm cà phê.

– Ô... thế thì... hay là chúng ta đi chơi mát một vòng vậy.

Chàng lại chỉ tay vào chiếc xe màu xám, nàng lắc đầu :

– Tôi cũng không quen đi chơi mát với những người mà tôi không quen...

Nàng thấy chàng đỏ bừng mặt lên :

– Tên tôi là Bruce..., Gilbert Bruce... Còn cô...?

– Tôi không có tên để cho ông biết.

Nói xong, nàng giật mình vì câu trả lời quá độc của nàng. Hai người lại đứng yên lặng bên nhau. Một lát...

– Cô hiểu lắm tôi... Cô có biết tôi muốn gì đâu...?

Nàng ngừng lên nhìn chàng :

– Tôi biết lắm chứ, sao tôi lại không biết... Ông muốn tiêu khiển với tôi trong một vài giờ chứ gì...? Có phải không ?

Chàng không trả lời, nhưng nàng nhận thấy chàng lại đỏ mặt.

– Và tôi còn biết rằng... Ông muốn trả tôi bao nhiêu tiền nữa kia... Một hay hai ngàn đồng Lire...! Có khi hơn nữa. Tôi nói có đúng không?

Chàng sĩ quan gượng gạo nói đùa :

– Sao cô biết đúng giá quá thế...

Như ngượng thêm vì câu nói đùa của mình, chàng rụt rè đưa tay ra để bắt tay từ biệt nàng :

– Tôi nhầm. Xin cô tha lỗi cho.

Nàng thấy rằng chàng muốn bỏ đi, và đột nhiên, nàng cảm thấy sợ hãi. Vội vàng, nàng giơ tay cho chàng bắt, nhưng giữ tay chàng lại :

– Không... ông không nhầm đâu.

– Cô nói chi ?

– Tôi chính là hạng gái đó đấy, ông ạ.

Một lần nữa nàng lại thấy chàng đỏ bừng mặt :

– Vậy thì... chúng ta đi chứ ?

– Đi...

Hai người bước về phía chiếc xe. Chàng mở cửa cho nàng, đỡ nàng ngồi vào – Sau đó, chàng vào ngồi bên nàng, và mở máy :

– Chúng mình đi đâu ?

Nàng khẽ đáp :

– Đi về nhà em...! Cứ đi đi, em sẽ chỉ cho anh đường...

✱

– Đường này... rẽ bên phải... bên trái...

Những dãy phố chật hẹp nối tiếp nhau trên những ngã tư đường. Chiếc xe chạy chậm hẳn lại mỗi lần chàng sĩ quan cảm thấy người thiếu phụ sắp sửa nói. Sau cùng chiếc xe dừng lại trước một cái hàng rào sắt có nhiều dây leo bao phủ. Mảnh vườn con, có vẻ rậm rạp và chật hẹp, bao quanh một chiếc vi-la có lầu, tường với màu nâu u ám. Mặt tiền lầu có bốn chiếc cửa sổ sơn xanh... Toàn diện căn nhà ẩn hiện một vẻ nghèo nàn và cô quạnh.

– Anh có thể cho xe vào trong vườn...

Hai người bước lên mấy bậc hiên, nàng chỉ chiếc xe đầy bụi bặm :

- Anh từ mặt trận về ?
- Vâng...!
- Có đánh nhau dữ không ạ ?
- Có chứ, đánh nhau dữ lắm !

Chàng trả lời, giọng có vẻ chán nản.

Nàng lấy chìa khóa trong sắc tay, mở cửa, và bước vào. Người sĩ quan bước vào theo, chàng lột chiếc mũ dạ trên đầu xuống cầm tay. Họ đang đứng trước một chiếc cầu thang lạnh lẽo, cũ kỹ :

– Em ở một mình dưới nhà. Ở trên lầu là chủ khác ! Nàng vira khẽ nói vừa nhẹ mở cửa bước vào phòng, chàng đi theo, yên lặng.

Tường phòng nàng cũng sơn một màu xám chết, giống như mầu tường cầu thang. Đó là phòng khách của nàng.

Đồ đạc chỉ có một chiếc đi-văng, và hai chiếc ghế bành, kê bên một chiếc bàn tròn bằng sắt mạ kền. Trong góc phòng, chiếc ra-đi-ô cũ được kê trên một cái ghế đầu. Chàng cởi áo dạ treo lên mắc.

– Ngồi nghỉ đi anh...

Chàng ngồi xuống đi-văng, và nhân lúc hai người gần nhau, chàng định nắm lấy tay nàng, nhưng nàng gỡ ra :

– Đừng... lát nữa... lát nữa...

Nàng đến phía cuối phòng, nhắc chiếc máy điện thoại dùng để gọi trong nhà đưa lên tai. Từ đầu dây bên kia, nàng nghe thấy ngay giọng nói hỗn hển, mệt nhọc của mẹ nàng, và câu hỏi thường lệ là nàng đã về chưa.

– Lẽ cố nhiên là con phải về rồi, thì con mới kêu lên má được chứ ? Con có

khách, đừng để cho con bé xuống. Lát nữa con lên....

Nàng bắt đầu thắc mắc về vấn đề không biết có nên dứt khoát về chuyện tiền nong với chàng sĩ quan này hay không ? Lần này, nhất định ta sẽ không chịu nhận tiền... Lần đầu tiên nàng đưa một chàng binh sĩ về nhà, nàng đã hoàn toàn không nghĩ gì đến tiền bạc cả. Và khi ra đi, người đó đưa tiền cho nàng, với một vẻ thản nhiên và coi thường, nàng đã nhận. Sau đó, khi cầm mấy tờ giấy bạc bỏ vào sách, nàng đã thể đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Nhưng vì những nguyên do gì mà nàng không thể hiểu lần thứ hai đã xảy ra, rồi lần thứ ba, và lần thứ tư. Lần nào nàng cũng xấu hổ, cũng thẹn thùng... Đến bây giờ, vấn đề lấy tiền hay không lại đến với nàng. Thật tình, nàng không cảm thấy

yêu thích chàng sĩ quan này hơn những người khác là bao nhiêu, nhưng vì chàng trẻ quá... Chàng còn gầy như là một gã thiếu niên mới lớn. Với điệu độ ngượng ngập, với lời lẽ ôn tồn, lễ phép của chàng, nàng đoán rằng chàng chỉ là một sinh viên trước khi lên đường ra mặt trận, gia đình chàng là một gia đình gia giáo, và chưa chắc chàng đã được biết một người đàn bà nào khác trước nàng. Nàng mở cửa phòng bước vào một căn bếp nhỏ lấy chai rượu và hai cái ly đặt lên khay, nàng trở ra phòng khách.

Nàng ngồi xuống bên chàng :

– Rượu Ăng-lê đây anh ạ. Có ngon không anh ?

– Ngon lắm...

Chàng móc túi lấy điếu thuốc lá và

mời nàng. Hai người yên lặng ngồi hút thuốc, mỗi người có một ly rượu trên tay. Người thiếu phụ đã cởi chiếc áo da khoác ngoài, nàng chỉ còn mặc chiếc áo len dệt mỏng. nên nàng rùng mình vì cái lạnh lẽo của gian phòng :

– Lạnh quá..

– Vâng... lạnh, thật là lạnh...

– Người Anh các anh chịu lạnh giỏi hơn người Ý chúng tôi. Ở nước Anh, tôi nghe nói suốt năm, lúc nào cũng lạnh...

– Vâng, mùa đông năm nay nước tôi lại còn lạnh hơn nữa. Ngay cả ở Luân Đôn dân chúng cũng không có than để sưởi.

– Tại sao thế ạ ?

– Tại quân đội cần nhiều than. Bao

nhiều than đều phải dùng để chạy máy, chạy tàu...

– Bên nước anh, dân chúng tích cực phục vụ chiến tranh lắm thì phải. Tất cả mọi người đều làm việc cho chiến tranh – Cả đàn bà nữa có phải không ạ ?

– Vâng, em nói đúng. Ở nước tôi, tất cả mọi người đều làm việc cho chiến tranh, kể cả đàn bà nữa.

Chàng quay lại chăm chú nhìn nàng. Đôi mắt chàng xanh lên trong bóng tối mờ mờ của căn phòng. Nàng nghĩ thầm : “Hắn ta sắp sửa hôn mình đây”.... Tự nhiên, môi nàng bặm lại vì ghê tởm. Nàng đã có chồng, và có một đứa con, và đã có nhiều người tình... Nhưng mỗi lần có một đôi môi lạ đến gần nàng, da nàng vẫn sồn lên vì kinh dị như một nàng trinh nữ. Chàng chỉ buông cốc rượu xuống

bàn và nắm lấy tay nàng, thấy chiếc nhẫn cưới của nàng, chàng hỏi :

– Em có chồng chưa... ?

– Có...

– Thế chồng em đâu ?

Nàng ngần ngừ. Có gì bắt buộc nàng phải nói sự thật không ?

Sự thật là nàng chỉ bị chồng bỏ, nhưng vẫn gửi tiền cấp dưỡng cho mẹ con nàng đủ sống. Trước đây không hiểu tại sao nàng lại nảy ra ý-định trả lời rằng chồng nàng là một tù binh. Nàng thấy ngay rằng câu trả lời ấy cứu vãn được một phần nào giá trị của nàng. Và nàng trả lời :

– Chồng em bị bắt, anh hiện ở một trại tù binh...

Chàng vẫn nhìn đắm đắm vào mặt nàng như trước, nhưng trong đôi mắt xanh của chàng, nàng thấy thoáng hiện một ánh thương cảm.

– Em sống có một mình. Trước kia chồng em đi làm, em cũng có cửa. Nhưng bây giờ thì em hết nhẫn rồi...

Nàng tưởng như đó là sự thật, mặc dầu nàng biết chắc chắn rằng nàng đang nói dối. Sự tưởng tượng đó làm cho nàng rung động, y như kẻ vừa thổ lộ một sự thật đau buồn :

– Còn anh, anh có vợ chưa ?

– Tôi chỉ mới hứa hôn thôi.

Chàng thò tay vào túi áo ngực lấy ra một chiếc ví da. Chàng mở ví lấy đưa cho nàng tấm ảnh một người con gái không đẹp, cũng không xấu, đứng bên một

chiếc xe máy trước một bức tường đầy hoa leo.

– Đẹp lắm...

– Vâng, khá đẹp... Chàng vừa đáp, vừa bỏ tấm ảnh vào trong ví. Đột nhiên nàng sợ rằng tấm ảnh đó sẽ làm cho chàng xa nàng. Nàng lại mong muốn cái hôn mà hồi nãy nàng vừa ghê tởm. Bây giờ, chính nàng lại nắm chặt lấy tay chàng :

– Chúng mình chỉ mới gặp nhau có chưa đầy một tiếng đồng hồ, mà hình như chúng ta đã biết nhau từ rất lâu rồi vậy. Anh có thấy như thế không...?

... Trong căn phòng vắng lạnh như không có người ở từ lâu của nàng, một làn bụi mỏng phủ lên mặt chiếc bàn ngủ nhỏ. Không biết nói gì hơn nữa, nàng hỏi chàng như một cô gái ngây thơ :

– Anh thấy em thế nào, anh ?

Vừa hỏi dứt lời, nàng lại hối tiếc vì sợ rằng chàng sẽ trả lời bằng một câu thông thường hay thô lỗ làm nàng buồn. Sau cùng, chàng nói bằng một giọng cảm động :

– Tôi thấy rằng... em... em rất đẹp !

... Sau đó một cảm giác êm đềm đến với nàng. Bàn tay chàng êm êm, nhẹ nhẹ vuốt trên mái tóc nàng. Nàng muốn thôi không nghĩ nữa nhưng những cảnh thật đẹp vẫn cứ hiện ra trong óc nàng – chàng và nàng yêu nhau. Họ làm lễ thành hôn trong một ngôi nhà thờ xinh xắn, như ngôi nhà thờ đá trắng mà nàng đã thấy ở Milan, trong một buổi sáng đầy nắng vàng. Rồi chàng đưa nàng về Anh quốc thăm cha mẹ chàng...

. . . Khi nàng tỉnh dậy, bóng tối đã tràn đầy gian phòng. Chàng đã dậy và đang đứng bận áo bên giường. Ngọn đèn trên chiếc bàn ngủ lơ mờ soi trên cảnh bừa bộn của gian phòng.

– Tôi chờ em ở ngoài này...

Khi chàng ra khỏi phòng rồi, nàng vẫn còn nằm im trong giường. Bỗng nhiên, nàng cảm thấy sợ hãi : người sĩ quan đó có thể lảng lạng ra đi mà không để tiền lại cho nàng. Cử chỉ vội vã của anh chàng có vẻ đáng ngờ lắm. Nàng thấy ghê tởm vì sự sợ hãi bản thân của mình, cùng lúc đó, nàng hy vọng rằng chàng sẽ bỏ đi, để nàng khỏi bị bận tâm về vấn đề tiền nữa. Nàng ngồi dậy, vừa chải tóc, nàng vừa nhìn mặt nàng trong gương, đôi mắt mở to trông mới bí ối biết là chừng nào.

Đặt cây bàn chải xuống bàn phấn, nàng thấy tập giấy bạc để ở đấy. Nàng cầm vội lên đếm, số bạc nhiều hơn cả sự ước lượng của nàng. Đến lúc đó, nàng mới thật tỉnh sợ là chàng đã ra khỏi nhà không một lời từ biệt, và nàng chạy vội ra phòng khách.

Chàng ngồi trên chiếc đi-văng, ngoan ngoãn như phút chàng mới đến, một ly rượu trên tay, chiếc tẩu thuốc lá ngậm trên miệng. Khi thấy nàng, chàng đứng dậy.

– Cho em uống với... Anh ở lại đây đêm nay với em, anh nhé ? Chúng mình sẽ ăn cơm tối ở nhà, rồi đi coi hát. Em sẽ nấu Spaghetti cho anh ăn. Anh có thích ăn Spaghetti không ?

– Thích lắm chứ..., nhưng tiếc quá, tôi phải đi....

– Đừng đi... anh, ở lại..., ở lại với em.
Một đêm thôi...

– Không thể được...

– Hết rồi sao...? Anh không thể nhìn
được mắt em nữa hay sao?

Nàng mừng rỡ khi thấy chàng lắc đầu, với một vẻ ngạc nhiên hiện rõ trên nét mặt, như là chàng bị nàng kết tội giết người. Nhưng chàng chỉ nói :

– Tôi muốn ở lại lắm chứ ? Ai mà chẳng muốn ở lại. Nhưng tôi không thể...

Chàng đứng dậy. Nàng sợ hãi nắm lấy bàn tay của chàng, đưa lên môi hôn.

– Đừng đi... ! Nàng nói như van xin.
Em có cảm giác rằng nếu anh ở lại với em chỉ một đêm nay thôi..., em sẽ yêu anh mãi mãi...

– Tôi phải đi... Nhiệm vụ quân sự...
Tôi phải trở về mặt trận.

Và chàng mỉm cười, đôi mắt xanh lộ
nét buồn :

– Chỉ đến mai em sẽ lại gặp người
khác, và em sẽ quên tôi.

Nàng lặng lẽ đi theo chàng ra vườn,
môi bặm lại, đôi mắt khô mở rộng nhìn
ra trước mặt. Chàng ngồi vào chiếc xe
nhà binh màu xám, họ bắt tay nhau :

– Vĩnh biệt em...!

– Vĩnh biệt... !

Nàng đẩy cánh cổng sắt cho chiếc xe
ra. Cánh cổng nặng làm nàng gần nghẹn
thở.

Bản dịch : HOÀNG HẢI THỦY

CON MUỖI

Mặc Đỗ

Loan chợt có cảm tưởng như ai
đang chăm chú ngó mình.
Ngẩng lên, Loan nhận thấy, trên tấm
kính tủ hàng phản chiếu lại, hai con mắt
tròn và to long lanh sáng. Ngó kỹ khu-
ôn mặt: thấp thoáng một vài nét quen
quen... Loan bất giác quay hẳn người lại:
khuôn mặt quen quen đặt trên một bộ
áo chùng thâm.

Vị tu sĩ trẻ tuổi vẫn mở to đôi mắt
ngó Loan. Sau một thoáng giây tìm tòi
trong những ngăn kỷ niệm trong đầu,

Loan bỗng nói, tiếng nói thốt ra, đượm đôi chút e dè, không hẳn tin ở trí nhớ của mình:

– Anh Thiện?

Giương mặt sáng sủa với hai con mắt rất trong của vị tu sĩ trẻ tuổi bùng lên một nụ cười cởi mở. Tu sĩ nói rất từ tốn:

– Đúng là chị Loan. Khi nãy mới trông thấy chị, tôi cứ ngỡ ngỡ không tin rằng có phải là chị không. Đến khi chị cất tiếng nói thì nhất định không thể lầm được... Đã lâu lắm rồi tôi mới gặp lại chị.

Loan đã trở lại bình tĩnh và nhanh nhẩu như hồi nào, nàng vội cải chính:

– Cũng không lâu lắm. Tôi còn gặp anh một lần ở Ba-Lê, trung tâm sinh viên đường Soufflot. . .

Sau câu nói, Loan cũng vừa nhận thấy rằng xưng hô như vậy không biết có phải hay không. Loan e ngại ngó bộ áo chùng đen của vị tu sĩ đứng trước mặt, phân vân không biết xử đối ra sao với một anh bạn học cũ, khá thân, nay gặp lại bỗng thấy thay đổi nhiều quá, xa cách bởi cả một hàng rào tín ngưỡng. Nếu Loan cũng như Sương, như Hạnh, Loan sẽ dễ dàng gọi Thiện bằng Cha và xưng con rất ngon lành. Loan tự nghĩ không thể bắt chước như mấy người bạn kia: một người ngoại đạo mà xưng hô như vậy, không những thấy vô lý với chính mình, mà còn e rằng bất kính ngay cả với người đứng trước mặt. Loan cảm thấy cần phải trọng bộ áo tu hành của người bạn ngày xưa, thành ra cũng thấy không tiện cứ coi Thiện như một người bạn cũ, chẳng hạn như lần gặp ở Ba-Lê.

Dường như không nhận thấy nổi bổi rỗi của Loan vì chuyện xưng hô, vị tu sĩ trẻ tuổi tươi tắn đứng ngó Loan bằng hai con mắt sáng, rồi ông ta nói, vẫn một giọng khoan thai và ấm:

– Lần gặp chị ở đường Soufflot tôi vừa tốt nghiệp đại học. Nửa năm sau tôi bắt đầu tu đạo. Tôi được thụ phong linh mục đã hai năm nay. Về đây chưa được bốn tháng. Tính từ ngày ở Hà Nội tới nay cũng đã lâu lắm rồi đấy.

Loan ngáp ngừng đến một phút rồi mới đáp, thử dùng một cách xưng hô tạm cho là ổn:

– Tôi vẫn cho là không lâu lắm, vì tôi thấy Cha không thay đổi chút nào, chỉ trừ...

Tu sĩ cả cười, ngắt lời Loan, một tay kéo mảnh áo ở trước ngực:

– Chỉ trừ bộ áo đen này?

Rồi tu sĩ lại nói tiếp, hai con mắt ngó lên:

– Trong gia đình tôi, được Chúa gọi tới là một ơn huệ lớn lắm.

Loan nhớ có một lần gặp My ở trước của Chợ, hôm đó cả hai người đều bận rộn, vội vã, nhưng My cũng cố gọi Loan cho bằng được. Loan phải vội ghé xe vào một bên hè, không kịp ra dấu cho những xe khác khiến lắm người càu nhàu. My hốt hải tới bên cửa xe của Loan để báo một cái tin không thể không nói ra:

– Chị Loan ạ, anh Thiện được thụ phong linh mục rồi. Em đương phải tít tít đi mua sắm các thứ, sửa soạn một bữa tiệc mừng. Bạn quá, chị ạ.

Loan đường bực mình vì những lời

cầu nhàu của đám người lái xe bị xe nàng cắt ngang, đáp hai tiếng gọn:

– Thế hả?

Thật tình Loan không ý thức được nỗi vui mừng của My. Thái độ hờ hững của Loan khiến cho My có điều chứng hững.

Loan đáp lời vị tu sĩ trẻ tuổi:

– Vâng, hồi đó tôi có được My báo tin cho biết. Tôi ngu quá không biết chia sự vui mừng thế nào với My cả. (Loan cười hóm hỉnh nói tiếp): nhưng tôi vẫn đợi xem anh Thiện nghịch ngợm ngày xưa, bây giờ hóa thành nhà tu sẽ biến đổi đến thế nào. (Loan lừ đôi mắt ngó tu sĩ một lượt, rồi kết luận): Ngắm kỹ thì... Cha vẫn không thay đổi chút nào, chỉ trừ. . .

Tu sĩ nhắc lại câu nói trước:

– Chỉ trừ bộ áo đen này...

Hai người cùng cười và cảm thấy đã lấy lại được phần nào cái không khi bạn hữu ngày xưa. Tu sĩ tiếp:

– Cứ nhắc chuyện đã qua mãi, quên mất hiện tại. Tôi chưa hỏi thăm chị về gia đình. Hai cụ vẫn mạnh chứ và còn chị, những thay đổi của chị trong bao năm nay?

– Thấy tôi mất đã mất tang, bây giờ còn có Mẹ tôi, cùng ở với tôi, Mẹ tôi vẫn mạnh. Còn tôi, chỉ có một sự thay đổi là đã thành bà Khánh, thế thôi.

Tu sĩ đáp:

– Anh Khánh, tôi còn nhớ lắm.

Loan ngắt:

– Hình như cũng là bạn nghịch của anh Thiện?

Tu sĩ gật đầu, ngó xuống:

– Nhắc đến tên những bạn cũ, tôi hồi tưởng được rõ hết những kỷ niệm đã qua. Thế nào tôi cũng phải lại thăm chị và gặp lại anh Khánh. Cũng phải lại để chào cụ nữa chứ.

– Vâng. Mẹ tôi vẫn thường nhắc tới Cha, Mẹ tôi cũng biết anh Thiện đã trở thành linh mục. Cha tôi chơi chắc Mẹ tôi mừng lắm.

Tu sĩ lấy trong bọc ra một cuốn sổ nhỏ và một mẫu bút chì ghi địa chỉ của Loan, rồi cáo từ. Loan còn ngó theo vị tu sĩ trẻ tuổi dáng đi vững vàng, lanh lẹ, giữa đám đông trên đường.

✱

Ở Hà Nội, hồi cả bọn mấy người còn là học sinh trung học, mấy gia đình quây quần trong một khu phố. Hơn nữa, họ lại cùng học một trường. Gia đình bác sĩ Hoàng, ông thân của Loan, tương đối là một gia đình tân tiến hơn hết. Cả bọn đều coi nhà Loan như một nơi thường hội họp. Bà mẹ của Loan, vì yêu đám tuổi trẻ này, luôn luôn gây cho họ một không khí thân mật, đầm ấm. Khi Loan đã lớn, đã trở thành một thiếu nữ đương độ, sự giao du giữa Loan và mấy người bạn trai vẫn không hề kém hồn nhiên, thân mật. Chính Loan nhiều khi cũng tỏ ra nghịch ngợm không kém bọn con trai, tuy vẫn có thể rất thắm thiết với những bạn gái thù mị như My, em gái Thiện. Trong số bạn trai của Loan, nếu một người đứng ngoài mà quan sát và có lúc nghĩ rằng bọn tuổi trẻ này không thể cứ như thế mãi, chẳng hạn như bà mẹ của Loan,

Thiện là người tỏ ra có nhiều khả năng và hy vọng mai này trở nên cậu giai tử của nhà họ Hoàng hơn hết. Có lẽ cũng linh cảm thấy như vậy nên Thiện, tuy đã bắt đầu yêu Loan, vẫn yên lặng giữ riêng cảm tình đó cho mình, không dám phá không khí tự nhiên, cởi mở, mà cả bọn đương chung hưởng. Thiện giữ không hé bàn chuyện muốn độc chiếm. Loan với một ai, kể cả bà mẹ của Loan là người mà Thiện rất có thể gửi gắm tâm sự. Thiện kín đáo như vậy cho đến khi lên đại học được gia đình thu xếp cho xuất dương du học. Rồi sau đó, trong những thư từ Loan và Thiện thỉnh thoảng gửi cho nhau, không một dịp nào Thiện để cho tình ý tràn lấn quá các mức mà chàng đã giữ được khi còn ở gần Loan.

Có một lần, trong một bức thư Thiện viết cho My, nhân một câu hỏi thăm tin

tức Loan, Thiện có tỏ lộ đôi chút tâm sự. Ý hẳn mùa thu đó, bữa chàng ngồi bên cửa sổ viết thư cho em, lá vàng có rụng nhiều trên vai những pho tượng trong công viên. My đã tình quái mang bức thư đến cho Loan đọc, với dụng ý tỏ cho Loan rõ rằng mình đã “biết hết” rồi, Loan đừng khéo giả vờ mãi. Loan thật tình cũng chỉ biết vậy mà thôi. Nàng sẽ không chê Thiện nếu Thiện ngỏ lời, nhưng ít nhất cũng cần tìm hiểu nhau hơn nữa nếu hai người định rời bình diện bạn hữu để cùng nhau đi tìm một chân trời khác. Thời gian qua đi, Loan cũng không hề đợi, mà Thiện cũng tiếp tục im lặng mãi.

Rồi bao nhiêu biến cố xảy tới, nhóm bạn thường tụ hội ở nhà Loan tản mác mỗi người một phương. Còn lại có Khánh. Anh chàng này có một đặc điểm

là mặc dầu bao nhiêu sự đổi thay ở chung quanh vẫn luôn luôn có dịp ở gần Loan: cùng tiếp tục một môn đại học, cùng tản cư ở một nơi, cùng trở lại Hà Nội và sau hết lại tình cờ đồng ý xuất ngoại để thi nốt một bằng cấp đại học. Bấy nhiêu ngẫu nhiên kết thúc bằng sự chung sống của hai người. Bữa Loan gặp Thiện ở đường Soufflot, nàng đã đính ước với Khánh. Loan cũng quên không báo tin đó với Thiện nữa.

*

Trưa hôm đó, ngồi ăn cơm với mẹ, Loan chợt nhớ tới người bạn tu sĩ, nàng khoe với mẹ:

- Ban sáng con vừa gặp anh Thiện, mới về đây đâu được bốn tháng.
- Cậu Thiện sau thành linh mục ấy

phải không? Sao con không mời về chơi? Nhắc đến cậu ấy mẹ lại nhớ hồi ngày xưa, nhà mình đông mà vui quá, con nhỉ?

Loan cảm thấy ánh sáng chung quanh mình như bỗng lu mờ bớt, nàng đáp:

– Con có hẹn, thế nào anh ấy cũng lại chào Mẹ. Gặp lại anh Thiện con thấy mừng ghê đi, mừng được độ mười phút! Trông anh ấy không khác ngày xưa mấy. Mẹ nhỉ, ngày xưa vui bao nhiêu thì bây giờ đáng ngán bấy nhiêu . . . Thà rằng đi tu như anh Thiện, làm cách mạng rồi chết như anh Thái, anh Quang, mỗi lúc nhắc đến tên hay gặp lại còn giữ được chút kỷ niệm!

Bà cụ vội vàng đứng lên, không muốn con gái có dịp khơi nỗi buồn chưa hề nguôi. Và bà cụ bắt đầu mong người

bạn trai của con hồi xưa, với hy vọng tìm lại được một chút gì đã mất.

Khi Thiện tìm tới thăm bà mẹ Loan, thoát bước vào căn phòng khách rộng, một cảm giác trống trải, tịch mịch khiến cho Thiện muốn chùn bước lại. Thiện không thể nào ngờ được rằng sau một thời gian có thể thay đổi như vậy được. Loan hôm trước có thay đổi bao nhiêu đâu. Mà cả Thiện cũng thấy rất ít thay đổi nữa, mặc dầu bộ áo đen. Thiện cứ định ninh rằng thêm vào không khí vui tươi của gia đình bác sĩ Hoàng ngày xưa còn những tiếng ríu rít, đôi ba hình ảnh đặc biệt do sự có mặt trong nhà của đám trẻ con của Khánh và Loan. Cứ nguyên cái viễn tượng được trông thấy bấy con của Loan cũng đã đủ vui cho Thiện trong bao ngày, trước khi có thì giờ tới thăm nhà Loan. Đã không có bóng dáng một đứa

nhỏ nào, căn phòng khách rộng trang trí lịch sự và nhã nhặn càng thấy lạnh lẽo vì ngăn nắp quá. Thiện cũng còn kịp nghĩ: nếu Loan cũng mắc cái bệnh dịch màu sắc đương lan tràn giữa đám những người mới giàu, có lẽ căn phòng đỡ trống trải hơn.

Bà cụ ngồi một mình trên một chiếc ghế bành bằng mây đan, ở bên khung cửa sổ lớn mở ra vườn. Trông thấy Thiện bước tới, bà cụ mừng rỡ đứng lên, đưa tay ra nắm lấy hai vai Thiện. Thiện ngó thấy một giọt nước mắt tràn trên gò má bà cụ. Giọng nói của bà cụ như thấm ướt:

– Gặp nhau lại nhớ Hà Nội ngày xưa quá! Xa mất rồi, nhỉ?

Bà cụ ngồi phịch xuống ghế và ngó ngây người bạn cũ của con. Bao nhiêu

ngày cứ ngồi bên khung cửa thương nhớ một thời đã xa, hôm đó bà cụ mới thấy rằng mình không vô lý. Thời đã xa thực ra vẫn chưa chết hẳn, vì còn có Thiện trở lại đây.

Thiện kiểm một chiếc ghế nhỏ kéo lại bên cạnh bà cụ và ngồi xuống. Bà cụ vội xin lỗi:

– Gặp cậu tôi mừng quá, quên cả mời ngồi. Bây giờ các cậu đã lớn; có địa vị rồi, tôi cứ quen như ngày xưa. Ừ, phải thay đổi cả cách xưng hô nữa đấy, gọi cậu Thiện ngày xưa là gì nhỉ cho phải?

Thiện tìm lại được rất dễ giọng nói thân mật hồi trước:

– Bác cứ coi cháu như hồi đó, tình cảm có thay đổi gì đâu.

Bà cụ ngó Thiện trân trân:

– Thế ư? Bác thấy mọi sự chung quanh thay đổi nhiều quá, nên bác sợ.

Thiện quay lại ngó gian phòng lặng lẽ rộng, rồi hỏi:

– Loan đi vắng hả bác? Loan được mấy con rồi? Từ hồi đó cháu chưa hề gặp lại anh Khánh.

Một chút kinh ngạc khiến tia mắt của bà cụ còn đen láy.

– Thế Loan không nói chuyện với cậu ư? Loan làm luật sư ở tòa đã lâu rồi, từ hồi chưa vào đây. Đã có cháu nào đâu. (Bà cụ bồng thở dài). Nhắc chuyện Loan, buồn chết!

Thiện vội hỏi:

– Sao lại buồn, hả bác? Hôm gặp Loan mới nói được mấy câu. Loan có cho biết

đã thành bà Khánh rồi. Cháu cứ định ninh hôm nay lại được gặp một lũ con của Loan rất đông. Ngày xưa chính Loan vẫn chủ trương sự đông con vì Loan chỉ có một mình.

Giọng nói của bà cụ đều đều và buồn, dường như không trả lời câu nói của Thiện.

– Thành bà Khánh, nhưng lại không là bà Khánh, thế mới ngán!

Thiện bắt đầu ngạc nhiên rõ rệt:

– Đầu đuôi ra sao bác có thể cho cháu biết được không? Cháu không ngờ Loan lại gặp những chuyện phải buồn.

– Ban đầu, có ai mà ngờ được. Sau khi hai người đã đính ước với nhau, Loan có nói chuyện với tôi. Tôi rất đồng ý vì Loan nói rằng có yêu cậu Khánh và đã

suỵ xét kỹ. Thế mà chưa được một năm sau đã sinh sự? Khổ tâm hơn nữa là gia đình cả hai bên đều đã quen biết nhau quá, chỉ vì muốn bầu vúi lấy tình quen cũ, và cũng hy vọng rằng hai người rồi ra có thể thương yêu nhau lại, chỉ vì thế mà cứ để cho câu chuyện dây dưa kéo dài mãi. Đến nay thì lỡ dở hết cả rồi...

Câu chuyện bà cụ kể chỉ có ngọn, quên mất đoạn gốc, khiến cho vị tu sĩ trẻ tuổi không giữ nổi sự bình tĩnh thường nhật. Ông ta vội ngắt:

– Nhưng bác không cho cháu biết những nguyên nhân tại sao lại có chuyện xảy ra như vậy, đã xảy ra làm sao. Thế bây giờ Khánh ở đâu?

Bà cụ thở dài, chưa bao giờ Thiện được nghe một tiếng thốt ra nặng nề, ảo não như vậy.

– Nếu tôi được biết đầu đuôi thì còn nói gì. Họ có cho tôi rõ sự tình đầu. Loan có nói với một cô bạn rằng không muốn làm cho tôi buồn thêm nếu nó kể hết câu chuyện cho tôi nghe, nó sợ rằng tôi già yếu rồi. Khổ quá, cậu ạ, thà rằng cho tôi hiểu rõ còn nhẹ nhõm cho tôi hơn là cứ bùng bít như thế này. Gặp cậu, tôi mừng lắm, mừng nhất là có cậu, là chỗ thân tình cũ, may ra Loan nó có tiện thổ lộ, rồi cậu liệu xem có thể thu xếp giúp Loan được phần nào chăng.

Thiện lại ngắt:

– Nhưng bác vẫn chưa cho cháu biết hiện Khánh ở đâu. Cháu cần gặp cả hai người mới hiểu rõ được mọi sự.

Bà cụ lại bắt đầu câu nói bằng một tiếng thở dài:

– Hiện ở Pháp. Đi đã lâu, từ khi chưa bỏ Hà Nội. Bắt đầu lục đục với nhau một thời gian thì, bỗng cậu ấy báo tin có việc phải đi Ba-Lê. Loan không phản đối gì cả. Sau có chừng vài tháng thì một hôm Loan nó cho tôi biết rằng cậu Khánh sẽ không về nữa; hai người nhất định xa nhau. Tôi chỉ biết có thế. Năn nỉ thế nào Loan nó cũng không nói, bảo rằng mẹ đã già, con cũng đã đủ khôn lớn rồi, nói ra chỉ thêm mẹ buồn phiền vô ích. Sau này, tôi cũng tránh không đá động tới chuyện đó nữa vì xem ra mỗi khi nhắc tới, chính Loan nó còn tỏ ra buồn khổ hơn tôi nữa. Tôi chỉ nghĩ mà thắc mắc mãi vì chính tôi có lỗi để xảy ra tình trạng ngày nay. Hồi đó, Loan nó bao nhiêu lần đòi dứt khoát với Khánh, một mặt thì tôi, một mặt bên gia đình cậu Khánh, hai bên đều ngăn cản, hy vọng sẽ dàn xếp được. Chần chờ mãi đến bây giờ thì đã quá muộn, mà

chẳng hy vọng gì họ thương yêu nhau trở lại. Tôi cứ hối hận quá, thà để cho họ dứt khoát với nhau cho xong đi.

Thiện tránh không muốn bàn vào một vấn đề mà chính mình bắt buộc phải có thiên kiến, tuy rằng lần đầu tiên, vì cảm tình riêng với Loan và bà mẹ Loan, Thiện muốn đem tình cảm để tìm hiểu trường hợp của Loan hơn là cứ tiện tay sử dụng đường lối suy luận đã vạch sẵn. Thiện nhận thấy không có cách nào hơn là im lặng trong giây lát, rồi sửa soạn đứng lên cáo từ, sau một lời hứa:

– Cháu cần phải gặp Loan đã, cháu sẽ gọi đây nói tới văn phòng hẹn với Loan. Cháu cũng cần viết thư cho anh Khánh nữa. Cháu xin hứa với bác sẽ hết sức cố gắng tìm cách hiểu tâm sự của Loan và Khánh, may ra nhờ ơn Thiên Chúa sẽ giúp Loan tìm lại được hạnh phúc.

Sau khi Thiện ra về, hy vọng hạnh phúc cho Loan trở lại tràn trề trong tâm tư bà cụ, rào rạt như một cơn mưa hè. Nhưng một lúc sau, cơn mưa đã tan biến hết, còn lại bốn bề vuông vức của một niềm mong ước, lâu dần thu gọn lại vừa một gian phòng này, êm tĩnh, mơn mõi. Cho đến trưa, khi Loan trở về, chuỗi ngày của hai mẹ con lại đều đều nhịp cũ.

✱

Sau bữa cơm, bà cụ cáo từ đi nghỉ trưa, để cho Loan và anh bạn cũ tiện nói chuyện dài. Hai người ngồi ở một góc phòng khách vắng và mát. Loan Yên lặng ngồi đợi Thiện hỏi trước. Hôm Thiện gọi đây nói lại văn phòng ngỏ ý muốn gặp để được nói chuyện nhiều, Loan đã hiểu ngay rằng Thiện có ý mong biết rõ câu chuyện giữa Loan và Khánh. Có Thiện để trút bớt những u uẩn, Loan thấy cũng

là một dịp hay, tuy hoàn toàn không chờ đợi một sự giải quyết nào. Với Khánh, thật đã hết từ lâu. Làm lại cuộc đời thì Loan dường như không còn can đảm nữa. Không chờ đợi giải quyết, nhưng có dịp tâm sự với một người bạn thân, Loan tin rằng cũng sẽ nhẹ nhõm bớt.

Thiện cũng yên lặng ngồi ngó Loan, loay hoay mãi với một điều thắc mắc: Loan vẫn như xưa, mà Loan như ngày xưa thì sao mà có thể khổ được? Trước khi tu đạo, Thiện đã nhiều lần lật đi lật lại vấn đề hạnh phúc của Loan. Thiện đã yêu Loan ghê gớm đến nỗi kết luận rằng bao nhiêu cố gắng của mình cũng sẽ không làm cho Loan sung sướng hơn, hay ít nhất cũng bằng với cái hiện tại hồi đó của Loan. Yêu Loan mà không đem lại hạnh phúc cho Loan như ý muốn thì tốt hơn hết là giữ nguyên mỗi tình để

làm một kỷ niệm riêng còn hơn. Không muốn kết thúc, hay khởi sự, với Loan, ít lâu sau Thiện đi tu, với một ý thức hết sức sáng suốt rằng không phải vì thất vọng.

Đến bữa gặp lại Loan được tin Loan đã lấy chồng, Thiện nảy ra ý tò mò muốn chứng xác lại những nhận định của mình hồi trước qua hạnh phúc hiện tại của Loan. Được bà cụ nói sơ qua cho hay nông nổi của Loan, Thiện đã nghĩ ngay rằng những dè dặt của mình hồi đó không phải là vô lý. Muốn vào sâu tâm sự của Loan, Thiện vì thương Loan nhiều hơn là vì muốn tìm hiểu. Thiện chợt nhận xét và khám phá thấy khỏe nhìn của Loan hiện giờ có lạnh và sắc hơn trước, quang mắt sâu hơn và cả hai đường nhãn ở đuôi mắt. Thiện tự nhủ: “Nhan sắc suy tàn từ đó chứ đâu!” và chàng bắt đầu:

– Tôi muốn nói chuyện lâu với chị không phải vì lâu không gặp. Tôi có một mục đích: Hôm nọ hầu chuyện Cụ, được biết chị có nhiều nỗi buồn trong gia đình.

..

Loan chợt có tia mắt lạnh và sắc như Thiện vừa thoáng nhận thấy. Loan thần nhiên ngắt:

– Mẹ tôi vẫn hay buồn phiền lồi thoi. Tôi không yêu Khánh nữa, hai người không thể chung sống với nhau thì bỏ nhau, có gì mà phải buồn. Một mình tôi, tôi dư sức nuôi thân và nuôi mẹ tôi cơ mà. Liệu anh có sắp gia nhập vào cái đám người cứ bận thương vay cho tôi không ấy?

Thiện tự nhủ: “Có thay đổi thật”. Rồi mới tìm câu trả lời Loan, Thiện đáp, rất ôn tồn, bình tĩnh:

– Bộ áo này không cho phép tôi gia nhập một thứ gì hết. Tôi ngồi trước mặt chị với tư cách một người bạn cũ, một người bạn thân thiết trong bao nhiêu năm tuổi nhỏ, có một điều khác rõ rệt là tôi đã thành một nhà tu. Dù chị không cho phép, tôi vẫn có bốn phận phải săn sóc tới một người bạn đang ở một tình trạng tâm lý bất an, gỡ rối cho chị được phần nào là tôi mừng lắm. Tôi biết chị có nhiều tự ái, nhưng tôi nghĩ rằng chị còn giữ đôi chút tin cậy ở tôi.

Loan cười lớn, tiếng cười rung động cả căn phòng vắng. Thiện lại nghĩ: “Tiếng cười cũng thay đổi nữa”.

Loan nói trong tiếng cười không dứt:

– Tôi sợ nhất là cứ làm cho to chuyện. Anh cần gì phải gọi tới sự tin cậy ở tôi, nhất định là vẫn tin cậy rồi. Nhưng, bạn

tâm tới một câu chuyện mà chính người trong cuộc là tôi, tôi thấy không đáng quan tâm nữa, anh bảo như thế không gọi là thương vay thì còn gọi là gì?

Thiện không tỏ ra công nhận hay phản đối lý luận Loan vừa đưa ra, nhưng chậm rãi chưa đáp, yên lặng ngồi ngó Loan.

Loan với hộp thuốc lá, lấy một điều thuốc thản nhiên đốt, Loan cũng đợi xem Thiện còn cố xoi mói trong câu chuyện riêng của mình tới đâu. Loan chỉ bực rằng Thiện đã quan trọng hóa câu chuyện quá. Thật tình Loan cũng định có dịp sẽ trút hết những u uẩn của mình với Thiện là người trong số bạn cũ Loan thấy đáng tin cậy hơn hết. Thấy Thiện có bộ mặt quan trọng, Loan đâm ra cáu. Cứ bình thường, Loan sợ gì mà không kể hết chuyện, nhưng Loan nhất định không hé

rằng nếu câu chuyện có hình dáng một cuộc thổ lộ can tràng. Thiện tưởng rằng cứ khoác bộ áo đen là hóa thành xuất phàm rồi ư?

Trong không gian, Thiện xem ra đã quá xa thời bè bạn cũ, Thiện đã quên đi phần nào cá tính của Loan, chỉ nghĩ rằng Loan nhiều tự ái. Loan không cảm thấy phải tự ái đối với Thiện. Loan muốn chọc Thiện mà Thiện không biết. Thiện nói:

– Ai mà chẳng kiêu hãnh rằng tâm sự của mình chồng chất, bề bộn, thiên hạ giỏi lắm chỉ nhìn thấy một khía cạnh nào. Nghĩ rằng mọi người không hiểu mình mà thấy họ cứ bần khoản vì mình thì nhất định phải cho rằng họ thương vay. Tôi gọi tới sự tin cậy ở chị là có ý muốn nhắc chị trình độ thân tình giữa mấy anh em hồi xưa. Không lẽ chị cũng cho rằng tôi chỉ có thể hiểu chị hời hợt

như bất kỳ ai hay sao? Trong câu chuyện tình duyên của chị tôi thú thật rằng đến phút này tôi chưa hề hiểu một mảy may. Bởi thế cho nên tôi mới phải hỏi chị, chị nói cho nghe; khi đó, với bao nhiêu thâm tình cũ, biết đâu tôi sẽ không hiểu được thấu đáo và có những ý kiến khả dĩ gỡ rối được cho chị.

– Khổ quá! Anh cứ là rằng hiểu tôi mà không nghe thấu chỉ một câu nói của tôi. Trước kia, chuyện tình duyên của tôi quả có làm cho tôi rối ruột thật. Nhưng bây giờ, bây giờ, tôi đã nói với anh rằng tôi không thấy đáng quan tâm nữa. Thế mà anh cứ đòi gỡ rối cho tôi thì đào đâu ra tơ rối cho anh gỡ cơ chứ?

Rốt cuộc, Thiện thấy cần chờ một dịp khác vì Thiện cũng chợt nghĩ ra không chừng Loan thêm một giấc ngủ trưa, cho nên khó tính, tuy Loan đã hẹn dành buổi

chiều thứ bảy này để nói chuyện dài với Thiện.

Tiền Thiện ra về, trở vào, Loan còn mỉm cười một mình vì đã chọc anh bạn cũ được một trận. Nhưng Loan chỉ “khó tính” được một lát ngắn. Sau khi tắm nước lạnh xong, trở ra phòng khách vắng lặng và nhiều bóng tối, nằm dài trên chiếc ghế bành bằng mây đan ở bên cửa sổ, Loan thốt lên khóc, khóc cho những năm dang dở ở trước mặt. Ngày mai đối với Loan sao mà đáng ngán, nhất là từ bữa gặp Thiện, xui nhớ lại ngày xưa.

Từ bữa nói chuyện với Loan ra về, Thiện không ngớt lưu tâm tới trường hợp của Loan. Chính tự ái của Thiện cũng có tổn thương: tại sao Loan lại từ chối không muốn ngỏ tâm sự với mình? Nhiều lần sau Thiện tới thăm Loan và tha thiết nhắc lại mãi câu chuyện bỏ dở

bữa chiều thứ bảy. Lần nào Loan cũng bức mình thấy Thiện giữ bộ mặt nghiêm trọng, không để cho Loan tìm lại được vẻ thân mật ngày xưa, thuận lợi cho câu chuyện tâm tình. Có bữa Loan đã phải than phiền với bà mẹ:

– Anh Thiện bây giờ thay đổi nhiều quá. Lúc nào nói chuyện cũng như toan cứu với linh hồn người ta ấy!

Ngoài đôi chút tự ái bị tổn thương. Thiện cảm thấy có bốn phận phải lưu tâm tới cô bạn cũ đương ở một tình trạng khủng hoảng đáng ngại. Thiện cho rằng vì thiếu người thân tín cho Loan có thể tâm sự được — bà cụ dù sao, với tuổi tác, cũng không còn là một người bạn của Loan được nữa — Loan cứ một mình loay hoay với vấn đề nan giải trong bao lâu nên đâm ra lảng tránh hết mọi người. Thiện nhất định phải thẳng trở lực tâm

lý đó để mau mau giúp Loan tìm lại sự tươi sáng trong tâm hồn và trong cuộc đời.

Nếu không có bộ áo chùng thâm có lẽ Thiện tìm được nhiều kẻ hờ để đột nhập thành trì cô độc của Loan. Nhưng Thiện chỉ có thể thành tâm cầu nguyện cho Loan, ước mong sớm có cơ hội dắt dẫn Loan ra khỏi hoàn cảnh hiện tại và tìm thấy hạnh phúc.

Thiện cũng có nghĩ tới viết thư cho Khánh. Một lần dả động tới chuyện đó – Thiện hỏi Loan địa chỉ của Khánh ở Pháp – Loan đã nổi xung lên, thiếu chút nữa đã mất hẳn cảm tình với Thiện. Loan câu cũng có lý: những can thiệp không đúng chỗ như vậy của Thiện, biết đâu chẳng cho Khánh vội nghĩ rằng Loan đã chịu thua và cầu cứu tới Thiện để mong nổi lại chắc?

Trước thái độ khẳng khẳng của Loan, ý chí sửa chữa, hàn gắn của Thiện lại càng mãnh liệt. Cho đến khi, vì một nhiệm vụ phải rời lên vùng cao nguyên trong ít lâu, Thiện phải tạm ngưng những cuộc thăm dò tâm sự Loan, tuy vẫn chưa tìm được chút ánh sáng nào. Thiện vẫn không ngớt đem hết tâm thành cầu xin một sự ứng nghiệm trong việc đương theo đuổi.

Hết nhiệm vụ trên cao nguyên, Thiện trở về vội tới thăm Loan ngay. Không khí bổ dưỡng trên núi đã giúp Thiện thêm phần chấn. Chị ở cho biết rằng Loan ốm phải nằm trong buồng, Thiện ngồi đợi ở phòng khách. Loan ngần ngại trong giây lát rồi bảo chị ở ra mời Thiện vào chơi trong phòng riêng của Loan. Loan nghĩ rằng tiếp Thiện ngay ở trong phòng ngủ có lẽ đỡ bị Thiện ngồi lâu và quấy rầy

mãi về câu chuyện chồng con dở dang của mình như mọi bận.

Chị ở bắc một chiếc ghế mời Thiện ngồi kế bên giường bệnh của Loan, Loan nói:

– Tôi bị sốt nóng đã hai hôm nay, y sĩ vẫn chưa tìm ra bệnh gì, có lẽ chỉ cảm xoàng. Vì sốt nhiều nên mệt quá, không thể ngồi dậy ra phòng khách được.

Thiện ngó gương mặt của Loan; cơn sốt làm đỏ hồng hai má Loan, hai con mắt sáng hẳn lên, những sợi tóc không chải vào nếp quăn lưa thưa trên trán. Đúng là Loan ngày xưa, không một chút thay đổi. Thiện cứ ngồi yên lặng ngó Loan. Loan cũng ngó lại Thiện, không muốn chỉ nói vài câu thăm hỏi băng quơ. Trong nét mặt của Thiện ngồi ngây ra đó, không có cái vẻ hăng hái cứu vớt như những

lần khác, Loan cũng chợt tìm lại được Thiện của hồi còn cùng đi học với nhau. Sự im lặng của cả hai người không nặng nề, ngượng nghịu: im lặng để giữ cho cái không khi chợt tìm thấy đừng vội tan biến. Rồi Loan nói trước:

– Anh có biết tôi vừa nhận thấy gì không? Tôi tưởng như trở lại hồi nào còn ở Hà Nội. Từ bữa gặp lại anh, hôm nay tôi mới thật tìm thấy anh của ngày trước.

Thiện tròn hai con mắt to và sáng, hỏi lại:

– Thật thế ư? Tôi cũng vừa nhìn thấy chị giống hệt như hình ảnh của chị ngày xưa, không khác một chút nào. Tôi nhớ đến những bữa ở đảng nhà bác, chúng mình gọi cả một gánh bánh tôm vào trong sân...

Mắt Loan cũng vui hẳn lên:

– Rồi có mấy người tranh nhau ăn hết cả gánh. Ủ, thích thật! Bác hàng bánh rán không kịp, tôi chanh bị mỡ bắn bỏng cả tay...

– Còn tôi thì vội ăn, phồng cả miệng, về nhà phải tạ sự là ốm không dám ra ngồi ở bàn ăn cơm, sợ xa xít bà cụ hỏi không biết trả lời làm sao.

Loan nằm ngửa mặt lên, hai con mắt long lanh ngổ trên trần nhà, vui theo chút kỷ niệm vừa nhắc. Rồi Loan quay lại tìm Thiện. Thiện cảm thấy rõ ràng có một áng sương vừa trôi tới trên gương mặt của Loan, hai con mắt không còn long lanh nữa. Loan nói:

– Thế mà đã xa rồi nhỉ? Bây giờ tôi đâu còn cái vui hồn nhiên nhẹ nhàng của hồi đó nữa...

Lần này Thiện có đủ bình tĩnh, để im lặng ngồi nghe, không vội đưa cái vẻ “hăng hái cứu vớt” ra. Loan nói tiếp:

– Tôi đã thành một người đàn bà cô độc, chứng kiến cái vui của thiên hạ nhiều hơn là hòa trộn vào. Anh cứ hỏi thăm mãi về chuyện chồng con của tôi. Tôi không muốn nói vì thấy anh lần nào cũng như sắp sửa ra tay cứu vãn, đưa đường chỉ nẻo, làm như tôi tìm lại hạnh phúc được ngay tức khắc ấy...

– Thiện đã hiểu tại sao và biết khôn khéo ngồi im.

– Thật tình tôi cũng định có dịp nào, chẳng hạn như hôm nay, nói chuyện đó với anh một lần. Nói mà không hy vọng gì cứu vãn cả, vì tôi biết không tài nào cứu vãn được nữa. Quả thật hồi đó tôi không yêu Khánh đến độ muốn lấy Khánh. Tôi

nhận lời lấy Khánh chỉ vì thấy thương cái công theo đuổi của Khánh và cũng muốn thành gia thất cho xong đi. Cứ thấy mẹ tôi thấp thỏm trông đợi tôi sốt ruột quá, anh ạ. Tôi chỉ lỡ đại đã chọn một người chồng cùng nghề. Cuộc sống đôi cặp nào chẳng có những lúc va chạm, nhưng nghề nghiệp sẽ giúp những cơn giông mau tan đi. Đằng này hai đứa tôi lại đem chồng chất những va chạm nghề nghiệp vào những va chạm gia đình. Địa ngục, anh ạ. Tôi cũng có thể bỏ nghề, cho bớt một phần, nhưng tôi lại thích tự do, không muốn chỉ là một người nội trợ sống vào những lợi tức của chồng. Cũng cần phải nói rằng tôi cũng yêu nghề nữa. Sau một năm trời sống chung, bao nhiêu những va chạm cộng lại, trong mắt tôi Khánh đã hóa thành một thứ thù nghịch, và tất nhiên Khánh nhìn tôi chắc cũng chẳng còn đẹp đẽ gì. Thế rồi Khánh đi,

cả hai cùng thấy thoát nợ. Chỉ tiếc rằng vì muốn chiều ý gia đình, tội tôi chưa hề dứt khoát với nhau ngay từ hồi đó. Đến nay thì lỡ dở mất cả. Cũng may là cách biệt hẳn, ở gần, biết đâu chẳng kiếm dịp mà giết nhau cho khuất mắt. Gia sản cả hai bên cũng chẳng còn gì mà phải bận tâm vì những trói buộc vô lý. Đó, anh đã thấy rõ rằng tôi không nói ngoa khi tôi bảo rằng câu chuyện không đáng quan tâm nữa. Anh thì cứ đòi thu xếp với cứu vãn mãi.

Nghe Loan nói một thôi, Thiện đã lường được bề rộng của cái hố ngăn cách giữa Loan và Khánh. Thiện nén được không cãi với Loan về sợi dây ràng buộc thiêng liêng, và tê tái nghĩ rằng vô phương cứu vãn hạnh phúc cho Loan. Thiện ngó Loan và day dứt tự hỏi: Loan cứ phải khổ mãi như thế sao? Ngoài cái

việc mà Thiện dự định: hàn gắn cuộc tình duyên giữa Loan và Khánh, không một giải pháp nào ở trong phạm vi khả năng của Thiện cả. Loan còn trẻ quá, tương lai còn dài mà đành để phí hoài sao. Lần đầu tiên trong đời, Thiện nhận thấy riêng mình không đủ giải quyết những khúc mắc.

Loan cười tinh nghịch, nói một câu mà thêm bao nhiêu bối rối cho Thiện:

– Tôi chỉ còn trách anh tại sao lại bỏ đi tu. Hồi đó nghe My kể chuyện anh cũng yêu tôi ghê lắm. Với anh không chừng đã chẳng nên nổi. . .

Thiện bất chợt chăm chú ngó một con muỗi khá to đậu từ lúc nào trên cánh tay của Loan để trần, đuổi dài bên mép giường. Cánh tay của Loan này nả như nặn bằng mỡ sữa, con muỗi thì no tròn

mà còn cố cong cái đít mọng lên chúi đầu xuống hút máu. Thiện giơ tay đập mạnh con muỗi trên cánh tay Loan. Độ nóng của cơn sốt của Loan qua lòng bàn tay Thiện như một luồng điện mạnh. Con muỗi chết bẹp còn dính trên tay Thiện với một vệt máu đỏ tươi. Vệt máu đỏ gây một xúc động mãnh liệt trong đầu vị tu sĩ trẻ tuổi. Thiện vụt xô ghế đứng lên, chẳng kịp chào hỏi Loan, hốt hải chạy ra cửa.

Ra tới sân, Thiện đưa bàn tay có dính con muỗi và vệt máu chùi vào vạt áo. Nghĩ sao Thiện lại vội túm lấy một chùm lá ở góc cây trứng cá bên cổng hốt hoảng chùi tay. Rồi Thiện đi miết ra mãi đầu phố, một tay cứ phúi mãi vạt áo không biết có dính chút máu nào không.

NHỮNG NGƯỜI Ở KHÁCH SẠN

Mai Thảo

Khoảng năm, sáu giờ chiều trở đi má Chín mới về. Tiếng guốc má Chín từ dưới cầu thang đổ lên, không lẫn được. Nó nện ình ình xuống những bậc thang gỗ đã long gẫy. Nó vang động suốt cả dọc hành lang khách sạn. Nó độc nhất. Khách sạn, chỉ riêng mình má Chín được quyền gõ những tiếng guốc ngang ngược hống hách như vậy. Đang ôm nhau ngủ, Miên Hòa đều choàng dậy vì tiếng guốc má Chín. Không ai dám hé miệng thốt lên một tiếng phàn nàn, mặc dầu cái nghề thức sáng đêm đã làm cho

giấc ngủ của bọn Miên Hòa thật cần thiết quý báu. Sợ má thù. Má Chín thù thì chỉ có việc trả tiền buồng, khăn gói dọn khỏi khách sạn. Hồi này thành phố đông đặc người, nhà cửa xây cất san sát nhưng chưa ráo vôi vữa đã có người đến ở tức khắc, khách sạn tồi tàn bẩn thỉu, giá thuê cắt cổ, điện nước thất thường, má Chín tác yêu tác quái, vậy mà bọn Miên Hòa cũng cứ chịu phép không dám ho he một câu. Đành ai nấy tìm đủ cách làm vừa lòng má để sống yên thân.

Hòa bảo tôi:

– Thuê buồng trả tiền, tiếng thế vẫn phải quà biếu xén luôn đấy anh ạ. Chia nhau ra, đưa cái nọ đưa cái kia. Nay cái này mai cái khác. Tháng trước má giờ chúng ăn đầy tháng thẳng con giai, chúng em phải chung nhau mua cho thẳng nhỏ cái lắc hai đồng cân vàng. Anh tính ăn ở

chu đáo cứ như má ấy là bà nội mình mà còn chưa xong.

Tôi hỏi Hòa:

– Sao các em không dọn quách đi chỗ khác?

Hòa thở dài:

– Đi đâu bây giờ anh? Được cái ở gần chỗ làm, đi lại tiện. Với lại mỗi lần dọn dẹp vừa lĩnh kính vừa tốn lăm. Đi đi cả, ở ở cả. Chúng em như chó với mèo nhưng lại chẳng thể rời được nhau ra.

Tôi biết chính vì cái sự không rời được nhau ra của Miên Hòa mà người đàn bà tinh quái kia đã nắm lấy như một nhược điểm để lợi dụng, dọa nạt, nay kiếm chuyện nầy mai kiếm chuyện khác. Từ trong buồng Hòa nhìn ra tôi thường thấy má Chín đi qua. Má Chín. Bọn Hòa

nịnh khéo cứ gọi tăng lên thế, kỳ thực má còn trẻ. Chừng 35, 40 là cùng. Hồi gần đây lên thăm Miên Hòa luôn, tôi hay đụng đầu với má ở đầu cầu thang. Đôi khi qua cửa buồng má ở đầu dãy, thấy má đứng chống nạnh, nhìn tôi chằm chằm, tôi vẫn cúi đầu chào. Chồng má là một người cảnh binh già. Y to, thô. Vẻ người hiền, lầm lì. Sáng đi sớm chiều về muộn, người ở khách sạn chỉ đôi khi thoáng thấy bóng y những lúc cửa buồng mở rộng, nằm ngửa đọc báo, cái thân hình béo mập ngấn lên từng ngấn mỡ bệ bệ trên chiếc giường nhỏ, thứ giường gỗ thấp kích thước như kiểu giường nhà thương dùng cho tất cả khách sạn. Cái nghề làm cảnh binh của y cũng là một thứ ngoáo ộp để má Chín lên mặt dọa bóng dọa gió:

– Ông hiền nhưng ông thẳng lắm đó.

Ông làm ngo đi nhiều lắm đó các cô à.

Má Chín thường lấy giọng nhân nghĩa bảo Miên Hòa như vậy. Vừa có ý sang tai cho chúng tôi. Làm ngo, ý nói không đếm xỉa đến cái việc tôi và Định hàng ngày lên thăm Miên Hòa và những đêm đưa Miên Hòa về khách sạn, chúng tôi có ở lại trò chuyện đến một hai giờ sáng. Tôi vốn ghét thậm tệ cái thói cạy thần cạy thế, nhất là một thứ thần thế hạng bét để lòe bịp nạt nộ, tôi có nói chuyện ấy nói với Định nhưng Định gạt đi:

– Cậu có ở ngày đêm ở đây đâu mà tính đến chuyện can thiệp. Tôi ở trong quân đội, không tiện. Mụ ấy có làm gì quá hăng hay.

Tôi bực mình lắm nhưng thấy Định có lý đành phải thôi, Dáng chùng má Chín cũng gồm bọn tôi, mỗi khi đi qua

tôi cúi đầu chào, má cũng gật đầu chào lại. Một hôm má đang đứng trước cửa, thấy tôi ở buồng Hòa ra về, bèn cất tiếng mời tôi vào chơi. Nể, tôi cũng vào. Ngó thấy nét mặt tươi tỉnh khác thường của má tôi đoán thầm: Chắc hôm nay chị ả được bạc.

Chả là má Chín đánh tổ tôm, bài cào, xì lác quanh năm ngày tháng. Buổi sáng chồng đi, má cũng khóa cửa buồng đi ngay. Buổi chiều má về chỉ trước lúc gã về mười phút, vừa đủ đón bữa ăn thằng nhỏ tiệm ăn Trung Hoa bên kia khách sạn đưa sang, khác với bọn Miên Hòa vẫn cứ lịch kịch củi lửa thối nấu lấy cho đỡ tốn. Tôi ngồi xuống một đầu giường, hỏi xã giao:

- Ông cò chưa về?
- Dạ hôm nay nhà tôi gác đêm.

Má trả lời. Đoạn ngo tôi một vẻ dò xét:

– Thầy đến chơi đây luôn nhĩ?

Tôi đáp:

– Vâng tôi đến đây chơi luôn.

– Chú thầy quen cô nào? Cô Miên hay cô Hòa?

Tôi nghịch ngợm trả lời:

– Quen cả hai người.

Má Chín « à » một tiếng ngớ ngẩn, đoạn bắt đầu kể lễ nhân nghĩa phúc đức. Nào là vợ chồng má đều là người tử tế, khách sạn này đứng đắn lắm, các cô ấy lớn tuổi tiếng thế vẫn như con nít, ngủ vùi cả ngày, thức dậy đùa như ngụy, chủ giao cho má cái việc trông nom khách sạn, mà phải đầu tắt mặt tối mà chẳng

lợi lộc gì. Nào là khách sạn từ mười mấy năm nay kể từ ngày có má chẳng hề xảy ra chuyện gì lộn xộn. Làm tôi chột nghĩ đến địa vị đặc biệt của má ở khách sạn. Khách sạn của ai? Ai giao cho má Chín coi giữ khách sạn? Miên Hòa không biết, cũng chẳng ai biết, Cũng chẳng ai hỏi. Cuối tháng, những người ở khách sạn mang tiền phòng trả cho má Chín, ai chậm má đến lấy tận buồng. Cứ như vậy mà Chín đã mặc nhiên trở nên một thứ quản đốc của cái khách sạn tồi tàn và cũ kỹ.

Tôi ngồi chịu chuyện má Chín đúng một tiếng đồng hồ. Mà cứ đề cao mãi cái bụng tốt của má đối với « các cô ấy ». Coi như con như em trong nhà. Các cô ấy làm những chuyện điên đầu má cũng bỏ qua cũng che chở cho tất.

Má trợn mắt:

– Thầy tính xem, tháng trước đây cô Miên gây gỗ gì với con bé bán chanh đá ở đầu phố, ăn chịu uống đựng thế nào để nó kéo cao bồi với mấy con điểm đến đây vây đông nghịt dưới chân thang. Chúng hăm xuống chúng lột quần, cứ cuống cả lên, không có ông nhà tôi xuống dọa một tiếng chúng nó đã ăn gỏi. Rồi còn đi đêm về hôm, chạy như giặc, cười nói toang toang, khóc lóc âm ỹ.

Má kết luận:

– Nhịn cứ như nhịn cơm sống thầy ơi!

Kể má Chín cũng có lý. Hòa Miên chỉ có chúng tôi chịu được, hiểu được. Những người như má Chín làm sao biết được cái tâm trạng lúc đùa như giặc lúc cười lúc khóc như con nít ấy của họ. Tôi biết có những đêm Hòa nhớ mẹ nhớ

chị ở tận Châu Đốc, bỏ nhà đi bây giờ không dám về thăm, đứng tựa ban-công nhìn xuống đường khóc suốt đêm, Miên thấy vậy cũng ôm bạn khóc theo. Tôi biết Miên có những buổi chiều mua rượu về uống, hát, xé quần áo, đập đồ đạc, vừa mếu máo vừa nước mắt ròng ròng. Tôi dịu giọng nói với má Chín nên coi họ như em, má Chín đừng chấp.

Má được thế:

– Thì thế. Nhưng tốt thì phải tốt lại thầy ạ. Mà không biết điều thì tôi cho biết tay tôi.

Má kể cho tôi nghe năm ngoái có một ả me tây đến căn buồng số 6, du côn chẳng bữa đánh đá nổi tiếng khắp mặt khách sạn, gắp tay má chưa đầy một tuần đã phải bước mất. Má Chín tiễn tôi ra đến cửa còn dặn với:

– Thầy cũng bảo các cô nhé. Tôi thì dễ, nhưng ông nhà tôi ông ấy nóng tính lắm thầy ạ.

Tôi chào má Chín đi ra. Từ hôm đó má Chín đối với tôi xem chừng bớt lạnh lùng hơn trước. Tôi cũng đem câu chuyện ấy nói với Miên Hòa, khuyên hai chị em ăn ở ý tứ đừng để má Chín có cơ làm khó dễ. Sự thực những chuyện eo xèo giữa má Chín không có riêng gì với Miên Hòa mà có với tất cả mọi người ở khách sạn. Được cái ai cũng cố nhịn và nhất là hồi này ai cũng thầm mong cho má Chín được bạc. Được, má dễ tính vui vẻ trông thấy. Má thua cũng vậy. Về đến chân cầu thang nghe tiếng guốc biết ngay. Chẳng may, hồi này má Chín thua luôn, mà ý chừng lại thua đậm là khác. Mới từ đầu tháng má Chín đã hỏi vay khéo Miên Hòa ba lần cả thấy đến

ngót hai nghìn rồi. Tiền buồng khách sạn tháng trước nghe đâu cũng không nộp đủ cho chủ. Đồ đạc cầm bán dần. Cái nhẫn kim cương óng ánh ở ngón tay út cũng đã không cánh mà bay. Khách sạn sống trong một không khí bị khủng bố thường trực. Thắp đèn khuya một tí, nước dùng nhiều một tí má Chín cũng là lỗi âm ỉ. Miên Hòa thường phải đóng cửa buồng lại mới dám ủ quần áo. Rồi kiểm có này có khác để xoay sở không được má Chín xoay đến chúng tôi. Một buổi tối tôi đang ngồi chơi với Hòa má Chín đột ngột mở cửa đi vào. Thấy tôi, làm bộ ngạc nhiên:

– Ủa thầy còn ở đây à, giờ này thầy chưa về sao?

Rồi ngó trước ngó sau ra vẻ sợ hãi:

– Nay, thầy ở đây không được đâu.

Tôi hỏi tại sao. Má đáp:

– Ông cò nhà tôi vừa hỏi tôi đấy. Bây giờ nhộn nhạo, Các khách sạn người ta khám sổ gia đình gắt lắm, vậy chú thầy có tên trong sổ gia đình không?

Tôi phì cười trả lời tôi có ở đây đâu mà có tên trong sổ gia đình Hòa.

Má Chín giấy nấy:

– Thế sao được. Đêm hôm người ta vào khám thì làm thế nào? Thầy tính thế nào thì tính.

Và quay sang Hòa:

– Cô Hòa, tôi nói trước đừng để phiền đến tôi không được đâu. Đoạn má hăm hăm đi ra.

Tôi biết má Chín túng quẩn định làm tiền, cũng mặc.

Hòa thì sợ hãi:

– Chết có sao không anh?

Tôi ôm Hòa nói đùa:

– Chừng nào em chịu về sống với anh chúng mình sẽ có chung một tờ khai gia đình. Anh không đến đây thăm em được sao?

Hòa vẫn chưa hết lo khiến tôi phải giảng giải thêm là Hòa có sổ gia đình là đủ rồi. Hòa không phải là gái điếm, Sài Gòn là một thành phố lớn, ban ngày buổi tối nửa đêm có hàng vạn người đến thăm nhau. Bây giờ Hòa mới yên tâm.

Việc má Chín thua bạc làm tiền khéo chúng tôi bằng cách đòi tôi phải có tên trong sổ gia đình của khách sạn, không ổn, và má Chín cũng không dám đi động tới nữa. Từ đó má lảng lảng. Thấy

tôi, lẫn vào buồng. Vẫn tiếp tục ngày hai buổi đi đánh bạc và vẫn thua mãi. Nhiều khi nghe tiếng guốc má Chín từ dưới cầu thang dội lên, tôi chợt nghĩ đến khoản tiền lương ít ỏi của người cảnh binh già. Không biết mà Chín lấy tiền ở đâu ra để có thể thua mãi như vậy được. Thua bạc má Chín không thiết gì đến công việc khách sạn nữa. Tầng trên, tầng dưới hôi thối, ngập ngựa như một đồng rác lớn. Từ chân thang đi lên, suốt hành lang, nhà bếp, buồng tắm, cầu tiêu, rác rưởi giấy má, cứt đại, cơm thừa canh cặn, vỏ chuối, vỏ ốc chất lên từng đồng lớn. Mùi nước giải, mùi quần áo bẩn và các thứ mùi ẩm mốc cố hữu của khách sạn bốc lên nồng nặc, nghẹn thở. Lên thăm Miên Hòa tôi cứ phải nhịn thở ngay từ dưới đường.

Cho đến một hôm, người ở khách

sạn không nghe thấy tiếng guốc của má Chín nữa. Má Chín đau. Cửa buồng đóng im im cả ngày. Người ở khách sạn đi qua buồng má nhón chân lên cho nhẹ tiếng gót. Khách sạn như được yên tĩnh hẳn lại. Người cảnh binh già buổi chiều đi làm về bỗng con đứng ở hành lang nhìn xuống khu nhà sửa xe ám khói phía dưới. Đứa nhỏ khảng khiu. Người bố phiền muộn. Trông ông ta nhẩn nhục một vẻ thương hại.

Má Chín ôm tôi tưởng Miên Hòa vui thích lắm. Tôi lằm. Hai chị em thay phiên nhau sang săn sóc cho má. Đêm đi làm về cũng ghé sang. Trái cây mua cho người ốm đưa sang buồng má Chín suốt ngày. Má Chín ốm thật nặng, Một buổi đến thăm Hòa thấy cửa buồng mở hé tôi vào ngồi chờ. Lát sau Hòa về, hấp tấp lấy áo mặc:

– Anh đưa em đi đằng này.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Em không đi làm?

Hòa gắt lên:

– Nghỉ. Em đi lễ cho má Chín, không có má ấy chết mất.

Tôi không nhịn được cười:

– Má ấy đau thì các em đưa má ấy đến nhà thương sao lại đi lễ.

Hòa gắt to:

– Anh không biết chứ thiêng lắm.

Tôi chẳng hiểu thiêng lắm là thiêng cái gì nhưng cũng đành cứ đưa Hòa xuống đường. Hòa gọi taxi dục tôi lên, lát sau Hòa chỉ cho xe đỗ xuống trước một cái đền nhỏ bên Khánh Hội, rồi vào

một mình. Tôi ngồi chờ đến nửa tiếng. Lúc trở về khách sạn tôi hỏi Hòa:

– Em bảo thiêng lắm là thiêng cái gì?

Hòa nói về đến khách sạn sẽ kể cho tôi nghe. Về buồng, Hòa chưa kịp thay áo dài, Miên rồi Huệ rồi Yến ở những buồng bên cạnh ủa cả sang. Mọi người nhao nhao:

– Mà đi lễ cho má Chín đấy à?

– Ủ, phải lễ chứ.

– Đúng, phải lễ cho má ấy.

Miên Huệ Yến đều nói bằng giọng nghiêm trang tin tưởng. Rồi cái thiêng lắm của khách sạn, tôi được cả mấy chị em mỗi người một câu tranh nhau kể lại cho nghe. Cách đây 6 năm, hồi khách sạn chưa cho thuê tháng, có một cặp trai

gái đến hỏi thuê buồng bấy giờ là buồng số 8 rồi ngay đêm đó cả hai uống thuốc phiện dấm thanh tự tử. Sáng hôm sau người bồi phòng sinh nghi hô hoán lên, mọi người phá cửa vào. Người con gái vì yếu sức hơn đã tắt thở, chỉ cứu được gã con trai. Cả hai đều quê quán ở một tỉnh lẻ. Gã con trai nghe đâu về sau đi lính rồi cũng bị bắn chết. Từ đó những đêm mưa gió thường có bóng đàn bà chấp chờn đi trong hành lang khách sạn và khách sạn thỉnh thoảng lại có một người tự nhiên đau nặng. Mỗi lần như thế phải lễ mới khỏi.

Chuyện ma kể xong, bọn Miên Hòa ngồi nép vào nhau thì người không ai nói gì nữa. Ý chừng còn sợ lắm. Tôi buồn cười vì cái óc mê tín nhưng không nói ra. Ở Miên Hòa, cái việc đi lễ cho má Chín cũng có cái khía cạnh chân thực cảm

động của nó. Má Chín ốm liệt giường liệt chiếu hai tuần lễ thì khỏi. Từ đó không thấy má Chín đi đánh bạc nữa. Cũng không gõ guốc nữa. Thái độ má Chín đối với mọi người ở khách sạn cũng đổi khác. Nhất là đối với chúng tôi. Tốt, biết điều trông thấy. Má dễ dàng với tất cả mọi người. Điện nước dùng tha hồ. Hòa bảo má Chín sợ ma làm nữa, mà thế. Đâu phải. Chính là sự săn sóc ân cần và cảm động của Miên Hòa, những người má vẫn coi thường mà đã có sự hồi tâm, sự đổi thay trong lối ăn lối ở của má. Ngày tháng trôi qua. Miên Hòa vẫn tối tối đi làm ở tiệm nhảy cũ. Tôi vì bận công việc cũng thỉnh thoảng mới tạt qua khách sạn. Bỗng một ngày cuối năm chúng tôi được tin Định phải đổi lên Cao nguyên. Thật là một tin sét đánh cho Miên. Miên có mang với Định đã được hai tháng.

Tôi nhớ hôm đó là thứ bảy. Tôi đang đọc báo. Miên Hòa mỗi người mặc một chiếc áo màu cá vàng sóng vai nhau đi vào trông thật rực rỡ. Nhưng khuôn mặt Miên thì tái nhợt đi.

Hòa bảo tôi:

– Anh Định phải đổi đi xa anh biết chưa?

Tôi gật đầu. Định đã nói với tôi từ tháng trước dặn dẫu với Miên, chắc không dẫu được nữa. Câu đầu tiên Miên hỏi tôi là:

– Anh Định phải đổi đi có lâu không anh?

Tôi kéo ghế cho hai người ngồi:

– Anh cũng không biết, Định không nói gì với em sao?

– Có. Chúng em gặp nhau hôm qua. Anh ấy nói chỉ đi sáu tháng nhưng chắc gì đấy.

Miên nói đúng. Tôi không hỏi kỹ nhưng cũng đoán Định nói dối để Miên yên lòng. Mỗi lần thuyên chuyên là phải hàng năm, sáu tháng thế nào được.

Thật là tội nghiệp cho Miên. Trái với Hòa, tôi biết Miên từ ngoài Hà Nội hồi Miên mới bắt đầu vào nghề ở tiệm Lục Quốc. Hồi đó Miên mới 17 bây giờ đã 29. Miên hơn Hòa 7 tuổi, nhưng bông bột dễ xúc động hơn và tính tình thì liêu lĩnh hơn Hòa gấp nghìn lần. Chuyện Miên với Định là một bằng chứng của nếp sống liêu lĩnh ấy, không đắn đo không suy tính, cái lối sống ném thẳng tâm hồn, đời sống vào những cảnh ngộ ngang trái như những trận bão những cơn lốc thổi ngược để bị tàn phá tơi tả

trong đó để quần quai để đau đớn trong đó. Sống mà như tự hủy. Miên sống như vậy. Cái nếp sống mê tỉnh quay cuồng điên loạn, không thềm suy tính không thềm cân nhắc ấy, Miên mang nó từ ngày bỏ nhà trốn đi chỉ vì một người bạn gái cùng phố đã trốn nhà và yêu bạn Miên đã trốn đi theo. Rồi đoạn đường cuối cùng của cuộc phiêu lưu liêu lĩnh ngắn ngủi là cái ánh sáng đỏ khé đầu lối vào một vũ trường. Miên thuộc một gia đình khá giả. Bố làm công chức cao cấp. Chỗ chị em, Miên tương đối có học lực khá. Lúc bỏ nhà trốn đi với bạn, đang theo học ban thành chung. Bạn hữu cùng trường hồi đó gọi Miên là cô bé áo vàng. Miên chỉ yêu màu vàng. Bây giờ cái màu vàng khi xưa vẫn còn thoang thoáng dưới ánh đèn sàn nhảy. Ở chung với Hòa, ít tuổi hơn nhưng điềm đạm trầm tĩnh hơn, Miên đã bớt đi một phần cái tính liêu

lĩnh ngày trước. Nhưng chỉ một phần thật nhỏ. Tôi vẫn hỏi đùa Miên:

– Chỉ một cái tặc lưỡi phải không?

Và Miên cười ngất gật đầu:

– Đúng, chỉ một cái tặc lưỡi.

Hồi ở Hà Nội tôi biết Miên cũng qua người bạn cũ như Định. Khôi. Trái với Định ở trong quân đội Khôi hoạt động cách mạng rồi một hôm bỏ Hà Nội đi mất tích, Miên đau khổ, khóc lóc đập phá, nghỉ làm ba tháng liền, tiêu hết, bán hết. Một hôm ngồi dậy được, Miên mặc nhanh lên mình cái áo mầu cá vàng và lại đi vào cái ánh sáng choáng váng của vũ trường.

Sau Khôi là một người thầu khoán đã đứng tuổi. Miên bỏ đi, về lại, ăn ở với y cả thấy được 14 tháng. Tiêu của y mất

non hai cái nhà. Phá thai ba lần. Uống thuốc ngủ tự tử không biết mấy lần. Trong số những vũ nữ tôi biết từ mười mấy năm nay, ít có người được đẹp như Miên. Nhìn nghiêng nhìn thẳng đều đẹp. Những nét trông nghiêng, đường vai, sống mũi thanh thoát như những nét liễu. Những nét trông thẳng đều đặn trung hậu. Có điều không bao giờ Miên biết gìn giữ cái sắc đẹp ấy, đúng hơn không bao giờ Miên chịu gìn giữ cái sắc đẹp ấy. Riêng thời kỳ đầu tiên ở với Khôi không có chuyện gì, nhưng từ khi Khôi bỏ đi, tiếng là ăn ở với người thầu khoán, kỳ thực, tiệm nhảy đóng cửa, Miên đã nhảy lên đại một cái xe khách quen đòi dự bằng được vào các cuộc vui của bọn đàn ông. Những cuộc vui tàn hại tâm hồn và thể xác nhất. Uống rượu, hút thuốc lá, hút thuốc phiện. Theo xuống Khâm Thiên Ngã Tư Sở, cũng đập phá, đánh

trống, nằm bàn đèn không kém đàn ông một ngón nào. Miên biết tôi từ hồi đó, quý tôi nhưng thường vẫn chê tôi lù đù. Tôi quý Miên thường vẫn chê về cái tội hay khóc. Người dễ xúc động lạ. Chỉ một tí là chảy nước mắt. Vui đấy khóc đấy. Có nhiều khi đang cười nói giữa đám đông, tự nhiên Miên nín bật, nước mắt đã chảy ra ròng ròng. Miên mê đọc tiểu thuyết Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, thích thơ, nhất là thơ Nguyễn Bính. Tôi nhớ có lần đưa Miên đi coi Lôi Vũ ở nhà hát lớn Hà Nội, tới cái đoạn khuôn mặt Phồn Y vừa cười vừa khóc hiện ra trong mưa bão ở cửa sổ nhà Lỗ Đại Hải, tôi nắm Miên:

– Em đấy.

Và Miên vừa cười vừa nước mắt chạy quanh, gật đầu. Nhưng Miên không phải là Phồn Y. Miên là Miên. Nghĩa là lại liêu lĩnh, lại lao đầu vào cuộc sống trên

những hướng gió hướng lửa thổi ngược. Định và Miên không có gì dấu tòi, nhưng việc Miên có mang tòi không biết. Từ ngày hai người gặp nhau, tòi vẫn theo rồi cuộc tình duyên của họ với những ý nghĩ không được vui lắm. Vì không nhìn được cho Miên, đó là cái may cuối cùng, vì chỉ thấy cái ngỗ cụt, traten lốt thổi ngược, Miên ném cái phần đời còn còn lại của Miên vào đó, sự còn lại vốn đã không nhiều nhận gì. Một đêm gặp ở tiệm nháy, đưa Miên về khách sạn tòi hỏi Miên đã nghĩ kỹ về chuyện chung sống với Định chưa. Miên ngẩng đầu, đôi mắt long lanh, trả lời tòi bằng một vẻ trêu nghịch thách thức:

– Rồi.

– Kỹ đến nhất định có con đàn cháu đống với nó?

Miên còn cố nói đùa thêm câu nữa:

– Vẫn chỉ một cái tắc lưỡi thôi phải không anh?

Tôi đành lắc đầu cười, Đêm hôm đó Miên không chịu về khách sạn ngay. Chúng tôi đi bộ dưới trời khuya, dưới những hàng cây, những vì sao, và Miên đã tâm sự với tôi nhiều về cuộc phiên lưu, lần này dẫu có khác những lần trước, có hẳn đo có suy nghĩ nhưng rốt cuộc vẫn ném mình vào như thường:

– Em thấy trước những ngày tàn tạ rồi. Bây giờ nhờ có Hòa và đẹp bỏ hết mọi kiêu hãnh, em mới có can đảm tối tối đi làm. Nhiều lúc tủi thân em vẫn vào đứng khóc một mình trong buồng đi tiểu. Em thuộc vào loại vũ nữ già, hết thời rồi. Được thời còn hơn một bà hoàng, hết thời thì không bằng một con đĩ hạng bét.

Anh bảo em còn gì để dẫn đo nữa. Phải cám ơn Định mới phải. Định không mê Định chỉ thương em mà thôi, ở được với anh ấy ngày nào hay ngày ấy.

Rồi Miên đổi chuyện:

– Ở đây có diễn Lôi Vũ như ngoài Hà Nội không?

Tôi ngó Miên:

– Cần gì xem Lôi Vũ, đời em còn hơn Lôi Vũ nữa.

Miên cười nhưng đã muốn khóc.

Tôi nhớ lại câu chuyện đêm đó trên taxi đưa Hòa Miên trở về khách sạn: Miên để cả quần áo nằm vật xuống giường như một xác chết.

Một lát Miên hỏi:

– Hòa có đi làm tối nay không?

Hòa đáp:

– Có. Sao?

– Đừng đi, ở nhà một buổi với tao.

Miên đề tay lên bụng lăm bắm:

– To phình thế này ma nào mời. Rồi quay mặt vào tường không nói gì nữa.

Tôi khuyên Hòa nên nghỉ ở nhà với Miên, chiều tối sẽ trở lại khách sạn đưa hai chị em đi chơi ra ngoài thành phố.

Tám giờ tối. Tôi trở lại khách sạn. Hòa ra ban công vẫy tôi lên. Gặp má Chín ở đầu cầu thang. Má nói:

– Các cô ấy đang đứng sửa soạn, thấy vô đi.

Miên Hòa ngồi xổm dưới đất, chụm đầu trên một tấm gương hai mặt lớn. Đồ « phụ tùng xe đạp » bấy đầy chung quanh. Tôi vẫn thường gọi đùa thế, những đồ dùng trang điểm của họ: hộp phấn, bông phấn, cặp tóc, cái cặp lông mi, cái bút kẻ lông mày. Thấy tôi Miên ngược mắt quát lớn:

– Cấm vào.

Miên vẫn không thích có ai chứng kiến những lúc Miên gọi là « kẻ khẩu hiệu » ấy. Nhưng tôi vẫn vào. Tôi thích được nhìn ngắm, theo dõi những phút trang điểm của đàn bà. Nhìn Miên Hòa cẩn thận tô một đường lông mày, chấm một vệt nốt ruồi, thoa những lớp phấn thật tròn thật đều trên gò má sống mũi, nhích thêm một nét son trên vành môi, ngó ngó nghiêng nghiêng, tôi thấy nó là lạ ngộ ngộ, sự ngộ nghĩnh của một công

việc vừa cần thiết lại vừa vô ích. Ở sự trang điểm cũng có những biểu lộ của tâm tính nữa. Ở Miên chẳng hạn, vui vẻ, đường lông mày mềm như một vòng cung, tức giận, nó xéch ngược như một lưỡi dao. Miên Hòa bao giờ cũng trang điểm một lúc, lần nào cũng tranh nhau cái nọ dành cái kia, cãi nhau đấm nhau ầm ĩ. Tôi nhớ viết về đàn bà, Bùi Hiền nói tình bạn của họ biểu tỏ trong những cái nhỏ nhỏ vùn vùn, những sản sóc những biểu xén vặt. Đúng. Tôi còn thấy cái tình bạn ấy biểu tỏ trong những cái hết sức mâu thuẫn nữa. Phút trước như chó với mèo, phút sau như ruột thịt. Tiếc nhau từng xu rồi lại có thể cho nhau hàng nghìn. Nó ngộ ngộ hay hay, nó chẳng ra làm sao cả. Nó không nguyên tắc, không hợp lý, không minh bạch như cái lối đàn ông chơi với nhau, nhưng không thiếu sâu đậm bền vững. Ngồi nhìn Miên Hòa, tôi nghĩ đến

cái tình bạn đó, hai chị em chụm đầu vào nhau, giằng co gây lộn, mà tưởng như họ đang đứng xây lưng vào nhau, thật sát, thật chặt, để cùng chống đỡ những trận gió trận lửa thổi ngược ào tới, hậu quả của một nếp sống liều lĩnh. Miên xong trước đứng lên, lại mặc áo chọn chọn, rồi lấy ra một cái áo màu đen, nháy mắt về phía tôi:

– Áo đen. Để tang một cuộc đời tình ái.

Hòa gắt:

– Đùa cho lắm đêm về lại khóc không cho tao ngủ.

Miên làn bộ ưỡn ẹo ra cửa:

– Lúc nào khóc hăng hay. Mà ngủ như heo. Bây giờ anh cho chúng em đi ăn cái đã.

Rồi Miên quay lại dứ ngón tay vào mặt tôi:

– Hôm nay em có chuyện buồn. Anh phải cho em uống rượu thật say em mới chịu đi.

Chúng tôi xuống cầu thang. Miên đi trước, miệng hát mấy câu một bài hát cũ của Tino Rossi. Má Chín ngấp nghé ở cửa buồng. Má nhìn tôi nhìn Miên lắc đầu. Xuống đường tôi gọi xe đưa Miên Hòa đến một tiệm ăn ngoài cánh đồng, trên con đường đi Mỹ Tho. Biết trước Miên định làm gì là làm kỳ được, uống rượu đòi uống kỳ được, tôi chọn cái tiệm ăn khuất nẻo ấy. Chúng tôi vẫn thường đến đấy. Nhà gỗ dựng trên mặt nước, đi vào bằng một cái cầu nhỏ. Phía sau cánh đồng mênh mông chạy dài dưới ánh trăng. Đã muộn. Căn phòng rộng chỉ còn bàn ăn. Bà chủ béo phì ngồi sau quầy đọc

báo. Tôi gọi chạo tôm, bò nhúng dấm hai món Miên Hòa ưa thích đặc biệt và hỏi Miên:

– Bây giờ uống rượu phải không?

Miên đáp gọn lỏn:

– Vâng.

Thấy thế, Hòa đập mạnh vào tay tôi:

– Chết, nó say thì làm thế nào, anh này nữa.

– Say thế nào thì cũng chẳng bằng cái hồi Khâm Thiên Ngã Tư Sở ngày xưa có phải không Miên?

Tôi nói và cầm chai Mác-ten người bồi vừa đưa đến tôi thuận tay đẩy về phía Miên ngồi:

– Tha hồ uống nhưng với một điều

kiện: có say thì về đến khách sạn đã, đừng say ở đây.

Tôi uống rượu với Miên, Hòa hiền lành vẫn chỉ một ly xá xị như thường lệ. Chúng tôi ăn những miếng chạo tôm cuốn vào những đốt mía nướng và đúng thịt bò tươi vào một cái song nhỏ nghi ngút khói trên một cái hỏa lò than đỏ hồng hồng. Có hơi rượu gò má Miên ửng dần, hai mắt long lanh. Suốt bữa ăn Miên vui miệng kể cho Hòa nghe bằng một giọng đàn chị về đoạn đời cũ. Những ngày ở Hà Nội. Những người đàn ông quen biết. Những đêm đập phá. Những lần uống rượu say không biết đất trời là gì. Những bạn gái cùng nghề: Nguyệt lấy chồng, ba con rồi, bây giờ lái xe Mỹ vù vù; Phương sang Lào rồi ho lao mất xác bên ấy, Thường bán tạp hóa ở chợ Ban Mê Thuột, Nhân vớ được thằng tây già, nó

sợ vợ, suốt ngày bị Nhân chửi mắng. Rồi Miên hỏi tôi có nhớ những đêm lễ giáng sinh cũ lang thang khắp nơi tâng sảng lại kéo về tiệm phở Đông Mỹ bảy giờ còn ở phố Mới không. Miên nói thật nhiều. Có một trí nhớ lạ lùng. Qua chuyện Miên kể lại, hiện lên trước mắt tôi đêm đó, hình ảnh, lịch sử những tiệm nháy còn mở, đã đóng cửa, những lớp vũ nữ cũ mới, người đã bỏ nghề, người còn theo đuổi, rồi ánh sáng, gót chân, tài bám vũ nữ, chủ tiệm, nhạc sĩ, khách chơi, ca sĩ, đã hiện ra trước mắt tôi cả một thế giới từ mười mấy năm nay cuộc sống của Miên chập chờn trong đó, lúc nghiêng đi lúc bổng lên như cái phao trên một ngọn sóng, lúc đầu ngọn, lúc ngã xuống đáy, và Miên chỉ có độc sự liêu lĩnh làm khí giới. Tôi ngắm Miên, buồn rầu. Đã sống như vậy thì thêm một Định có nghĩa gì. Định chỉ là một con số, một căn buồng

khách sạn, một chỗ tạm nghỉ. Nghĩ vậy linh tính tôi lại thấy khác mới lạ chứ. Tôi cảm thấy lần này với Định, Miên không thể ra khỏi như mấy lần trước nữa. Linh tính tôi nói:

– Sẽ có chuyện ghê gớm xảy ra đây, không biết chuyện gì nhưng sẽ có chuyện ghê gớm.

Những trường hợp khởi đầu giống nhau nhưng hồi kết cục của một lần sẽ khác, cái lần ấy tôi thấy nó đang tới. Khi Miên hỏi tôi « anh nghĩ gì thế » tôi đáp không, nhưng kỳ thực tôi đang nghĩ đến chuyện người con gái tự tử ở căn buồng số tám ở khách sạn. Đến lúc ăn xong thì chúng tôi là những người cuối cùng. Miên đã say mềm người. Tôi gọi bồi trả tiền rồi với Hòa mỗi người một bên vực Miên đi ra. Miên để mặc cho chúng tôi kéo đi. Đến giữa chiếc cầu nổi

Miên khuyu xuống nhưng lại cố gượng dậy. Phải khó nhọc lắm tôi mới dìu được Miên vào trong taxi, để Miên ghé dưới với Hòa, Hòa đỡ Miên nằm ngủ trên đùi. Tôi bảo xe chạy từ từ. Thành phố về khu-ya buồn. Qua Chợ Lớn ánh đèn xanh của một tiệm nhảy Trung Hoa chiếu xuống một người bán thuốc lá ngồi gục đầu. Đường Trần Hưng Đạo, những cái bóng cảnh binh. Bỗng Miên nhồm dậy đập mạnh vào vai tôi:

– Thiếu mất Định anh nhỉ.

Tôi quay lại đáp:

– Ủ thiếu mất anh Định.

Nhưng Miên đã nằm vật xuống. Chúng tôi không nói gì nữa cho đến khi về tới khách sạn. Tôi bảo Hòa ngồi lại trong xe coi Miên để tôi lên gọi má Chín. Thấy tôi má hiểu ngay:

– Cô Miên lại say phải không?

Tôi đáp:

– Vâng. Nhờ má Chín giúp một tay.

Lại phải vất vả lắm người khiêng đầu người khiêng chân chúng tôi mới đem được Miên lên khỏi cái cầu thang vừa hẹp tối vừa dốc ngược, Hòa mở khóa bật đèn. Tôi đặt Miên nằm trên giường, không quên quay lại cảm ơn má Chín. Má nhìn Miên rồi đi ra, ý chừng những chuyện này vẫn thường xảy ra ở khách sạn. Tôi bảo Hòa tắt đèn cho Miên ngủ. Hòa theo tôi ra ban-công đứng nhìn xuống đường. Một lát sau có chiếc xích lô đến đậu trước khách sạn. Hòa nói nhỏ với tôi Yến Huệ đã đi làm về. Bên trong Miên trở mình nói ú ớ câu gì không rõ. Tôi chia tay với Hòa sau khi hẹn ngày mai sẽ tìm Định và sẽ trở lại với Định.

Tôi gặp Yến và Huệ ở đầu cầu thang. Yến hỏi xin tôi một liều thuốc lá.

MAI THẢO

(Là truyện số 11 in trong tập truyện
Bầy thỏ ngày sinh nhật _ NXB Nguyễn
Đình Vượng, 1965)

NHÌN BẢY CHÂN TRỜI

Ý KIẾN về TRUYỆN NGẮN GÌN VÀNG GIỮ NGỌC của DOÃN QUỐC SỸ. Nguyễn đình Vượng xuất bản.

Gìn Vàng Giữ Ngọc là tác phẩm thứ năm của Doãn quốc Sỹ, gồm bảy truyện ngắn mà ông đã viết trong ba năm trở lại đây và đã từng được đăng tải vào một tạp chí văn nghệ có mặt trong thời gian ấy.

Khi số truyện ngắn này được gom lại để trở thành hình thức một tác phẩm hai trăm trang, Doãn Quốc Sỹ đã mang chia tập truyện của ông thành ba phần và đặt thêm tên cho mỗi phần trong đó.

Phần thứ nhất : “Tình Ca” gồm hai truyện Khu Vườn Bên Cửa Sổ, Căn Nhà Hoang.
Phần thứ hai : “Chết” gồm hai truyện Tiền Kiếp, Cái Chết Của Một Người.
Phần thứ ba : “Hương Nhân Loại” gồm ba truyện Hương Nhân Loại, Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều và Gìn Vàng Giữ Ngọc, câu chuyện đã làm tên cho toàn tập.

Ngó chung vào lối sắp đặt và trình bày tác phẩm này, điều trước nhất mà người đọc nhận thấy là tác giả của nó (tác phẩm ấy) đã hết sức phân minh, sự phân minh chất phác và hồn nhiên rất đáng yêu, và nếu cần phải đặt thêm tên để chỉ rõ nội dung tác phẩm của ông, Doãn Quốc Sỹ cũng chỉ cần dùng một tên của phần đầu (tên Tình Ca) để thay thế cho cả ba phần truyện trong *Gìn Vàng Giữ Ngọc* thôi cũng đủ, vì, thực ra hầu hết không khí,

hình bóng, và tiếng nói của cả bảy truyện trong. *Gìn Vàng Giữ Ngọc*, khi cộng lại, người đọc vẫn nhận thấy đó là một bài nhạc với đầy đủ những khuôn nhạc cao thấp của nó để trình bày một chủ đề và Tiếng Hát Của Khúc Tình Ca ấy có thể cất lên ở những địa điểm khác nhau, với những thính giả khác nhau, nhưng tựu trung lại, sự chính yếu của khúc hát vẫn hướng về cùng một đối tượng và nói về cùng một điều, là mọi người, hãy mở cửa tâm hồn của mình ra, để nhận tình yêu vào và nâng niu, gìn giữ lấy tình yêu ấy cho bền chặt.

Trong tác phẩm này, Doãn Quốc Sỹ viết về tình yêu, tình nhân loại, tình thân, tình gia tộc, trên nhiều khung cảnh khác nhau, nhưng tất cả vẫn mang tư tưởng của chung của khúc tình. Bởi vậy, khi nhận xét về ông, đã nói trên. chúng ta có

thể nói với nhau : Doãn Quốc Sỹ, người viết Tình Ca. Nhận xét này, còn dùng để nói về tất cả mọi tác phẩm của ông hay chính đời sống riêng của ông nữa, khi đọc ông, tôi nghĩ vậy, dù là Doãn Quốc Sỹ kể chuyện cổ tích hay viết truyện ngắn, truyện dài, kịch, khảo luận, hoặc đôi khi cao hứng ông có làm một vài bài thơ đi chăng nữa.

✱

Trở về với tập truyện ngắn thứ năm của Doãn Quốc Sỹ vừa xuất bản mà chúng ta đương nói tới ở đây, tôi ghi thêm một nhận xét này để chúng ta sẽ lấy đó làm một điểm khởi hành vào tác phẩm của ông, là khi đọc văn Doãn Quốc Sỹ, điều thiết yếu nhất là hãy tìm trong văn của ông lấy chính tâm hồn ông, đời sống

ông, tình thương yêu chung thủy của ông, vì tác phẩm Doãn Quốc Sỹ chính là Doãn Quốc Sỹ, sạch và trong như ngọn suối. Chúng ta có thể cầm bất cứ một tập truyện nào của ông trên tay và đọc nó bằng một niềm tin cậy, rồi để mặc tình cho truyện của ông quyến rũ mà không phải nghi ngại.

Gạt sang một bên những vấn đề kỹ thuật, người viết văn còn phải vượt qua một sự khó khăn là làm sao cho người đọc tác phẩm của mình tin cậy mình. Doãn Quốc Sỹ đã thành công khi ông làm cho người đọc tin tưởng ở tâm hồn ông và những điều ông nói ra đã rung động chúng ta một cách dễ dàng.

Cuộc sống bấp bênh hiện nay của chúng ta và sự thành công mau chóng của nhà văn này đã khiến tôi nghĩ đến không khí một đêm cuối năm ở tiền

tuyến, mọi người ngồi quây quần chung quanh một đồng lửa gợi nhớ thương và giữa khi ấy, một người lên tiếng kể kỷ niệm, nói tới sự đầm ấm của gia đình, mơ ảo của tình yêu và niềm mơ ước được yên lành để trở về với sự đầm ấm, mơ ảo đó. Lẽ dĩ nhiên câu chuyện nhẹ nhàng ấy phải quyến rũ mọi người, và khi đó, việc nhen nhúm trong lòng người nghe một lý tưởng và một niềm tin để chiến đấu chỉ là việc nhỏ.

Đoàn Quốc Sỹ chính là người đã lên tiếng để nhen nhúm cho chúng ta sự thiết tha tin tưởng trong một khung cảnh đó. Và trường hợp tập truyện ngắn Gìn Vàng Giữ Ngọc này cũng vậy.

Chúng ta nói: khúc tình ca của Đoàn Quốc Sỹ đã cất lên và đã rung động được người nghe, đã thành công, đừng kể đến sự trình bày của dàn nhạc, ca sĩ, hay chiếc

máy phóng thanh làm gì vì những thứ này rất có thể đã mang nhiều sơ xuất.

TRẦN HẠNH

ĐOẠN ĐƯỜNG THỨ NHẤT CỦA ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

Điện ảnh Việt Nam đã đi qua đoạn đường thứ nhất : phim ấu trĩ, phim lạc hướng, phim nghèo nàn và phim thiếu ý thức kế tiếp nhau chiếu trên màn ảnh làm nản lòng những người yêu điện ảnh, đặt nhiều hy vọng vào nghệ thuật thứ bảy của Việt Nam.

Sau mấy năm hoạt động, điện ảnh Việt Nam ngưng tiến và ngưng lùi : nghỉ lấy hơi để sửa soạn bước vào giai đoạn mới. Những người làm điện ảnh âm thầm nghiên cứu, học hỏi, rút kinh

nghiệm mặc dầu không khí nghi kỵ và dè bủ nặng nề vây bọc lấy họ.

Nền điện ảnh xứ nào cũng phải qua đoạn đường thứ nhất, đó là giai đoạn sản xuất những phim vụng về, cẩu thả “bất thành phim”, nhưng hiện tượng suy sụp đó không phải là một điều đáng bị quan, đáng tuyệt vọng. cái yếu ớt xanh xao buổi ban đầu không phải là dấu hiệu của yếu mệnh.

Với những phương tiện thô sơ. với những chuyên viên tự tin nhưng còn ít mảnh lới nghề nghiệp, điện ảnh Việt Nam đã thành hình, dù cái “hình” đó lệch lạc, méo mó, làm mốc cho những lời nguyên rủa, phỉ báng. Giai đoạn đầu chấm dứt, những người làm điện ảnh cảm thấy chua chát, biết chua chát có nghĩa là đã lớn khôn. Kiểm thảo lại những cái dốt, cái vụng của mình, người làm điện ảnh

thấy rõ ràng từng khuyết điểm nhỏ, tự mãn nhạt dần, họ ý thức được vai trò trong giai đoạn mới, can đảm nhìn nhận tất cả những lỗi lầm trong quá khứ để lột xác làm việc cho tương lai.

Những người đến sau nhìn những người đi trước bằng lối nhìn khinh miệt, yên chí là mình sẽ làm nên chuyện hơn, mà sự thực sẽ như vậy, những người đến sau nhất định làm phim “chỉnh” hơn loại phim ở giai đoạn đầu của kẻ đi trước vì lý do giản dị là điện ảnh Việt Nam ngày hôm nay đã có nền nếp rồi, những chuyên viên hoạt động trong “bóng tối” như chuyên viên ráp nối, thu thanh, in rửa phim sau khi làm hỏng hàng ngàn thước phim đã quen thuộc với máy móc, am hiểu nghề nghiệp và sung sướng được nghĩ rằng mình đã thực thụ là chuyên viên điện ảnh.

Đoạn đường thứ nhất đã vượt qua, thiết tưởng cần phải nhắc nhở tới những người tuy chưa thành công nhưng đã thành nhân đó là những kẻ mở lối. những kẻ tự cảm thấy nhục nhã vì không làm tròn công việc, những kẻ bị phỉ nhổ là bịp bợm, “nhảy dù”, vô học... những kẻ bám vào nghề điện ảnh để sống một cuộc sống vất vưởng mặc dầu họ có thể sống đầy đủ bằng nghề khác. Và tại sao ta không thể nói một cách thẳng thắn và mạnh bạo : tất cả những người làm điện ảnh trong giai đoạn vừa qua là những kẻ can đảm ? Kể từ người xuất vốn làm phim, chưa có ai đã làm giàu bằng nghề điện ảnh.

.... “Ánh sáng miền Nam”, “Chúng tôi muốn sống”, “Hồi chuông Thiên mục”... cho tới “Vụ án tình” đã thuộc về quá khứ. Muốn quên đi như quên những kỷ niệm

buồn hay muốn nhớ lại để thấy mình đã lớn rồi cũng được nhưng xin đừng phỉ báng những con người đã trong sạch ôm lấy một thứ tình yêu.

THY LIÊN

ĐÊM TAO ĐÀN HỌP MẶT ĐẦU XUÂN

Trước giờ trình diễn, những người tha thiết đến văn nghệ xứ này cùng toàn thể anh em nghệ sĩ thủ đô đã họp mặt đông đảo tại Anh Vũ quán, đêm 17/3/1960. để ghi nhận tuổi thứ 5 của ban Thi-Văn Tao-Đàn.

Nếu phương cách tổ chức “máy móc” trong những cuộc họp mặt mà ta thường thấy, đêm văn nghệ do Ban Thi Văn Tao Đàn tổ chức vừa qua có một bầu khí

khác hẳn. Không phân biệt các ngành sinh hoạt khác nhau, những người tham dự đêm trình diễn ấy đều bộc lộ một thứ tình “anh em thật sự”.

Mở đầu cho đêm trình diễn, vẫn là tiếng nói quen thuộc có nhiều giai điệu của Đinh Hùng. Cái khát vọng của Đinh Hùng cũng là cái khát vọng chung của mọi người văn nghệ ở đây : dù là dưới hình thức của những cuộc họp mặt văn nghệ nào, những đêm mở màn vẫn đáng được thúc đẩy mãnh liệt.

Cuộc trình diễn văn nghệ gồm sự hợp tác của nhóm Tao Đàn, nhóm nghệ sĩ quán Anh Vũ và sự hưởng ứng đông đảo của các văn nghệ sĩ khác như Bích Sơn, Minh Trang, Giáng Kiều, Hà Huyền Chi, Thiếu Lang v.v... tạo cho buổi họp mặt không khí hào hứng. Tuy nhiên phải nhận chân rằng chương trình văn nghệ

hôm đó chưa được gạn lọc chu đáo.

Chủ ý của nhóm Tao Đàn không muốn xếp đặt một chương trình theo hệ thống mà chỉ muốn tạo một cớ hội để tất cả những người có mặt chung vui và góp phần theo khả năng của mình. Nhưng cái lối buông thả ấy suýt biến đêm văn nghệ thành một ý khác. Người ta không thể chấp nhận một Quách Đàm trong một bản nhạc không có gì đặc sắc, mà cái tiếng ca ấy đáng lẽ phải cất lên trong hội thơ, một Hoàng Thư vì muốn làm mới hoặc vì bị bầu khí tự do mặc cảm đã có những điệu bộ kém đẹp. Hồ Diệp, đáng lẽ phải thành công nhiều như ý mong đợi của mọi người, thì vì trình diễn nhiều quá, hết hát dân ca miền Bắc lại đóng kịch, nên có nhiều khuyết điểm kỹ thuật khiến giảm khá nhiều cảm tình của người xem. Tô Kiều Ngân và Giáng

Hương thì chỉ làm trọn phận sự mình như một buổi trình diễn vô tuyến. Bích Sơn, khiêm tốn và có rất nhiều thiện chí trong bài “Hoa trắng thôi cài trên áo tím” của Kiên Giang đã được hoan hô nhiệt liệt.

Phần kỹ thuật âm thanh do quán Anh Vũ đảm nhiệm không được chu đáo thành thử trong màn kịch thơ Bến nước Ngũ Bô trình diễn cuối cùng, khán giả nghe câu được câu chẳng làm cho vở kịch không đáp được ý thích của khán giả. Có một vài người bạn than phiền rằng tại sao nhóm Tao Đàn lại không đưa lên một trong những vở kịch của nhóm sáng tác và như vậy sự trình diễn quen thuộc với các diễn viên hơn. Đinh Hùng vội giải thích sự kiện như anh đã nói ở trên là chủ ý của nhóm chỉ định gây không khí vui chung cho nên không nghĩ đến chuyện

trình diễn một tác phẩm của Tao Đàn do Tao Đàn tập dượt. Màn kịch Bến Nước Ngũ Bồ được trình diễn hôm đó chỉ là do tinh thần giúp vui của Giáng Kiều và là sáng kiến riêng của Hồ Điệp. Nhưng nếu thiện chỉ giúp vui được ý thức bởi nghệ thuật thì không đáng trách, đằng này, mang một kịch bản đã có thời vàng son của nó chỉ với ý định giúp vui thì hơi quá đáng. Tôi thiết tưởng có nhiều vở kịch khác đúng với nghĩa giúp vui mà Giáng Kiều và Hồ Điệp biết được.

Mặc dầu phần trình diễn không tránh được khuyết điểm, nhưng không vì thế mà buổi họp mặt kém phần sôi nổi nồng nhiệt. Những người tham dự cũng như các bạn văn nghệ sĩ đã góp một phần lớn trong việc tạo cho cuộc gặp gỡ những dấu hiệu thiện cảm đáng ghi nhớ. Và tuy chương trình không xếp đặt, kỹ thuật

trình diễn có chút ít đồ võ, khả năng văn nghệ không vượt mấy so những năm trước đây nhưng có một điều này : đêm hôm đó Tao Đàn không tận dụng biểu diễn cái tài năng phong phú của mình. Phải chăng là để tiến tới những đêm văn nghệ vĩ đại hơn.

Mong lắm thay !

THÁI THỦY

NHÀ XUẤT BẢN HIỆN ĐẠI

Những sách sẽ xuất bản :

* TUYỂN TẬP VĂN

* TUYỂN TẬP THƠ

* MƯỜI NHÀ VĂN TRẺ

* THƠ - **hoàng anh tuấn**

* BUỒN GA NHỎ - **thanh nam**

* TƯ TƯỞNG ẤN ĐỘ - **lê xuân
khoa**

* **NGÀNH PHÊ BÌNH VĂN HỌC**
nguyên sa

In tại nhà in NAM SƠN

36, Nguyễn An Ninh Saigon

GIÁ : 15 \$00

